

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

---

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**(Để đăng ký kiểm định chất lượng trường đại học)**

*Sơn La, năm 2013*

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU THỐNG KÊ**

- Bảng A.II.13 Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 – Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.III.18: Thống kê số lượng cán bộ của Trường  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.III.19: Thống kê phân loại giảng viên  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.III.20: Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.III.21: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.III.21.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB*)
- Bảng A.IV.22 Số lượng sinh viên đăng ký dự thi đại học vào trường, số học sinh trúng tuyển và nhập học  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH*)
- Bảng A.IV.23: Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH*)
- Bảng A.IV.24: Số sinh viên quốc tế  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH*)
- Bảng A.IV.25: Số sinh viên có chỗ ở trong ký túc xá  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH*)
- Bảng A.IV.26: Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT*)
- Bảng A.IV.27: Số lượng tốt nghiệp  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH & phòng ĐTSDH*)
- Bảng A.IV.28: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH*)
- Bảng A.IV.29: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH*)
- Bảng A.V.31: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT*)
- Bảng A.V.32: Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT*)
- Bảng A.V.33: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT*)
- Bảng A.V.34: Số lượng sách của nhà trường được xuất bản  
(*Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT*)
- Bảng A.V.35: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách

- (Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.36: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.37: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.38: Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.39: . Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.40: . Số bằng phát minh, sáng chế được cấp  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.41.1: Số lượng học sinh/ sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng A.V.41.2: Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên  
*(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)*
- Bảng 2.1.1 Số lượng cán bộ viên chức tại các đơn vị thuộc trường Đại học Tây Bắc  
*(cập nhật đến 30/6/2013)*
- Bảng 2.6.1 Các hoạt động gắn kết sứ mạng của Trường Đại học Tây Bắc với chiến lược phát triển của các tỉnh miền núi Tây Bắc và cả nước
- Bảng 5.4.1 Cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý của Trường Đại học Tây Bắc  
*(Cập nhật đến 30/6/2013)*
- Bảng 5.5.1 Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Tây Bắc  
*(Cập nhật đến 30/6/2013)*
- Bảng 5.8.1 Cơ cấu đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên khối hành chính và phục vụ  
*(Cập nhật đến 30/6/2013)*
- Bảng 7.2.1 Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tỉnh, Thành
- Bảng 7.2.2 Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
- Bảng 7.3.1 Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành
- Bảng 7.5.1 Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khoa học công nghệ
- Bảng 9.9.9: Phân bố lực lượng bảo vệ ở các đơn vị  
*(Cập nhật đến 30.6.2013)*



## GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHTB	Đại học Tây Bắc
CĐSP	Cao đẳng sư phạm
CĐ	Công đoàn
ĐTN	Đoàn thanh niên
HCTĐ	Hội chữ thập đỏ
BMTT	Bộ môn trực thuộc
TT	Trung tâm
GDQP	Giáo dục quốc phòng
PGS	Phó giáo sư
TS	Tiến sỹ
ThS	Thạc sỹ
GVC	Giảng viên chính
CV	Chuyên viên
CN	Cử nhân
CBGD	Cán bộ giảng dạy
SV	Sinh viên
TSKH	Tiến sỹ khoa học
QLKH	Quản lý khoa học
QHQT	Quan hệ quốc tế
KH-CGCN	Khoa học-chuyên giao công nghệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội
QTKD	Quản trị kinh doanh
CNTT	Công nghệ thông tin
TTTH-NN	Trung tâm tin học - ngoại ngữ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
KHCN	Khoa học công nghệ
KHCB	Khoa học cơ bản
NLN	Nông lâm ngư
KT	Kinh tế
SP	Sư phạm
YD	Y dược
XHNV	Xã hội nhân văn
TDTT	Thể dục thể thao

**PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**  
**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 30/6/2013

**I. Thông tin chung của trường**

1. Tên trường (Tên chính thức):

Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Bắc

Tiếng Anh: Taybac University

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt:

Tên Tiếng Anh:

3. Tên trước đây: Trường Cao đẳng sư phạm Tây Bắc

4. Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La

6. Số điện thoại: 022.3751.700; số fax: 022.3751.711

Website: [www.taybacuniversity.edu.vn](http://www.taybacuniversity.edu.vn)

7. Năm thành lập trường: 23/3/2001 (theo Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khoá I: 2001

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp đại học cho khoá thứ nhất: 2005

10. Loại hình trường: Công lập

**II. Giới thiệu khái quát về trường**

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:

Sơ lược lịch sử:

Tiền thân của trường Đại học Tây Bắc là trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái Mèo được thành lập theo Quyết định 267/QĐ ngày 30/6/1960 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Tháng 10/1960 khai giảng khoá đầu tại khu học xá Tây Bắc ở bản Hìn, Châu Mường La, tỉnh Sơn La. 1961 chuyển về đóng tại thị trấn Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Năm 1964, bắt đầu đào tạo giáo viên cấp II (7+3) hai ban: Tự nhiên, Xã hội. Năm 1969 đào tạo giáo viên cấp II ( hệ 7+3) các ngành: Toán - Lý, Văn - Sử, Sinh - Hoá, Địa - Sinh; Năm 1972, bắt đầu đào tạo giáo viên cấp II ( hệ 10+3) các ngành: Toán - Lý, Văn - Sử, Sinh - Hoá, Địa - Sinh.

Sau khi khu Tự trị Tây Bắc giải thể 1976, Trường trực thuộc Bộ Giáo dục.

Năm học 1978 - 1979 bắt đầu đào tạo hệ bồi dưỡng giáo viên cấp II lên trình độ CĐSP. Năm 1980 bắt đầu đào tạo giáo viên cấp II có trình độ CĐSP.

Ngày 6 tháng 4 năm 1981 Hội đồng chính phủ ra Quyết định số 146/CP công nhận Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc là Trường CĐSP Tây Bắc.

Cùng với việc đào tạo chính quy trường đã đào tạo phi chính quy, bồi dưỡng giáo viên cấp II, cấp I lên trình độ CĐSP.

Ngày 23/3/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng sư phạm Tây Bắc.

Hiện nay, trường đã được Bộ Giáo dục Đào tạo cho phép mở 22 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, 19 ngành trình độ cao đẳng hệ chính quy, 22 ngành đào tạo liên thông chính quy từ cao đẳng lên đại học, 10 ngành đào tạo liên thông vừa làm vừa học từ trình độ cao đẳng lên đại học và 3 ngành đào tạo liên thông vừa làm vừa học từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học. Với tư cách là đơn vị phối hợp, trường đã và đang liên kết đào tạo 04 ngành với các

trường đại học khác.

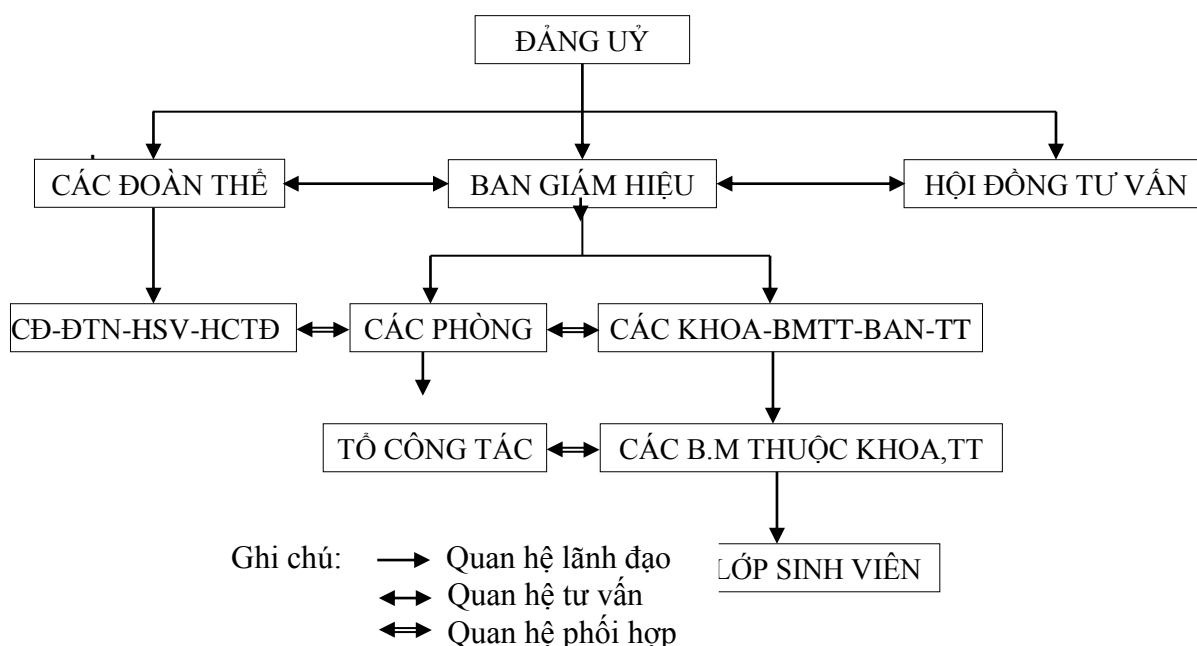
Là trường đại học đa ngành, phối hợp cùng sinh viên, các nhà sử dụng nhân lực, các nhà nghiên cứu và cộng đồng các dân tộc Tây Bắc nhằm đảm bảo các chương trình đào tạo có chất lượng và nghiên cứu bảo tồn những đặc trưng văn hoá của các dân tộc ít người. Trường Đại học Tây Bắc phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở vùng Tây Bắc, tiếp cận với các trường có đẳng cấp cao trong nước. Mỗi sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực trong môi trường cạnh tranh; các giá trị văn hoá đặc trưng của các dân tộc ít người được phát triển nhằm tạo sự phát triển bền vững của Vùng trong nền kinh tế hội nhập.

**Thành tích đạt được:**

Với những nỗ lực to lớn của nhiều thế hệ, Trường Đại học Tây Bắc đã vững bước phát triển về mọi mặt và được Đảng và Nhà nước tặng thưởng những phần thưởng cao quý như: Huân chương lao động hạng ba (năm 1980), Huân chương lao động hạng ba cho thầy Hiệu trưởng Hoàng Lăng (năm 1999), Huân chương lao động hạng hai (năm 1999), Công đoàn trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba (năm 2000), huân chương lao động hạng nhất (năm 2005), Huân chương lao động hạng ba cho thầy Hiệu trưởng Đặng Quang Việt (năm 2005). Năm 2010 nhà trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba. Nhiều đơn vị và cá nhân được Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen; thầy hiệu trưởng Đặng Quang Việt được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân; Có 4 giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú và nhiều cán bộ viên chức được tặng Huy chương vì sự nghiệp Giáo dục.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:

**Bảng A.II.13: Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Bao	TS. Hiệu trưởng	0913252340, <a href="mailto:baodhtb@gmail.com">baodhtb@gmail.com</a>
2. Phó Hiệu trưởng	Đình Thanh Tâm	TS. P. Hiệu trưởng	0986726767, <a href="mailto:tamdt@gmail.com">tamdt@gmail.com</a>
	Nguyễn Triệu Sơn	TS. P. Hiệu trưởng	0912229933, <a href="mailto:trieusonkt_dhtb@yahoo.co.vn">trieusonkt_dhtb@yahoo.co.vn</a>
	Đoàn Đức Lân	TS. P. Hiệu trưởng	0912504625,
3. Các tổ chức Đảng, đoàn TN, Công đoàn	Nguyễn Văn Bao	TS. Bí thư Đảng ủy	0913252340, <a href="mailto:baodhtb@gmail.com">baodhtb@gmail.com</a>
	Hà Văn Niệm	ThS. Bí thư đoàn trường	0985174950 <a href="mailto:haniem82@gmail.com">haniem82@gmail.com</a>
	Lò Văn Nét	ThS. Chủ tịch Công đoàn cơ sở	0915001865, <a href="mailto:lovannetdhtb@gmail.com">lovannetdhtb@gmail.com</a>
	Nguyễn Ngọc Duy	Chủ tịch Hội sinh viên	0984059525, <a href="mailto:nguyenduydhtb@gmail.com">nguyenduydhtb@gmail.com</a>
4. Các phòng, ban chức năng	Lò Văn Nét	ThS. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	0915001865 <a href="mailto:lovannetdhtb@gmail.com">lovannetdhtb@gmail.com</a>
	Nguyễn Hoàng Yến	TS. Trưởng phòng Hành chính TH	0912957282, <a href="mailto:hoangyen_dhtb@yahoo.com.vn">hoangyen_dhtb@yahoo.com.vn</a>
	Đỗ Hồng Đức	TS. Trưởng phòng Đào tạo Đại học	0982143838 <a href="mailto:dohongduc2008@gmail.com">dohongduc2008@gmail.com</a>
	Nguyễn Văn Hồng	TS. Trưởng phòng Đào tạo Sau ĐH	0988680943 <a href="mailto:hongnvtaybac@yahoo.com">hongnvtaybac@yahoo.com</a>
	Vũ Trọng Lương	TS. Trưởng phòng Quản lý KH&QHQT	0915158759 <a href="mailto:vutrongluong@gmail.com">vutrongluong@gmail.com</a>
	Lữ Thị Minh	ThS. Trưởng phòng CTCT &QLNH	0983847437 <a href="mailto:luthiminh@gmail.com">luthiminh@gmail.com</a>
	Phạm Minh Thông	ThS. Trưởng phòng KTBĐCLGD	0982385858 <a href="mailto:thongdhtb@gmail.com">thongdhtb@gmail.com</a>
	Đặng Thị Thu Huệ	ThS. Trưởng phòng Tài chính Kế toán	0912685088 <a href="mailto:huedtt@yahoo.com">huedtt@yahoo.com</a>
	Nguyễn Duy Quang	ThS. Trưởng phòng Cơ sở vật chất	01683473924 <a href="mailto:nguyenduyquangdhtb@gmail.com">nguyenduyquangdhtb@gmail.com</a>
5. Các	Ngô Đức Quyền	ThS. Giám đốc trung	0912749907, <a href="mailto:ngoquyendhtb@gmail.com">ngoquyendhtb@gmail.com</a>



trung tâm/ viện trực thuộc		tâm thông tin-TV	
	Phạm Quốc Thắng	ThS. Giám đốc TT Tin học ngoại ngữ	0945268298 <a href="mailto:quochang@taybacuniversity.edu.vn">quochang@taybacuniversity.edu.vn</a>
	Nguyễn Công Tho	ThS. Quyền GD TT nghiên cứu VHTB	01688967864, <a href="mailto:nguyenthottvh@gmail.com">nguyenthottvh@gmail.com</a>
	Vũ Hồng Kim	ThS. Giám đốc trung tâm NCKH&CGCN	0983467585, <a href="mailto:vukimsh09@gmail.com">vukimsh09@gmail.com</a>
	Nguyễn Văn Bao	TS. Giám đốc trung tâm GDQP&AN	0913252340, <a href="mailto:baodhtb@gmail.com">baodhtb@gmail.com</a>
	Phạm Quang Thắng	ThS. Giám đốc TT thực nghiệm NL	0915421342, <a href="mailto:pqthang@utb.edu.vn">pqthang@utb.edu.vn</a>
	Nguyễn Thanh Tùng	Hiệu trưởng trường TH, THCS, PTHH Chu Văn An	0942970099, <a href="mailto:thanhtungcva2013@gmail.com">thanhtungcva2013@gmail.com</a>
6. Các khoa	Hoàng Ngọc Anh	TS. Trưởng khoa Toán-Lý-Tin	0912655243 <a href="mailto:ngocanhbu@gmail.com">ngocanhbu@gmail.com</a>
	Vũ Quang Giảng	TS. Trưởng khoa Nông Lâm	<a href="mailto:vugiangdhtb@gmail.com">vugiangdhtb@gmail.com</a>
	Nguyễn Thị Lan Anh	ThS. Trưởng khoa Kinh tế	0912714472 <a href="mailto:lananhsonla@yahoo.com">lananhsonla@yahoo.com</a>
	Hoàng Văn Viện	ThS. Trưởng khoa LL chính trị	0978747560 <a href="mailto:vienhoangvan@gmail.com">vienhoangvan@gmail.com</a>
	Vũ Tiến Dũng	TS. Trưởng khoa Tiểu học Mầm non	0912745054 <a href="mailto:vutiendungtb@gmail.com">vutiendungtb@gmail.com</a>
	Trần Văn Hạnh	ThS. Trưởng khoa TDTT	0812587304, <a href="mailto:ducvientbu@gmail.com">ducvientbu@gmail.com</a>
	Bùi Thanh Hoa	TS. Trưởng khoa Ngữ Văn	0912559633, <a href="mailto:bui Thanhhoatbu@gmail.com">bui Thanhhoatbu@gmail.com</a>
	Đỗ Thị Thanh Trà	ThS. Trưởng khoa Ngoại ngữ	0912785486 <a href="mailto:dothnhtra1977@yahoo.co.vn">dothnhtra1977@yahoo.co.vn</a>
	Phạm Văn Nhã	TS. Trưởng khoa Sinh Hóa	0918350119 <a href="mailto:phamvannhadhtb@gmail.com">phamvannhadhtb@gmail.com</a>
	Phạm Văn Lực	TS. Trưởng khoa Sử Địa	0915802693, <a href="mailto:pvl dhtb@gmail.com">pvl dhtb@gmail.com</a>

#### 14. Các cấp học và trình độ đào tạo của nhà trường

	Có	Không
Đào tạo tiến sỹ	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Đào tạo thạc sỹ	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đào tạo đại học	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đào tạo cao đẳng	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đào tạo TCCN	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Các cấp học và trình độ đào tạo khác	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

15. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sỹ: Không có

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sỹ: 2

Số lượng ngành đào tạo đại học: 22

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 19

Số lượng ngành đào tạo TCCN: Không có

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: Không có

16. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

17. tổng số khoa đào tạo: 10 khoa

### III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

18. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường

#### Bảng A.III.18: Thống kê số lượng cán bộ của Trường

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	110	113	223
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	95	112	207
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	14	15	29
	<b>Tổng số</b>	219	240	459

19. Thống kê, phân loại giảng viên (*chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây*)

#### Bảng A.III.19: Thống kê phân loại giảng viên

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, viện sỹ	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư	27	0	0	1	26	
3	Tiến sỹ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sỹ	75	16	0	3	56	0
5	Thạc sỹ	333	152	59	12	110	0
6	Đại học	89	33	56	0	0	
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	524	201	115	16	192	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = cột(3) – cột (7) = 332 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 72,33%

20. Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

**Bảng A.III.20: Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sỹ	3,0							
2	Phó giáo sư	2,5	01	2,5					2,5
3	Tiến sỹ khoa học	3,0							
4	Tiến sỹ	2,0	19	16	0	3	56	0	56,60
5	Thạc sỹ	1,3	333	152	59	12	110	0	238,81
6	Đại học	1,0	89	7	82	0	0	0	89,70

7	Cao đẳng	0,5								
8	Trung cấp	0,2								
9	Trình độ khác	0,2								
	Tổng		442	177,5	141	15	166			387,61

Cách tính: Cột 10 = cột 3. (cột 5 + cột 6 + 0,3. cột 7 + 0,2. cột 8 + 0,2. cột 9)

21. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

**Bảng A.III.21: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

Số TT	Trình độ/học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư	1	0,28	1					1	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	22	6,15	15	7		6	15	1	0
5	Thạc sĩ	255	71,23	97	158	83	113	47	12	0
6	Đại học	80	22,35	46	34	37	19	22	2	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác									
	Tổng	358		159	199	120	138	84	16	0

21.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

**Bảng A.III.21.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng TCCB)

Số TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15	70
2	Thường sử dụng (trên 40 – 80% thời gian của công việc)	17	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40 – 60% thời gian của công việc)	32	6
4	Ít khi sử dụng (trên 20 – 40% thời gian của công việc)	31	2
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0 – 20% thời gian của công việc)	5	2
6	Tổng	100	100

21.2 Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34,3 tuổi

21.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường:  $22/358 = 6,15\%$

21.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường:  $255/358 = 71,23\%$

#### IV. Người học

22. Tổng số học sinh đăng ký dự thi đại học vào trường, số học sinh trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

#### **Bảng A.IV.22 Số lượng sinh viên đăng ký dự thi đại học vào trường, số học sinh trúng tuyển và nhập học**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH)

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
<b>Đại học</b>							
2009 - 2010	16.806	1.816	9,1	1.692	15.0	15.0	3
2010 - 2011	11.767	1.899	6,2	1.814	15.0	15.0	11
2011 - 2012	10.299	2.226	4,6	2.055	14.5	14.5	15
2012 - 2013	8.962	1.920	4,7	1.621	14,5	14,5	32
2013 - 2014	9.110	1.850	4,7	1.754	14,5	14,5	30
<b>Cao đẳng</b>							
2009 - 2010	308	634		428	12.0	12.0	
2010 - 2011	126	630		458	12.0	12.0	
2011 - 2012	94	741		527	11.5	11.5	
2012 - 2013	42	808		783	11.5	11.5	
2013 - 2014	50	724		337	11.5	11.5	

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập trung tại trường (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007):.....người

23. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học (trong 5 năm gần đây) các hệ chính quy và không chính quy

#### **Bảng A.IV.23: Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH)

Các tiêu chí	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
1. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	1692	1814	2055	1621	1754
Hệ không chính quy	1105	1345	1389	503	948
1. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	428	458	527	783	134
Hệ không chính quy					
1. Học viên cao học Trong đó:					
Hệ chính quy					

Hệ không chính quy					
--------------------	--	--	--	--	--

Tổng số người học chính quy (chưa quy đổi): 8.688

Tổng số người học quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 9/2/2007):

.....

Tỷ lệ người học trên giảng viên (sau khi quy đổi): .....

24. Số sinh viên quốc tế ( học đại học) nhập học trong 5 năm gần đây nhất

**Bảng A.IV.24: Số sinh viên quốc tế**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH)

	Năm học				
	2009 - 2010	2010- 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
Số lượng	3	11	15	32	30
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0,001	0,01	0,01	0,01	0,02

25. Sinh viên có chỗ ở trong ký túc xá/ tổng số sinh viên có nhu cầu

**Bảng A.IV.25: Số sinh viên có chỗ ở trong ký túc xá**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng CTCT & QLNH)

Các tiêu chí	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	9.953,6	12.442	12.794	23.013	23.013
2. Sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá), người	3225	3617	3971	2907	2836
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá, người	787	1395	1647	1900	2015
4. Diện tích bình quân trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m <sup>2</sup> /người	4	4	4	4	4

26. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

**Bảng A.IV.26: Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

	Năm học				
	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
Số lượng	180	181	285	250	253
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học quy đổi	0,06	0,05	0,07	0,09	0,09

27. Thống kê số lượng người tốt nghiệp (trong 5 năm gần đây)

**Bảng A.IV.27: Số lượng tốt nghiệp**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH & ĐTSDH)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2009 - 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014
1. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	1685	3345	2181	2480	
Hệ chính quy	1266	1671	1544	1722	
Hệ không chính quy	419	1674	637	758	
2. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	294	356	374		
Hệ chính quy	294	356	373	382	
Hệ không chính quy	0	0	1		
3. Học viên viên tốt nghiệp cao học Trong đó:	30	23	28	31	
Hệ chính quy	30	23	28	31	
Hệ không chính quy					

28. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy

**Bảng A.IV.28: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1266	1671	1544	1722	
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	99,25	99,08	99,25	98,94	
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					

- Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

29. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy (nếu có)

**Bảng A.IV.28: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng ĐTDH)

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	294	356	373	382	
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	99,31	99,22	99,29	99,51	
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học					



được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đề được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

30. Tình trạng tốt nghiệp của học sinh TCCN hệ chính quy (không có)

#### V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

31. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong giai đoạn: Từ 2009 đến năm 2013

**Bảng A.V.31: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2008 - 2009	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012	2012 - 2013	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1	Đề tài cấp NN	0,2						
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5						
4	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3. (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi:.....

Bình quân số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên 1 cán bộ cơ hữu:.....

32. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong giai đoạn:  
Từ năm 2008 - 2013

**Bảng A.V.32: Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (tiêu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Bình quân doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên 1 cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2008			
2	2009			
3	2010			
4	2011			
5	2012			
6	2013			

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong giai đoạn:  
Từ năm 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.33: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

34. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong giai đoạn: từ 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.34: Số lượng sách của nhà trường được xuất bản**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						
			2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	0,2							
2	Sách giáo trình	1,5							
3	Sách tham khảo	1,0							
4	Sách hướng dẫn	0,5							
5	Tổng								

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):.....

Bình quân số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên 1 cán bộ cơ hữu:.....

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong giai đoạn: từ năm 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.35: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

36. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong giai đoạn: từ năm 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.36: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí**

(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH,CN & HTQT)

Số TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5							
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0							
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5							
4	Phân loại tạp chí	1,5							
5	Tổng								

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):.....

Bình quân số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên 1 cán bộ cơ hữu:.....

37. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong giai đoạn: từ năm 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.37: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí**  
(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí/tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia			

38. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong giai đoạn: từ năm 2008 đến năm 2013

**Bảng A.V.38: Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu**  
(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2008	2009	2010	2011	2012	2013	
1	Hội thảo quốc tế	0,1							
2	Hội thảo trong nước	0,5							
3	Hội thảo cấp trường	0,25							
4	Tổng								

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần).

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):.....

Bình quân số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

39. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong giai đoạn: từ năm 2009 đến năm 2013

**Bảng A.V.39: Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu**  
(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)

Số CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

40. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

**Bảng A.V.40: Số bằng phát minh, sáng chế được cấp***(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)*

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2008 - 2009	
2009 - 2010	
2010 - 2011	
2011 - 2012	
2012 - 2013	

41. Nghiên cứu khoa học của học sinh/ sinh viên

41.1 Số lượng học sinh/ sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong giai đoạn: từ năm 2009 đến năm 2013

**Bảng A.V.41.1: Số lượng học sinh/ sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học***(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)*

Số lượng đề tài	Số lượng học sinh/sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số sinh viên tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

41.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

*(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)***Bảng A.V.41.2: Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên***(Cập nhật đến 30/6/2013 - Nguồn phòng KH, CN & HTQT)*

Số TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2007 - 2008	2008 - 2009	2009 - 2010	2010 - 2011	2011 - 2012
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

42. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m<sup>2</sup>): 1.053222,5 m<sup>2</sup>43. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc:
- Nơi học:
- Nơi vui chơi giải trí

44. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Tổng diện tích phòng học
- Bình quân diện tích phòng học trên 1 sinh viên chính quy

45. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường

46. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng
- Dùng cho sinh viên học tập

Bình quân số máy tính dành cho sinh viên trên 1 sinh viên chính quy

47. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2009:
- Năm 2010:
- Năm 2011:
- Năm 2012:
- Năm 2013:

48. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2009:
- Năm 2010:
- Năm 2011:
- Năm 2012:
- Năm 2013:

## VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng:

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số sau đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%)

2. Sinh viên

Tổng số sinh viên chính quy (người):

Tổng số sinh viên quy đổi (người)

Bình quân số sinh viên trên một giảng viên (sau khi quy đổi)

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (Triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay (%)

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

7. Cơ sở vật chất:

Bình quân số máy tính dành cho sinh viên trên 1 sinh viên chính quy:

Bình quân số diện tích phòng học trên 1 sinh viên chính quy:

Bình quân số diện tích ký túc xá trên 1 sinh viên chính quy:

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG**

Năm học	Cao đẳng		Đại học		Thạc sỹ	Tiến sỹ
	Chính quy	Không chính quy	Chính quy	Không chính quy		
2004						
Nam	101	118	270	295	0	0
Nữ	191	166	402	290		
Tổng	292	284	672	585		
2005						
Nam	97	158	447	266	0	0
Nữ	137	181	658	285		
Tổng	234	339	1105	551		
2006						
Nam	112		438	894	0	0
Nữ	267		930	1099		
Tổng	379		1368	1993		
2007						
Nam	112	67	668	951	0	0
Nữ	212	78	1022	976		
Tổng	324	145	1690	1927		
2008						
Nam	132		570	551	0	0
Nữ	264		1022	583		
Tổng	396		1592	1134		



26. Số sinh viên quốc tế: 02 (Lào)  
 27. Tỷ lệ sinh viên có chỗ ở trong ký túc xá: 15%  
 28. Số lượng đề tài sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học: 240 (tính từ 2004 - 2008)  
 29. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:  
 - Có 9 đề tài đạt giải 3 cấp Bộ  
 - Có 19 đề tài đạt giải khuyến khích cấp Bộ

**Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính:**

30. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m<sup>2</sup>): 1.053.222,5 m<sup>2</sup>  
 31. Diện tích sử dụng cho (tính bằng m<sup>2</sup>)  
 - Nơi làm việc: 6.739,6 m<sup>2</sup>  
 - Nơi học: 18.465,7 m<sup>2</sup>  
 - Nơi vui chơi giải trí:  
 32. Tổng số đầu sách trong các thư viện của trường: 124.703 trong đó có 1.044 đầu giáo trình và 4.450 đầu tài liệu tham khảo chính.  
 33. Tổng số máy tính trong trường: 419 trong đó:  
 - Dùng cho văn phòng: 127  
 - Dùng cho sinh viên học tập: 292  
 34. Tổng kinh phí nhà nước cấp cho trường trong 5 năm gần nhất:  
 - Năm 2004: 19.956.585.000  
 - Năm 2005: 22.145.297.000  
 - Năm 2006: 25.950.771.000  
 - Năm 2007: 29.877.819.000  
 - Năm 2008: 32.957.471.142  
 35. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần nhất:  
 - Năm 2004: 190.000.000  
 - Năm 2005: 365.600.000  
 - Năm 2006: 1.072.200.000  
 - Năm 2007: 820.830.000  
 - Năm 2008: 711.900.000  
 36. Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học:  
 - Năm 2004: 8,54%  
 - Năm 2005: 4,85%  
 - Năm 2006: 2,07%  
 - Năm 2007: 8,32%  
 - Năm 2008: 15,15%

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

### I. Đặt vấn đề:

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Tây Bắc luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo. Kết quả là nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường đang công tác tốt tại các địa phương, góp phần mang lại hiệu quả cho các tỉnh Tây Bắc. Điều đó, chứng tỏ chất lượng đào tạo của nhà trường đã được xã hội đánh giá cao. Tuy vậy, nhà trường vẫn không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo để có thể bắt kịp với chất lượng đào tạo của cả nước và của khu vực.

Trên cơ sở nhận thức được rằng: "Đảm bảo chất lượng là một quá trình liên tục cải tiến chất lượng theo cấu trúc hệ thống. Một công cụ quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng là tự đánh giá. Tự đánh giá đem đến cho chúng ta một cái nhìn sâu hơn về những điểm mạnh, những tồn tại và cũng là một sự khởi đầu tốt cho việc xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển và cũng có thể là điểm khởi đầu cho việc xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong".(Trích "Khái niệm chung về đảm bảo chất lượng").

Trường Đại học Tây Bắc đã đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí, theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để thực hiện công tác tự đánh giá của nhà trường được tốt, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm đại diện các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên, dưới sự điều hành của Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá có chức năng và nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng để triển khai tự đánh giá tại trường được quy định tại Điều 19, chương IV, bản "Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học" do Bộ GD-ĐT ban hành. Các uỷ viên Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ thực hiện và chịu trách nhiệm về những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Giúp việc cho Hội đồng gồm có Ban thư ký do đồng chí phó Phòng Đào tạo, trưởng Bộ phận đảm bảo chất lượng giáo dục làm trưởng ban và các nhóm chuyên trách tự đánh giá tiêu chuẩn. Mỗi nhóm chuyên trách gồm 3 đến 4 người được phân bổ các tiêu chí theo lĩnh vực chuyên môn của mỗi người,

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục Đại học lần này giúp nhà trường và các đơn vị trong trường hoàn thành từng bước các hoạt động của đơn vị, từ khâu lưu trữ công văn, cho đến các công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cho đến công tác tài chính và cũng qua công tác này sẽ góp phần tạo nên một sự chuyển biến cả về nhận thức lẫn trong hành động, từ cán bộ quản lý đến đội ngũ cán bộ công chức trong toàn trường.

## **II. Tổng quan chung**

Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học Vùng, đa ngành có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho các tỉnh Tây Bắc. Tuy cơ sở vật chất của nhà trường đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên toàn trường luôn ra sức phấn đấu lấy kiến thức là đích đến trong các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường đã có các hình thức và phương thức tổ chức đào tạo khác nhau như chính quy và vừa học vừa làm, với nhiều trình độ khác nhau từ cao đẳng đến đại học. Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường đã được xã hội đánh giá cao. Tuy vậy các hoạt động của nhà trường hầu như vẫn chưa có thay đổi lớn từ ngày thành lập. Do đó, khi tham gia kiểm định chất lượng giáo dục đại học, nhà trường đã tự xem xét và báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến. Từ đó Nhà trường đã đề ra các biện pháp để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Thông qua công tác tự đánh giá này Nhà trường đã tự xem xét lại tổng thể hoạt động, giúp nhà trường chủ động, tích cực trong công tác quản lý và đồng thời tìm ra những giải pháp để phát triển Nhà trường. Điều này cũng thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu sứ mạng của Nhà trường.

Mục đích đánh giá là cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo đồng thời cung cấp căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

**Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Tây Bắc**

### Những điểm mạnh:

Sứ mạng của Trường ngay từ đầu đã được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của nhà trường là đào tạo đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn cho khu vực Tây Bắc.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh bằng các văn bản rõ ràng.

### Những tồn tại:

Một số đơn vị chưa triển khai kịp thời và đồng bộ kế hoạch của Nhà trường, do vậy một số kế hoạch không được thực hiện có hiệu quả như mong muốn.

Một số ngành đào tạo còn thiếu giảng viên như các ngành: Chăn nuôi, Thú y, Tài chính Ngân hàng.

Hiện nay, cơ sở vật chất của nhà trường chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đặc biệt sân chơi, bãi tập, các cơ sở thực nghiệm còn thiếu thốn. Vì vậy ảnh hưởng không nhỏ tới việc dạy và học.

Mặc dù mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được quán triệt, tuy nhiên một số đơn vị vẫn chưa nắm rõ để thực hiện tốt.

### Kế hoạch:

Tiếp tục cải tiến và đẩy mạnh việc xây dựng kế hoạch chiến lược của nhà trường để phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực cũng như cả nước trong những năm tới.

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất, cũng như mở rộng liên kết đào tạo, mở thêm mã ngành phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước.

Trong năm học 2013 - 2014 sẽ tiếp tục điều chỉnh và công bố rộng rãi các mục tiêu giáo dục của Nhà trường trên website và các văn bản khác, đồng thời quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên và sinh viên.

## **Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và Quản lý**

### Đánh giá điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của trường đã được thực hiện theo đúng quy định của một trường đại học và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Các đơn vị trong trường thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, nhờ vậy mà công việc được giải quyết nhanh chóng, góp phần vào sự phát triển của Trường. Để phù hợp với điều kiện thực tế, trường đã thành lập các tổ bộ môn trực thuộc các khoa để quản lý công tác chuyên môn giảng dạy.

Nhờ hoạt động đúng theo quy chế và phổ biến rộng rãi quy chế cũng như các văn bản đến cán bộ công chức và sinh viên nhanh chóng nên công tác tổ chức, quản lý các hoạt động trong nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên, đoàn thể v.v. chính trong thời gian qua đạt hiệu quả tốt.

Hoạt động tài chính của trường được triển khai theo đúng quy chế, đúng theo quy định của nhà nước, chính xác, kịp thời phục vụ yêu cầu toàn trường

Các đơn vị văn phòng, khoa, tổ trực thuộc đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường.

Các phòng, khoa, tổ trực thuộc đều có phân công trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của từng thành viên trong ban lãnh đạo. Trường đã thành lập các Hội đồng về công tác Khoa học và Đào tạo cấp khoa và đã tổ chức hội nghị Đào tạo về công tác dạy học của trường. Định kỳ hàng năm, nhà trường đã tổ chức Hội nghị Khoa học của Trường.

Trong những năm qua, nhà trường chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ giảng dạy và phục vụ, phát triển cơ sở vật chất do đó chất lượng đào tạo ngày càng được phát triển, thể hiện ở quy mô đào tạo. Công tác nghiên cứu khoa học được chú trọng và ngày càng phát triển. Công tác Hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đã hoạt động có hiệu quả và được đánh giá tốt trong xếp loại hàng năm. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể đã phát huy được vai trò của mình, tạo môi trường đoàn kết trong tập thể và đã thu hút được cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên tham gia đều đặn theo quy định. Công tác Đảng đã phát huy được vai trò lãnh đạo, tính tập trung dân chủ để định hướng nhiệm vụ cho chính quyền, đoàn thể đảm bảo duy trì sự ổn định trong Nhà trường. Từ đó Đảng bộ nhà trường đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua.

#### Những tồn tại:

Các đơn vị trong trường hoạt động theo quy chế chung của trường, tuy nhiên có một số đơn vị trong trường chưa có quy định làm việc riêng bằng văn bản.

Chưa tổ chức được hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác quản lý.

Nhà trường chưa định kỳ đánh giá công tác tổ chức và điều hành của các đơn vị trong trường và tổng kết công tác thi đua, khen thưởng.

Các đơn vị trong trường chưa xây dựng được bằng văn bản kế hoạch chín lược trung và dài hạn nhằm triển khai chiến lược phát triển của nhà trường.

Lịch tiếp cán bộ viên chức chưa được quy định cụ thể.

#### Kế hoạch:

Trong năm 2014, các đơn vị hoàn thiện quy định làm việc bằng văn bản.

Trong các năm tiếp theo, tiến hành tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác quản lý.

Trong ba năm tới, Nhà trường sẽ định kỳ đánh giá công tác tổ chức và điều hành của các đơn vị trong trường và tổng kết công tác thi đua, khen thưởng.

Trong các năm tiếp theo, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn phù hợp với nhu cầu phát triển của khu vực Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Kể từ năm 2014, nhà trường sẽ quy định cụ thể lịch tiếp cán bộ viên chức.

### **Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo**

#### Đánh giá điểm mạnh:

Thời gian nhà trường được quyết định lên đại học chưa dài, nhưng nhà trường đã mở được nhiều ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhân lực của địa phương. Mặc dù cơ sở vật chất của nhà trường chưa được xây dựng hoàn chỉnh, nhưng trường vẫn cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Trường đã xây dựng một cách có hệ thống và tương đối đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý. Hệ thống chương trình và kế hoạch đào tạo được xây dựng một cách khoa học, hợp lý và theo đúng quy định do Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình chi tiết và hệ thống tài liệu tham khảo của từng môn học trong chương trình đào tạo được lưu trữ cẩn thận và đầy đủ ở các khoa. Chương trình được chỉnh sửa và bổ sung kịp thời, linh hoạt theo yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Việc liên thông giữa các trình độ đào tạo, giữ các phương thức tổ chức đào tạo của trường được thực hiện có hiệu quả, hợp lý và ngày càng được phát huy. Việc ký kết hợp tác liên thông với các trường bạn ngày càng đa dạng, phong phú.

#### Những tồn tại:

Công tác đánh giá, lấy ý kiến đóng góp về chương trình đào tạo từ sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động, các doanh nghiệp, nhà trường chưa thực hiện thường xuyên. Chưa công bố đề cương chi tiết và tài liệu tham khảo của từng môn học trong chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học trên website của trường. Website của trường chưa có mục trao đổi, góp ý về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết. Nhà trường chưa tổ chức được các hội nghị

riêng về chương trình đào tạo để chương trình đào tạo của trường ngày càng được hoàn thiện hơn. Mô hình liên thông trong nhà trường chỉ dừng lại ở một số ngành Sư phạm và Nông Lâm. Chưa có chương trình đào tạo liên thông với nước ngoài.

#### Kế hoạch:

Tiếp tục hoàn thiện các chương trình đào tạo, điều chỉnh, bổ sung, hiện đại hoá kịp thời các môn học cũng như các ngành học mới. Định kỳ hai năm một lần, tổ chức công tác điều tra khảo sát về chương trình đào tạo của trường đối với giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng... Trong vòng ba năm tới, nhà trường sẽ nhanh chóng đưa các đề cương chi tiết các học phần và tài liệu tham khảo của các ngành đào tạo hệ vừa học vừa làm lên trang web của nhà trường, để phổ biến đến thầy cô giáo, sinh viên và những người quan tâm tiện tham khảo và theo dõi. Từ năm 2014, trang web của trường bổ sung thêm mục trao đổi, góp ý về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các ngành học. Nhà trường sẽ phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy về số lượng lẫn chất lượng cho các ngành còn thiếu, đồng thời tăng cường thêm công tác quảng bá về trường để có thể mở thêm ngành, mở các lớp đại học bằng hai tại trường và các địa phương khu vực Tây Bắc. Trong vòng 2 - 3 năm tới, các hoạt động tìm hiểu, hợp tác liên kết đào tạo và liên thông với các trường đại học nước ngoài cũng là một hướng phát triển mới của nhà trường nhằm từng bước hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

### **Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động đào tạo**

#### Đánh giá điểm mạnh:

Các phương thức đào tạo đa dạng (chính quy, vừa làm vừa học); thích hợp (trong trường, ngoài trường, học cả ban ngày, ban đêm); đáp ứng nhu cầu học tập của người học. Trường đã thực hiện phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ và cũng đã dần dần đi vào ổn định. Nhà trường đã xây dựng xong chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của tất cả các ngành theo học chế tín chỉ. Nhà trường khuyến khích cán bộ giảng viên áp dụng các phương pháp dạy học mới, sử dụng các phương tiện máy móc, thiết bị công nghệ cao vào dạy học cũng như thực hiện các đề tài / dự án nghiên cứu khoa học, với tiêu chí khả thi để có thể ứng dụng có hiệu quả vào công tác giảng dạy tại trường. Tích cực cải tiến phương pháp dạy học, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học. Việc cải tiến phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá luôn được đề cập đến trong các cuộc họp giao ban cũng như trong các hội nghị khoa học về công tác giảng dạy, nhà trường luôn khuyến khích cải tiến nhằm đảm bảo kết quả đánh giá chính xác, công bằng, khách quan. Kết quả học tập của sinh viên đã được nhà trường lưu trữ bằng hệ thống Edusof. Lưu trữ điểm, văn bằng, chứng chỉ đầy đủ, chính xác và đúng quy định.

#### Những tồn tại:

Số lượng các học phần tự chọn trong từng ngành học chưa nhiều so với yêu cầu nên việc thực hiện chế độ tích lũy học phần chưa cao. Nhà trường chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy của các giảng viên thông qua đánh giá của đồng nghiệp và phản hồi của người học chưa được tổ chức định kỳ hàng năm. Nhà trường chưa khảo sát được tính sát thực của đề thi phản ánh đúng năng lực của người học. Do đặc thù riêng của từng ngành học, hiện nay việc ra đề và chấm thi phần lớn vẫn do các giảng viên phụ trách môn học đảm nhiệm, khiến kết quả đánh giá tổng quan chung chưa được khách quan. Nhà trường chưa xây dựng hoàn chỉnh ngân hàng đề thi, chưa bao quát tất cả chương trình. Việc chấm thi, nộp điểm ở một số cán bộ giảng dạy còn chậm, ảnh hưởng đến việc tổng hợp điểm, xét học bổng, cũng như xét học tiếp, ngừng, thôi học cho sinh viên.

#### Kế hoạch:

Trong những năm tới, Nhà trường sẽ tích cực xin mở thêm một số ngành học mới, tăng cường quảng bá, thông báo chiêu sinh nhằm thu hút người học hơn nữa.

Trong vòng 2 - 3 năm tới, nhà trường sẽ phấn đấu tăng cường số lượng các học phần tự chọn trong từng ngành để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên lựa chọn môn học. Phấn đấu hàng năm khảo sát ý kiến người học cũng như giảng viên, cán bộ quản lý về công tác đào tạo theo học chế tín chỉ để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của người dạy và người học.

Nhà trường sẽ khuyến khích và tạo điều kiện cho các giảng viên tham khảo ý kiến của đồng nghiệp và người học về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy, từ đó có thể rút kinh nghiệm áp dụng các phương pháp tiến tiến vào công tác giảng dạy sao cho hiệu quả và phù hợp với người học.

Hàng năm Nhà trường sẽ có những báo cáo tổng kết trên cơ sở các kết quả khảo sát để đánh giá được hoạt động giảng dạy của từng giảng viên, từ đó rút kinh nghiệm và phát huy ưu điểm trong mỗi phương pháp dạy học.

Trong vòng 2 - 3 năm tới, nhà trường phấn đấu xây dựng hoàn chỉnh ngân hàng đề thi, tổ chức các hội thảo đánh giá mức độ tin cậy và độ giá trị của các bài thi hết học phần, tiến hành khảo sát người học về tính sát thực của đề thi.

Từ năm học 2013 - 2014, Nhà trường sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục vấn đề chấm thi, nộp điểm chậm, như lên lịch chấm thi, nộp điểm cụ thể. Nếu giảng viên nào không thực hiện đúng lịch sẽ xử lý vào công tác thi đua.

Đến năm 2014, phấn đấu khai thác triệt để và hiệu quả cao nhất phần mềm quản lý đào tạo, giúp người học có thể đăng ký môn học, tra cứu điểm một cách nhanh chóng hơn.

## **Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

### Những điểm mạnh:

Trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

Số lượng cán bộ được cử đi đào tạo khá nhiều, nguồn lực này đã bổ sung cho nhà trường đội ngũ cán bộ giảng dạy giỏi có chuyên môn cao và được cập nhật những kiến thức khoa học kỹ thuật mới nhất của thế giới.

Một số chuyên gia nước ngoài đến công tác tại trường theo các dự án đã bổ sung cho trường về kiến thức chuyên môn cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Đối với các hoạt động khác như: bồi dưỡng chuyên môn trong nước và ngoài nước, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn, đi dự hội nghị, hội thảo khoa học được nhà trường hỗ trợ kinh phí tàu xe, ăn ở, tài liệu...

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của nhà trường ngày càng trẻ hoá và có đủ trình độ chuyên môn để nắm bắt các công nghệ tiên tiến.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị về đổi mới phương pháp giảng dạy, luôn tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên và sinh viên có điều kiện tiếp cận và ứng dụng phương pháp tiên tiến trong giảng dạy và học tập.

Cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy ngày càng được tăng cường từ nhiều nguồn khác nhau: Nhà trường tự trang bị, nguồn của nhà nước, viện trợ từ các nguồn kinh phí của dự án nước ngoài...

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực nghiệp vụ, trẻ, năng động, nhiệt tình và thường xuyên ứng dụng các thành tựu công nghệ tiên tiến.

### Những tồn tại:

Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sỹ còn thấp.  
Số lượng kỹ thuật viên và nhân viên Thư viện được đào tạo đúng chuẩn còn ít.  
Chưa đưa vào lịch tuần và chưa tổng kết các cuộc tiếp cán bộ viên chức hàng năm.  
Chưa tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác quản lý.  
Trình độ ngoại ngữ, tin học của cán bộ viên chức chưa cao.  
Cán bộ quản lý chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý.  
Cơ cấu độ ngũ giảng viên cho từng bộ môn chưa hợp lý.

#### Kế hoạch:

Kể từ năm 2014, trường sẽ đưa vào lịch tuần và hàng năm tổng kết các cuộc tiếp cán bộ, giảng viên và nhân viên của lãnh đạo nhà trường.

Tăng cường hơn nữa tính kế hoạch cụ thể trong từng năm về việc đào tạo đội ngũ, tạo điều kiện đối với lực lượng cán bộ trẻ được đào tạo để nâng cao trình độ, tăng số lượng cán bộ có trình độ tiến sỹ.

Việc cử cán bộ đi học cần tính đến cơ cấu lực lượng cán bộ giảng dạy phải đảm nhiệm số giờ dạy cho những người đi học, tránh tình trạng số người đi học nhiều, dẫn đến giảng dạy quá tải, ảnh hưởng đến kế hoạch và chất lượng đào tạo.

Kế hoạch từ 2014, hàng năm bố trí khoảng 20% cán bộ quản lý tham gia các khoá học về công tác quản lý.

Từ năm 2014, Nhà trường sẽ xây dựng và tiến tới hoàn thiện cơ cấu đội ngũ giảng viên và tiếp tục bổ sung đội ngũ cán bộ còn thiếu để trong vòng 5 năm tới sẽ đạt được tỷ lệ người học/giảng viên theo quy định.

Hàng năm tổ chức ít nhất một hội nghị chuyên đề về công tác quản lý.

Phối hợp với các đơn vị, trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia để nâng cao trình độ.

Bên cạnh đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ nhân viên Thư viện hiện có nên tuyển thêm cán bộ được đào tạo chuẩn và đúng nghề nghiệp, đồng thời cử cán bộ đi học, tham gia các khoá đào tạo để nâng cao trình độ cho đội ngũ này.

### **Tiêu chuẩn 6: Người học**

#### Những điểm mạnh:

Với phương thức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng của nhà trường, đa số người học nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình từng học kỳ, năm học, điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp, từ đó người học có kế hoạch phấn đấu để đạt được kết quả mong muốn.

Người học thuộc diện chế độ chính sách luôn được đảm bảo đúng chế độ, không sai sót. Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học trong các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí.

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học thông qua việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khoá, báo cáo chuyên đề thời sự. Người học được tiếp thu đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Đa số người học đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do nhà trường và các đoàn thể phát động.

Nhà trường đã quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường hoạt động. Nhờ vậy, Đoàn Thanh niên đã phát huy được vai trò trong việc góp phần giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống của người học. Đảng uỷ trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong sinh viên. Đảng viên là sinh viên phát huy tốt vai trò

của mình trong các hoạt động tập thể.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, ý thức chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã được Nhà trường quan tâm. Vì vậy, đến nay không có sinh viên của trường vi phạm pháp luật.

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng đến việc rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác cho sinh viên.

Nhà trường bước đầu đã có mối liên hệ với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội để sinh viên thực tập, tìm kiếm việc làm.

#### Những tồn tại:

Vẫn còn một bộ phận sinh viên không quan tâm đúng mức mục tiêu, chương trình đào tạo, cũng như quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho nên hàng năm vẫn còn những sinh viên vi phạm quy chế bị buộc thôi học.

Nhà trường chưa đưa các văn bản quy định về chế độ chính sách xã hội lên website của nhà trường. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho các công tác văn nghệ, thể dục thể thao còn hạn chế: chưa có hội trường đủ lớn, chưa có khu chơi thể thao thật sự đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu cho người học.

Khu ký túc xá sinh viên chưa đủ đáp ứng nhu cầu của người học nên còn một bộ phận lớn sinh viên trọ ở ngoài nên công tác quản lý sinh viên gặp nhiều khó khăn. Việc phát động các phong trào về nếp sống văn minh, ý thức sinh hoạt tập thể còn một số hạn chế. Tỷ lệ người học tham gia các phong trào hoạt động xã hội còn thấp. Một bộ phận người học có lối sống đua đòi, thích hưởng thụ, ảnh hưởng tới ý thức về học tập và rèn luyện đạo đức. Vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa quan tâm nhiều đến tình hình thời sự, đời sống kinh tế xã hội của đất nước.

Tỷ lệ phát triển đảng viên là đoàn viên sinh viên trong nhà trường còn thấp, trung bình 200 đồng chí/năm (chiếm tỷ lệ 10%).

Công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa đạt hiệu quả cao. Công tác quản lý sinh viên chưa được toàn diện do sinh viên sống ngoại trú chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 70%) và luôn thay đổi chỗ ở, chưa tổ chức được các nhóm học tập giữa các sinh viên.

Chưa có đơn vị chức năng hỗ trợ sinh viên trong tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó, Trường chưa có nhiều hoạt động tìm kiếm hỗ trợ cho người học có hoàn cảnh khó khăn. Công tác điều tra thực tế sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

#### Kế hoạch:

Để sinh viên nắm tốt hơn mục tiêu, chương trình đào tạo cũng như quy chế tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, các quy định về chế độ chính sách xã hội, ngoài các hình thức đã tiến hành, từ năm học tới, nhà trường tăng cường lượng thông tin về các nội dung trên lên website của trường.

Tăng cường hoạt động báo cáo thông tin thời sự trong nước và quốc tế cho người học. Có biện pháp tích cực và tạo điều kiện cho người học tham gia ngày càng đông và hiệu quả các hoạt động xã hội.

Tăng cường công tác phát triển Đảng trong sinh viên nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên ngày càng lớn mạnh.

Nhà trường đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương khu vực Tây Bắc tạo điều kiện để xây thêm ký túc xá sinh viên. Nhà trường cũng sẽ tích cực tìm nguồn kinh phí để hỗ trợ nhiều hơn nữa cho việc tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên.

Trong những năm tới, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò giáo dục, tuyên truyền để phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định về luật pháp đến từng sinh viên. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào hoạt động xã hội để rèn luyện sinh viên trở



thành người công dân gương mẫu của thời đại mới: có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và có thái độ hợp tác.

Nhà trường cần nghiên cứu thành lập Trung tâm tư vấn và hỗ trợ việc làm sinh viên trong vòng 2 năm tới.

Bắt đầu từ năm học 2023 - 2014, nhà trường tiến hành các cuộc điều tra về sinh viên tốt nghiệp bằng cách yêu cầu các khoa tiến hành điều tra thực trạng sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm.

## **Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

### Những điểm mạnh:

Song song với hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được nhà trường chú trọng và đẩy mạnh. Hàng năm các khoa đều có kế hoạch khuyến khích và hướng dẫn các sinh viên giỏi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, qua đó động viên và truyền cho các thế hệ sinh viên lòng ham mê nghiên cứu khoa học. Theo định kỳ, mỗi năm đều có hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp khoa, xen kẽ hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường.

Mặc dù phải tham gia giảng dạy với khối lượng lớn nhưng cán bộ nhà trường đã công bố được nhiều bài báo trên các kỷ yếu hội nghị, các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Có nhiều đề tài khoa học mang tính ứng dụng thực tiễn.

Phần lớn các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, chương trình đào tạo.

### Những tồn tại:

Đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hiện tại đội ngũ cán bộ phải đảm đương một khối lượng giảng dạy quá nhiều, do đó thời gian dành cho nghiên cứu khoa học bị hạn chế. Việc nghiên cứu chỉ tập trung ở một số cán bộ đầu đàn, sự liên kết giữa nghiên cứu khoa học trong trường và thực tiễn chưa được chặt chẽ, kinh phí và chế độ khuyến khích còn nhiều hạn chế.

Kết quả ứng dụng các đề tài vào thực tế để phát huy hiệu quả của đề tài nghiên cứu khoa học chưa cao. Việc chọn hướng nghiên cứu để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng chưa được chú ý đúng mức.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia viết báo và báo cáo tại các hội nghị chỉ tập trung vào một bộ phận giảng viên (khoảng 30% số giảng viên của trường); các giảng viên trẻ chưa tham gia tích cực vào hoạt động này. Trên các tạp chí chuyên ngành có giá trị quốc tế, các bài báo của cán bộ trong trường vẫn còn ít. Một số cán bộ có tham gia nghiên cứu khoa học nhưng chưa tích cực viết báo đăng trên các tạp chí khoa học.

Một số đề tài nghiên cứu khoa học có chất lượng chưa cao, chưa có tính chất ứng dụng thực tế. Các hoạt động khoa học của cán bộ chưa thật sự liên kết chặt chẽ và hiệu quả với các đối tác bên ngoài. Các hoạt động triển khai kết quả nghiên cứu khoa học qua các hợp đồng chuyển giao phần lớn chưa thông qua sự quản lý của nhà trường.

### Kế hoạch:

Thời gian sắp tới, nhà trường quyết tâm từng bước giải quyết các tồn tại này. Phòng Quản lý khoa học và quan hệ quốc tế cần hoạt động hiệu quả hơn để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học thành phong trào mạnh mẽ. Tạo nhiều điều kiện về thời gian cũng như về kinh phí hỗ trợ các đề tài/dự án nghiên cứu, đẩy mạnh liên kết giữa các nhóm nghiên cứu trong trường với các tổ chức bên ngoài. Có kế hoạch để khuyến khích các cán bộ trẻ và sinh viên tham gia tích cực hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo, đồng thời sẽ có chính sách hỗ trợ đối với lực lượng cán bộ trẻ.

Phần đầu đạt mức 2 của tiêu chí tức là "hàng năm có số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở hoặc đề án, dự án tương đương được nghiệm thu đạt tỷ lệ một đề tài/không quá 5 giảng viên". Song song với số lượng, nhà trường sẽ chú trọng đến chất lượng của các đề tài.

Có chế độ khuyến khích cho tác giả các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành nổi tiếng, quy định thời gian dành cho nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy, xây dựng mối liên kết với các trường đại học, các viện nghiên cứu, tạo điều kiện cho giảng viên tham dự các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài.

Tăng cường tạo điều kiện cho giảng viên có điều kiện đi thực tế, tìm hiểu thực trạng của các cơ sở tại các địa phương để hướng các đề tài nghiên cứu của mình có giá trị ứng dụng thực tế. Nỗ lực xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường, nhà nước và các đơn vị để đưa các đề tài vào ứng dụng trong việc phát triển văn hoá - kinh tế - xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên để các đề tài có chất lượng cao hơn và có thể ứng dụng vào thực tế.

## **Tiêu chuẩn 8: Hợp tác quốc tế.**

### Những điểm mạnh

Trường chủ động trong việc mở rộng quan hệ với các trường đại học, các viện nghiên cứu, từ đó nâng cao uy tín chuyên môn, uy tín khoa học của Trường với các địa phương trong nước, các nước trong khu vực.

Triển khai nhanh chóng các chương trình hợp tác ngay sau khi văn bản được ký kết.

Từng bước khai thác hiệu quả các mối quan hệ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo về mặt giảng dạy, học tập cũng như cơ sở vật chất của Trường. Đã cập nhật chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Thúc đẩy mạnh mẽ ý thức hoàn thiện về mặt chuyên môn của giảng viên lẫn sinh viên.

Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với một số nước và một số tổ chức quốc tế. Đã có một số dự án được triển khai tại Trường.

### Những tồn tại:

Chưa thực sự phát huy hiệu quả của các chương trình hợp tác về mặt nghiên cứu khoa học.

Các chương trình hợp tác quốc tế chưa phân bổ đều ở tất cả các khoa, các ngành. Lĩnh vực liên kết đào tạo chưa được mở rộng.

Số lượng trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu có tăng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về đào tạo.

Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học ở nước ngoài còn ít.

Hợp tác quốc tế về lĩnh vực nghiên cứu khoa học của trường chưa được phát triển đồng bộ mà chỉ tập trung vào một số cán bộ chủ chốt và một số ngành. Một mặt do điều kiện cơ sở vật chất, mặt khác, trường vẫn chưa đủ kinh phí cho phép cán bộ giảng dạy tham gia báo cáo tại các cuộc hội nghị, hội thảo tổ chức ở nước ngoài. Từ đó hạn chế khả năng tiếp xúc, tiếp cận của giảng viên với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực hợp tác nghiên cứu khoa học.

### Kế hoạch:

Hàng năm, Đảng ủy và Ban Giám hiệu trường chủ động trong chiến lược hợp tác quốc tế, chuẩn bị và triển khai kế hoạch cụ thể để các cán bộ, giảng viên, sinh viên có thể tham gia tốt các chương trình hợp tác này.

Tạo điều kiện bằng cách hỗ trợ về thời gian, kinh phí và có các hình thức khen thưởng thích đáng cho cán bộ, giảng viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học liên kết

với nước ngoài thông qua các hội nghị, hội thảo quốc tế.

Tăng cường nhân lực cho phòng Quản lý khoa học và quan hệ quốc tế để đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hợp tác quốc tế của trường trong thời gian tới.

Tăng số lượng giảng viên đi học tập nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí khác nhau.

Tiến hành mở rộng các hoạt động liên kết đào tạo.

Phấn đấu tiếp cận nhanh chóng và đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trong việc quản lý, chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện và trang thiết bị dạy học nhằm chuẩn hóa, hiện đại hóa việc giảng dạy tiến đến hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến khác trên thế giới.

Thành lập các nhóm nghiên cứu mũi nhọn, trong đó quy tụ được nhiều cán bộ giảng dạy, đặc biệt quan tâm phát huy năng lực của các cán bộ trẻ.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại và đồng bộ để đáp ứng yêu cầu các nghiên cứu liên kết chuyên sâu, bắt kịp công nghệ hiện đại của các nước trên thế giới.

### **Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị vật chất khác**

#### Đánh giá điểm mạnh:

Trung tâm Thông tin - Thư viện của trường được đầu tư lớn về cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, số lượng sách, tạp chí phong phú là điều kiện thuận lợi, góp phần rất lớn trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong nhà trường.

Nhà trường chú trọng đầu tư trang thiết bị dạy và học hiện đại đáp ứng nhu cầu của công tác giảng dạy và học tập. Được sự ủng hộ của cấp trên và các đối tác, do vậy các trang thiết bị đã phát huy hiệu quả trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên trong trường.

Đa số lực lượng bảo vệ là bộ đội, công an xuất ngũ nên cơ bản đáp ứng được chuyên môn. Ban quản lý ký túc xá sinh viên hoạt động tích cực nên tình hình an ninh trật tự tốt.

#### Những tồn tại:

Cơ sở vật chất chưa được xây dựng hoàn thiện, đặc biệt hệ thống sân chơi, bãi tập, hội trường lớn do đó ảnh hưởng không nhỏ tới nhu cầu học tập, sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường.

Việc đầu tư cơ sở vật chất quá chậm, đặc biệt nguồn vốn, công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư chưa đồng bộ so với quy mô đào tạo ngày càng phát triển, nên hạn chế đến hoạt động của trường.

Do nhân viên thí nghiệm, cán bộ kỹ thuật chưa được đào tạo cơ bản, đúng trình độ nên chưa khai thác triệt để, có hiệu quả tối ưu các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập của nhà trường.

#### Kế hoạch:

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên Thư viện, cán bộ kỹ thuật.

Đẩy mạnh việc xây dựng trường, đặc biệt hệ thống giao thông vào trường, sân chơi, bãi tập để hoàn thiện nhanh chóng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

### **Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính**

#### Đánh giá điểm mạnh:

Trong những năm qua, nguồn tài chính của trường đảm bảo thu đủ, thu đúng, hợp pháp theo quy định. Thực hiện tốt chế độ, chính sách cho các đối tượng nhằm phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động thường xuyên của Trường.

Nguồn kinh phí nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp tăng dần qua các năm. Các nguồn thu của Trường đều thực hiện đúng theo quy định, hợp lý, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường ngày càng tự chủ hơn về nguồn tài chính.

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính xây dựng một cách có hệ thống, đầy đủ, đúng quy định, chính xác kịp thời đảm bảo các hoạt động của trường.

Việc sử dụng kinh phí của Trường được công khai hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định của Nhà nước. Tài chính của Trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đáp ứng được nhiệm vụ trọng tâm của một trường đại học.

#### Những tồn tại:

Việc liên kết với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để tận dụng, khai thác tối đa nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có để tăng nguồn thu cho trường chưa thực sự triệt để.

Chưa khai thác được nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Hệ thống thông tin Trường chưa có sự liên thông giữa quản lý tài chính với các công tác quản lý khác.

Kế hoạch tài chính có rất nhiều cố gắng nhưng các quy định về định mức thu chi thay đổi thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác lập kế hoạch.

Vì cơ sở vật chất hiện tại của nhà trường chưa hoàn thiện, vì vậy công tác tài chính vẫn mang tính ngắn hạn, tức thời trước mắt, chỉ đáp ứng được chi tiêu thường xuyên của đơn vị, chưa chú trọng xây dựng nguồn tài chính mang tính chiến lược.

#### Kế hoạch:

Năm học 2013 – 2014 Trường sẽ tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ chi phí đào tạo, tích cực triển khai các chính sách liên qua đến cấp học bổng, miễn giảm học phí để nhà trường thực hiện hoàn toàn Nghị định 43/2006/NĐ-CP theo lộ trình tự chủ một phần đến tự chủ hoàn toàn.

Trong những năm học tiếp theo cần đẩy mạnh các nguồn thu học phí tại trường thông qua việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đặc biệt tăng cường nguồn thu từ hệ phi chính quy do mở rộng quy mô, địa bàn đào tạo tại các địa phương trong khu vực.

Tích cực mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế, trao đổi đôi bên cùng có lợi để tạo nguồn thu từ các nước hợp tác. Bằng sự hợp tác với các tổ chức trên thế giới, lập các dự án tranh thủ nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hoàn thiện hệ thống thông tin giữ quản lý tài chính và các phòng chức năng. Tiến hành thực hiện chương trình phần mềm quản lý học phí liên thông giữa bộ phận tài chính và bộ phận đào tạo.

Kế hoạch tài chính của Nhà trường cần chú trọng hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính ngân sách cấp góp phần tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Xây dựng kế hoạch các khoản chi phù hợp với các khoản thu chi tiết hơn, trong đó chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng đào tạo giảng dạy và phục vụ giảng dạy.

Tính toán để dự báo trước hiệu quả đào tạo của các hệ, ngành đào tạo từ đó có kế hoạch phát triển đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội nhưng vẫn tính đến hiệu quả hoạt động để tăng cường cơ sở vật chất, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên Nhà trường.

Đánh giá điểm mạnh

### **III. TỰ ĐÁNH GIÁ:**

Phần này tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn. Trong mỗi tiêu chuẩn đều trình bày phần mở

đầu, mô tả tóm tắt, phân tích chung về các tiêu chuẩn và sau đó tiến hành đánh giá từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. Trong đánh giá từng tiêu chí bao gồm các phần sau:

1. Mô tả tiêu chí
2. Đánh giá những điểm mạnh
3. Những tồn tại
4. Kế hoạch hành động

Sau khi đánh giá xong tiêu chí cuối cùng trong mỗi tiêu chuẩn đều có phân kết luận của tiêu chuẩn rút ra những mặt mạnh, mặt tồn tại cũng như kế hoạch hành động để khắc phục những mặt tồn tại của tiêu chuẩn.

## PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

### TIÊU CHUẨN 1

#### SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Sứ mạng của Trường đại học Tây Bắc đã được xác định bằng văn bản, được nêu rõ trong "kế hoạch chiến lược phát triển Trường đại học Tây Bắc giai đoạn 2006 -2015 và tầm nhìn đến năm 2020". Sứ mạng của Trường hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mà Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định, phù hợp với các điều kiện của Nhà trường. Các mục tiêu giáo dục của trường được cụ thể hoá từ sứ mạng và luôn được điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững của vùng Tây Bắc.

#### **I. Tiêu chí 1.1:**

*Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước .*

#### **1. Mô tả:**

Sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường Đại học Tây Bắc thể hiện một cách rõ ràng trong các văn bản chính thức và trên phương tiện truyền thông của Trường như: kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2006 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 ban hành theo Quyết định số 18/QĐ/ĐHTB-HC ngày 17/01/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.01]; Trên Website của Trường <http://www.taybacuniversity.edu.vn> [MC1.01.02]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.03]; Các Nghị quyết của Đảng uỷ Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.04]; Trong một số văn bản liên quan khác như: "Báo cáo định hướng phát triển của đại học Tây Bắc" [MC1.01.05]; *Là trường Đại học đa ngành, phối hợp cùng sinh viên, các nhà sử dụng nhân lực, các nhà nghiên cứu và cộng đồng các dân tộc Tây Bắc nhằm đảm bảo các chương trình đào tạo có chất lượng và nghiên cứu bảo tồn những đặc trưng văn hoá của các dân tộc ít người. Trường Đại học Tây Bắc phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở vùng Tây Bắc, tiếp cận với các trường có đẳng cấp cao trong nước. Mỗi sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực trong môi trường cạnh tranh; Các giá trị văn hoá đặc trưng của các dân tộc ít người được phát triển nhằm tạo sự phát triển bền vững của Vùng trong nền kinh tế hội nhập.*

Sứ mạng này được đúc kết sau khi bản dự thảo được phổ biến rộng rãi bằng văn bản, trong các buổi sinh hoạt nội bộ, trên Website và các phương tiện truyền thông của Trường đã được sự đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên, giảng viên và sinh viên trong toàn trường. nội dung của tuyên bố sứ mạng này phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực của Trường là phấn đấu trở thành một trường đại học đa ngành, đa cấp, định hướng nghề nghiệp - ứng dụng, trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu của vùng Tây Bắc, tiếp cận trình độ các trường đại học có đẳng cấp cao trong nước và nước ngoài. Những cơ sở để Trường Đại

học Tây Bắc đưa ra tuyên bố sứ mạng của mình đó là:

Thứ nhất: Trường đại học Tây Bắc là trường Đại học duy nhất ở khu vực Tây Bắc, một trường đại học vùng trọng điểm ở Việt Nam, được ghi rõ trong Quyết định số 47/2001/QĐ - TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng [MC1.01.06]: "Đối với vùng Tây Bắc và Tây Nguyên: Tập trung đầu tư phát triển Trường Đại học Tây Nguyên và Đại học Tây Bắc để nâng cao năng lực thu nhận sinh viên, đảm nhận vai trò chủ đạo trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và hỗ trợ cho các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ trong vùng". Trường được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng sư phạm Tây Bắc với truyền thống đào tạo hơn 40 năm, có nguồn nhân lực là đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiều kinh nghiệm và cán bộ, giáo viên trẻ đông đảo, nhiệt huyết, được đào tạo bài bản. Hiện nay, đội ngũ giảng viên có trình độ Thạc sỹ trở lên chiếm gần một nửa và số lượng lớn giảng viên đang được đào tạo, bồi dưỡng trình độ tiến sỹ trong và ngoài nước [MC1.01.07].

Thứ hai: Trường có thế mạnh trong lĩnh vực hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các tổ chức, cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế, được đánh giá là một trong những địa chỉ đáng tin cậy của vùng Tây Bắc trong công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của vùng Tây Bắc [MC1.01.08]

Thứ ba: Trường có đủ nguồn tài chính và cơ sở vật chất (phòng học, giảng đường...) để thực hiện sứ mạng đào tạo nhân lực chất lượng, trình độ cao đẳng, đại học [MC1.01.09]. Những năm qua, Trường được Chính phủ, các Bộ, Ngành và UBND tỉnh Sơn La quan tâm đặc biệt, tạo điều kiện ưu tiên về cơ sở vật chất để xây dựng trường, được nêu trong các văn bản quan trọng như: Công văn số 216/CP – KG ngày 26/02/2003 của Chính phủ về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.10]; Quyết định số 2123 QĐ/BGD&ĐT - KHTC ngày 27/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.11]; Quyết định số 2145/QĐ - UB ngày 4/8/2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Trường Đại học Tây Bắc [MC1.01.12];

Sứ mạng của Nhà trường phù hợp và gắn kết với các chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của các tỉnh Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái...): "Từng bước nâng cao chất lượng trình độ giáo dục và đào tạo đảm bảo nguồn lực phù hợp với cơ cấu ngành nghề, trình độ phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng của Tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ đào tạo nghề, đặc biệt là các ngành nghề liên quan đến chuyển dịch cơ cấu lao động...đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức...chuẩn hoá đội ngũ giáo viên ở tất cả các bậc học và ngành học. Từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh xây dựng Trường Đại học Tây Bắc..." [MC1.01.13]; và của cả nước là "Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên...Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo. Tập trung sức xây dựng một số trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài cho đất nước " [MC1.01.14] và phù hợp với nội dung trong Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ [MC1.01.15]; Quyết định về việc phê duyệt Đề án "Quy hoạch phát triển xã hội hoá giáo dục giai đoạn 2005 - 2010" của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC1.01.16]; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình hành động của ngành giáo dục thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX và Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 - 2010 [MC1.01.17]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học [MC1.01.18];

Điểm mạnh trong tuyên bố sứ mạng của Trường là xác định được vai trò của Trường: Xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại, đa ngành, đa hình thức,

đáp ứng nhu cầu của người học, tăng cơ hội học tập nâng cao trình độ của người dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tỉnh Tây Bắc và cả nước. Trường xem trọng và luôn ý thức được nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, Nhà trường đã có sự phối hợp với các trường Đại học lớn, các trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm tăng tính hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học; đồng thời với truyền thống của mình và qua các văn bản được ký kết với nhiều địa phương, Trường đã mở các lớp liên kết đào tạo đại học và trên đại học góp phần đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao cho vùng Tây Bắc [MC1.01.19]. Nhà trường lưu giữ đầy đủ các văn bản liên quan đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Bắc và Quốc gia nhằm phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược [MC1.01.20].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Sứ mạng của Trường được xác định rõ ràng và phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ thông qua các kế hoạch, mục tiêu cụ thể, có những chính sách phù hợp với định hướng phát triển và được phổ biến đầy đủ đến đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên trong toàn trường.

- Sứ mạng của Trường được xây dựng gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Tây Bắc và cả nước; đảm bảo thực hiện theo đúng nội dung các kế hoạch chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ.

## **3. Những tồn tại:**

- Nhà trường chưa có đủ đội ngũ giảng viên đầu ngành, đặc biệt là những người có học vị và chức danh cao để đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng tăng về số lượng và chất lượng của trường.

- Khi xây dựng kế hoạch chiến lược của mình, dù đã thông qua các đơn vị trong và ngoài trường qua nhiều lần tổ chức lấy ý kiến, nhưng sứ mạng của Trường vẫn chưa được bên ngoài biết đến nhiều, việc quảng bá về sứ mạng của Trường chưa được thực hiện tốt.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Trong thời gian tới (năm học 2009 - 2010), Trường sẽ thông báo rộng rãi sứ mạng của Trường ra bên ngoài; thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của mọi cán bộ công chức và sinh viên trong Trường về phương hướng phát triển của Trường và yêu cầu của các tỉnh Tây Bắc và cả nước.

- Tổ chức việc khảo sát lấy ý kiến của các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn, các địa chỉ sử dụng lao động của các tỉnh Tây Bắc và các tỉnh thành khác nhằm bổ sung và hoàn chỉnh sứ mạng của mình.

- Nội dung sứ mạng của Trường sẽ được đưa lên Website của Trường và các băng - rôn tại các phòng họp lớn, hội trường, thư viện và ký túc xá.

## **II. Tiêu chí 1.2:**

*Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.*

### **1. Mô tả:**

Trong những năm qua, mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục [MC1.02.01] và sứ mạng đã tuyên bố; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh đồng thời được triển khai thực hiện. Trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2006 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 ban hành theo Quyết định số 18 QĐ/ĐHTB - HC ngày 17/01/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc [MC1.02.02], Trường đã xác định 4 mục tiêu trung và dài hạn cụ thể trong chiến lược, các mục tiêu này tập trung vào các lĩnh vực: Một là xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo chất lượng, có khả năng triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo theo nhu cầu của người học, khả năng nghiên cứu, chuyển

giao công nghệ đáp ứng nhu cầu cơ bản phát triển kinh tế xã hội, văn hoá vùng Tây Bắc. Hai là hoàn thiện chương trình đào tạo các ngành hiện có, mở thêm một số ngành đào tạo mới nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiếp cận trình độ của các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực. Ba là xây dựng Trường đại học Tây Bắc trở thành trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trọng điểm, hàng đầu của vùng Tây Bắc. Bốn là xây dựng Trường đại học Tây Bắc thành một môi trường mở về tri thức, có quan hệ quốc tế rộng rãi, giữ vai trò quan trọng trong công tác đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị tiên tiến phục vụ tốt nhất cho giảng dạy, học tập và sinh hoạt, đảm bảo áp dụng được những thành tựu và phương tiện mới vào đào tạo và nghiên cứu, trở thành một trung tâm giáo dục có tính chất quốc tế của khu vực Tây Bắc.

Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược nêu trên, Trường đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể. Các nhiệm vụ này được trình bày rất rõ trong các tài liệu của Trường [MC1.02.03]. Các mục tiêu và nhiệm vụ này được định kỳ rà soát và bổ sung qua các cuộc họp hàng năm của toàn bộ cán bộ, công nhân viên và giảng viên [MC1.02.04] thông qua các chương trình và kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác khác. Quy trình rà soát các mục tiêu này được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ: Đầu năm học Trường phổ biến các văn bản về nhiệm vụ từ Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp quản lý Trung ương xuống cho các đơn vị; Các đơn vị xem xét, phổ biến và viết thành các mục tiêu của năm học cho đơn vị và đưa ra các kiến nghị lên Trường về việc chỉnh sửa mục tiêu; Trường tổng hợp, xem xét và chỉnh sửa các mục tiêu giáo dục của từng năm học và chuyển về các đơn vị; các đơn vị thực hiện mục tiêu năm học [MC1.02.05].

Các mục tiêu phát triển được Nhà Trường thông báo rộng rãi trong toàn Trường thông qua hình thức thu thập, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch năm học [MC1.02.06]. Qua các báo cáo và ý kiến thảo luận tại các Đại hội Chi bộ, Đảng bộ và Hội nghị cán bộ công chức hàng năm [MC1.02.07]. Trên cơ sở đó, mục tiêu chung của Trường được cụ thể hoá thành các kế hoạch, nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc (Khoa, Phòng chức năng) [MC1.02.08], được cụ thể hoá trong các phong trào thi đua [MC1.02.09]. Hàng tháng Nhà trường tổ chức hoạt động Giao ban tháng rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ thời gian tới [MC1.02.10]. Cuối năm học, công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện trên cơ sở khối lượng, chất lượng công việc của từng cá nhân, đơn vị so với nhiệm vụ được giao đầu năm.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của Trường đều rõ ràng, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường trong từng năm học.
- Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Trường đã đưa ra các chỉ tiêu cụ thể, các nguồn lực và nguồn tài chính, các biện pháp thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

## **3. Những tồn tại:**

- Việc quán triệt và thực hiện một số mục tiêu đặt ra ở một số lĩnh vực và bộ phận còn chậm.
- Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu giáo dục của Nhà trường và các đơn vị tuy được tiến hành thường xuyên nhưng việc tài liệu hoá và lưu trữ văn bản chưa được quan tâm đúng mức.
- Mục tiêu của Trường còn phụ thuộc nhiều vào nhiệm vụ Bộ Giáo dục và Đào tạo giao hằng năm (chỉ tiêu tuyển sinh đại học, sau đại học, nguồn tài chính...)
- Các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính từ các hoạt động có thu của Trường không cho phép Trường chủ động hoàn toàn trong việc đề ra và thực hiện các mục tiêu. Đôi khi các mục tiêu chưa có nguồn lực và các biện pháp thực hiện.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục quán triệt và phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các đơn vị và cá



nhân. Nhà trường giao cho các đơn vị tăng cường hơn nữa biện pháp lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng cũng như của các sinh viên đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo, kịp thời điều chỉnh các mục tiêu giáo dục và chương trình đào tạo cho phù hợp với thị trường lao động.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất mới của Trường, đưa ra các giải pháp phù hợp để thực hiện có hiệu quả hơn các mục tiêu đề ra ở các đơn vị trong Trường.

### **KẾT LUẬN:**

Phần đầu là một trường đại học trọng điểm của vùng Tây Bắc, việc xây dựng sứ mạng, mục tiêu được Trường Đại học Tây Bắc xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình. Sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được xác định một cách rõ ràng, với những mục tiêu Trung và Dài hạn, đáp ứng được những yêu cầu phát triển của vùng Tây Bắc và cả nước, cũng như xu hướng phát triển đại học trên thế giới.

Hiện nay, Trường vẫn còn những hạn chế trong xây dựng kế hoạch chiến lược, công tác quản lý, công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học do mới tiếp cận với việc quản lý đại học trong thời kỳ mới; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo còn chưa hoàn thiện, thiếu những cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ cao...những hạn chế này sẽ sớm được khắc phục trong thời gian sớm nhất để Trường Đại học Tây Bắc trở thành trường đại học trọng điểm của quốc gia.

### **TIÊU CHUẨN 2**

#### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ**

Công tác tổ chức và quản lý là công tác mang ý nghĩa quyết định và tiên quyết đảm bảo cho mọi hoạt động và sự phát triển Nhà trường, phù hợp với quy định của Nhà nước, phù hợp các nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường để có kế hoạch và các biện pháp thực hiện đạt hiệu quả của mục tiêu giáo dục. Tiêu chuẩn này bao gồm 5 tiêu chí được tự đánh giá như sau:

#### **I. Tiêu chí 2.1:**

***Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.***

##### **1. Mô tả:**

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường hiện tại tổ chức theo hệ thống 3 cấp và đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ Nhà trường:

- Hệ thống cấp trường: Bao gồm Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn, các tổ chức đoàn thể và các phòng chức năng.

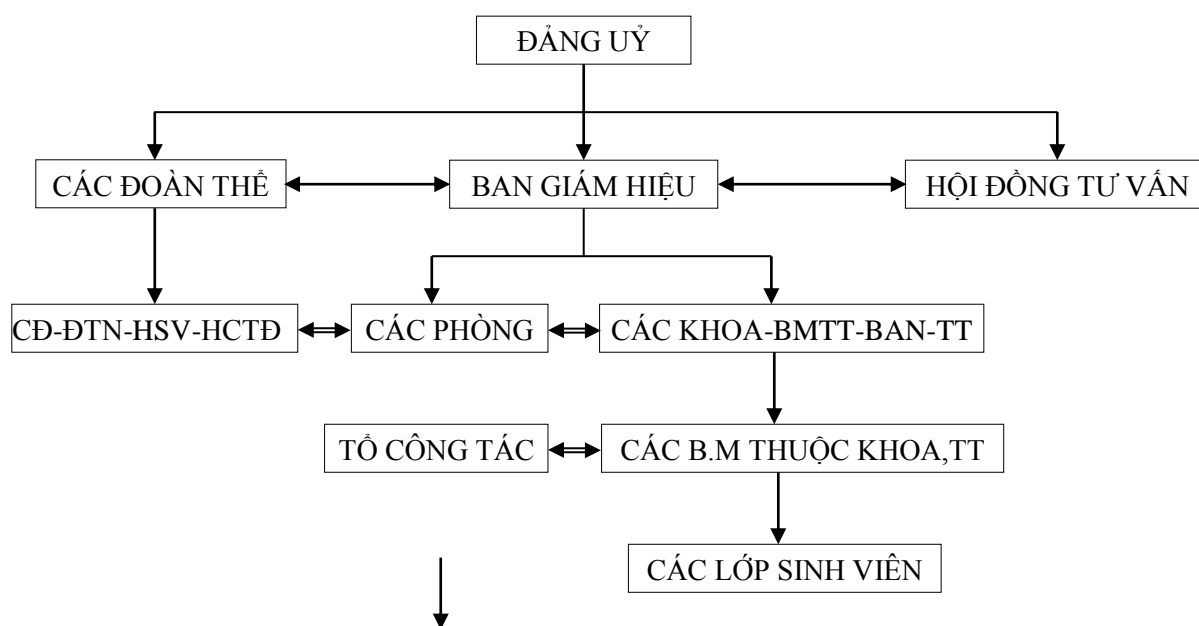
- Hệ thống cấp khoa: Bao gồm các khoa đào tạo chuyên ngành, các bộ môn trực thuộc (bộ môn chung), ban, các trung tâm.

- Hệ thống cấp bộ môn, tổ công tác : Bao gồm các bộ môn chuyên ngành trực thuộc (khoa, bộ môn trực thuộc, các trung tâm), Các tổ công tác trực thuộc các phòng chức năng.

Cấp trường là cấp điều hành, quản lý mọi hoạt động của Nhà trường, đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Nhà nước là Ban Giám hiệu.

Cấp khoa là cấp quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của các ngành trực thuộc, các trung tâm là đơn vị triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức các hoạt động phục vụ công tác đào tạo.

Cấp bộ môn, tổ công tác là cấp trực tiếp triển khai thực hiện các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn của các phòng chức năng.



Ghi chú: → Quan hệ lãnh đạo  
 ↔ Quan hệ tư vấn  
 ⇔ Quan hệ phối hợp

Tính đến ngày 30/6/2009, nhà trường có 330 cán bộ, viên chức, trong đó có 237 cán bộ giảng dạy, 93 cán bộ quản lý, chuyên viên, viên chức làm việc trong 7 phòng chức năng, 9 khoa và 02 trung tâm (Bảng 2.1)

**Bảng 2.1.1: Số lượng CBVC tại các đơn vị thuộc trường Đại học Tây Bắc**  
*(Tính đến ngày 30/6/2009 - Nguồn phòng TCCB)*

Số TT	Đơn vị	Tổng số CBVC	Số CBGD
1	Ban Giám hiệu	03	03
2	Phòng Tổ chức cán bộ	03	02
3	Phòng Đào tạo	14	03
4	Phòng QLKH và QHQT	03	02
5	Phòng Hành chính - Tổng hợp	23	01
6	Phòng Công tác chính trị	11	02
7	Phòng Tài vụ	07	00
8	Trạm Y tế	02	00
9	Khoa Toán - Lý - Tin	46	45

10	Khoa Ngữ văn	24	23
11	Khoa Sinh - Hoá	26	20
12	Khoa Sử - Địa	22	21
13	Khoa Nông - Lâm	46	24
14	Khoa Tiểu học - Mầm non	20	19
15	Khoa Ngoại ngữ	19	18
16	Khoa Kinh tế	12	12
17	Khoa Lý luận Chính trị	17	17
18	Bộ môn Tâm lý - Giáo dục	11	11
19	Bộ môn Giáo dục thể chất - QP	14	14
20	Thư viện	7	00
21	Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	15 (kiêm nhiệm)	00
22	Trung tâm Nghiên cứu KH - CGCN	15 (kiêm nhiệm)	00

Mọi hoạt động của Nhà trường tuân theo Điều lệ Trường Đại học, ban hành theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ, tuân thủ các Quy chế đối với các trường đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Nhà trường đã xây dựng "Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc" đưa vào sử dụng từ năm 2002 [MC2.01.01]. Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, quy định nhiệm vụ, quyền hạn đối với cá nhân CBVC và người học, được chỉnh sửa, bổ sung hàng năm cho phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển của Nhà trường, sự phát triển của xã hội.

Trên cơ sở quy định của Quy chế tổ chức và Hoạt động, Nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng cơ cấu tổ chức của Nhà trường [MC2.01.02], quy định cơ cấu tổ chức các đơn vị [MC2.01.03], quy định về nhân sự trong từng cơ cấu của Nhà trường và các đơn vị [MC2.01.04], [MC2.01.05] và đưa lên website của Nhà trường để thông tin rộng rãi [MC2.01.06]. Các đơn vị đã xây dựng quy chế, cơ chế và lề lối làm việc được Nhà trường phê duyệt cho phép triển khai thực hiện [MC2.01.07], [MC2.01.09].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc được xây dựng và triển khai thực hiện qua 8 năm, đã phát huy tác dụng to lớn trong công tác quản lý, điều hành, tạo điều kiện cho Nhà trường phát triển nhanh chóng cả về quy mô và chất lượng trên mọi phương diện, song chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [thiếu MC2.01.08].

Nhà trường thực hiện chế độ "một thủ trưởng", hoạt động theo nguyên tắc "tập trung dân chủ". Mọi hoạt động đều được công khai, lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị và thành viên nhà trường. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất, đưa ra quyết định trên cơ sở ý nguyện của đa số.

## **2. Đánh giá điểm mạnh.**

- Nhà trường được vận hành đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả theo "Quy chế tổ chức và hoạt động" đã được xây dựng, tuân thủ theo Điều lệ Trường Đại học và các quy định pháp quy của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hệ thống văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường, các đơn vị đầy đủ và được bổ sung hàng năm phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nhiệm vụ cụ thể trong từng năm, từng giai đoạn.

- Tác dụng của cơ cấu tổ chức bộ máy đã phát huy hiệu quả to lớn, tích cực, đóng vai

trò quyết định trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Nhà trường.

### **3. Những tồn tại.**

- Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Nhà trường chưa được trình duyệt Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sự phối hợp hoạt động giữa các đơn vị chưa được nhịp nhàng, đôi khi còn chưa rõ nét, chông chéo.

### **4. Kế hoạch hành động.**

Đến hết năm 2009 và giai đoạn tiếp theo, nhà trường phấn đấu thực hiện:

- Trình duyệt "Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc" với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thành lập Hội đồng Nhà trường và các đơn vị chức năng theo Dự án xây dựng Trường Đại học Tây Bắc đã được Chính phủ phê duyệt.

- Hoàn thiện quy chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị trong trường, phát huy hiệu quả công tác.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quản lý theo hướng tinh giản, hiệu quả.

## **II. Tiêu chí 2.2.**

***Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường***

### **1. Mô tả:**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý công tác đào tạo cho từng bậc học bao gồm:

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý đào tạo hệ cao đẳng sư phạm: Toán, Vật lý, Tin học, Hoá học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Địa lý, Toán - lý, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Văn - Sử, Văn- Giáo dục công dân, Văn - Công tác Đoàn Đội, Sử - Địa, Tiểu học, Mầm non, Ngoại ngữ [MC2.02.01] đến [MC2.02.18]

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý đào tạo đại học gồm các ngành: Toán, Vật lý, Tin học, Hoá học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Địa lý, Toán - Lý, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Văn - Sử, Văn - Giáo dục công dân, Sử - Địa, Tiểu học, Mầm non, Ngoại ngữ, Giáo dục Chính trị, Nông học, Lâm sinh, Chăn nuôi- Thú y, Bảo vệ thực vật, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng [MC2.02.19] đến [MC2.02.45]

Nhà trường đang xây dựng hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ cho tất cả các bậc học [MC2.02.46]

Nhà trường xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học [MC2.02.47].

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý hoạt động tài chính [MC2.02.48].

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý nhân sự [MC2.02.49].

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý công tác học sinh sinh viên [MC2.02.50]

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý hoạt động thanh tra [MC2.02.51].

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động đoàn thể [MC2.02.52] đến [MC2.02.54].

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao [MC2.02.55]

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động khác [MC2.02.56]

Văn bản triển khai các hình thức phổ biến về tổ chức và quản lý các hoạt động [MC2.02.57]

Văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị trực thuộc trường

[MC2.02.58] đến [MC2.02.64].

Văn bản về các hình thức phổ biến trong trường về tổ chức và quản lý của các đơn vị [MC2.02.65].

Báo cáo sơ kết, tổng kết về các hoạt động phổ biến [MC2.02.66].

Website của trường công bố về tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị trực thuộc trường [MC2.02.67]

Hệ thống văn bản hội nghị về tổ chức và quản lý các hoạt động của Nhà trường [MC2.02.68].

Hệ thống văn bản hội nghị về tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị [MC2.02.69].

Báo cáo tổng kết năm về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị trong trường [MC2.02.70].

Hệ thống giám sát, xử lý các trường hợp vi phạm quy định về tổ chức và quản lý các hoạt động của trường [MC2.02.71].

## **2. Đánh giá điểm mạnh**

- Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị của nhà trường, luôn được chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn.

- Có cơ chế triển khai, đánh giá hợp lý, đạt hiệu quả, được các đơn vị và cá nhân tự giác thực hiện.

## **3. Những tồn tại.**

- Công tác triển khai các văn bản đôi khi còn chậm, việc cập nhật các thông tin mới về chế độ, chính sách, pháp luật chưa kịp thời, do đó tính lạc hậu trong các văn bản vẫn còn, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ hiện tại.

- Việc phổ biến, triển khai trên Website của Nhà trường còn ít.

## **4. Kế hoạch hành động.**

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng và tính cập nhật các hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý ở cả cấp Nhà trường và các đơn vị, đẩy mạnh công tác quản lý bằng pháp luật, cải cách công tác đánh giá chất lượng quản lý cán bộ viên chức theo các tiêu chuẩn, định lượng cụ thể.

- Tăng cường hiệu quả và tác dụng của website Nhà trường trong công tác tổ chức và quản lý.

## **III. Tiêu chí 2.3:**

***Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên được phân định rõ ràng.***

### **1. Mô tả.**

Các hoạt động của các đơn vị, cá nhân Trường Đại học Tây Bắc đều thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Nhà trường [MC2.03.01]. Trên cơ sở các văn bản về công tác tổ chức và quản lý, Nhà trường có các văn bản phân định trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo Nhà trường [MC2.03.02], văn bản phân định trách nhiệm, quyền hạn của từng lãnh đạo Nhà trường [MC2.03.03], văn bản phân định trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên lãnh đạo các đơn vị [MC2.03.04], [MC2.03.05].

Các văn bản nêu trên đã phân định rõ trách nhiệm của tập thể lãnh đạo: Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm khoa, Ban Chấp hành các đoàn thể và các cá nhân lãnh đạo: Hiệu trưởng, Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn với những chức trách, quyền hạn cụ thể, chi tiết với nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân chịu trách nhiệm.

Công tác phân định trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân lãnh đạo đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý điều hành trong mọi hoạt động, thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường (Ví dụ [MC2.03.06] phân định trách nhiệm, quyền hạn cho cấp khoa, bộ môn trực thuộc được đánh giá là đòn bẩy cho việc phát huy vai trò chủ động trong hoạt động đào tạo và các hoạt động của các đơn vị đào tạo).

Nhà trường triển khai công tác tổ chức và quản lý trong mọi hoạt động, tổ chức thực hiện và có văn bản các hội nghị về tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo [MC2.03.07], văn bản các hội nghị về tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong trường [MC2.03.08], văn bản các hội nghị về tổ chức và quản lý các hoạt động tài chính, kế hoạch của Nhà trường [MC2.03.09].

Hàng năm, tại Hội nghị cán bộ, viên chức, Hội nghị sơ kết, tổng kết năm học các văn bản đánh giá định kỳ về công tác tổ chức và điều hành (báo cáo sơ kết, tổng kết năm học) của Nhà trường và các đơn vị [MC2.03.10], [MC2.03.11] văn bản tổng kết về kết quả thi đua, khen thưởng và kỷ luật hàng năm [MC2.03.12] được công bố công khai và tiếp thu các ý kiến đóng góp tích cực của quần chúng rộng rãi.

Trong tiêu chí 3, việc sử dụng website công bố thông tin còn hạn chế (thiếu [MC2.03.13], [MC2.03.14], [MC2.03.15] cần bổ sung).

## **2. Đánh giá điểm mạnh.**

- Nhà trường tổ chức thực hiện phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị, cá nhân. Qua đó, giám sát, động viên việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ đánh giá khách quan hiệu quả công tác, tạo động lực thi đua và phát triển cho Nhà trường.

## **3. Những tồn tại.**

- Công tác phân định trách nhiệm, quyền hạn cho cấp khoa chưa triệt để, do đó các đơn vị cấp khoa thiếu chủ động trong điều hành công việc.

- Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị chưa nhịp nhàng, còn có chồng chéo trong những nhiệm vụ có liên quan.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2009 - 2010 và các năm tiếp theo, tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn cho các đơn vị, cá nhân theo hướng chi tiết, cụ thể, định lượng, phát huy tối đa mặt tích cực của công tác này, thúc đẩy nhà trường tiến nhanh, tiến vững chắc trong sự nghiệp xây dựng trường đại học có uy tín, chất lượng trong khu vực Tây Bắc và cả nước.

## **IV. Tiêu chí 2.4:**

*Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.*

### **1. mô tả:**

Đảng bộ trường Đại học Tây Bắc là Đảng bộ cơ sở trực thuộc và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Sơn La và sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống tổ chức gồm 11 chi bộ.

Đảng bộ trường Đại học Tây Bắc đã thực hiện rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi hoạt động của Nhà trường trên cơ sở xây dựng nghị quyết, chủ trương mang tính định hướng và triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Cán sự Đảng-Đoàn Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Thành ủy. Các hoạt động công tác đảng và chấp hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Đảng ủy, của các chi bộ được thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, đảm bảo nguyên tắc, thủ tục và được quy định cụ thể theo lịch sinh hoạt hàng tháng [MC2.04.01], [MC2.04.02].

Dưới sự lãnh đạo của đảng ủy: Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh, Hội sinh viên, Hội Chũ thập đồ đã phát huy tốt các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình, góp phần duy trì, ổn định, xây dựng và phát triển Nhà trường.

Công đoàn cơ sở Trường đại học Tây Bắc trực thuộc Công đoàn Giáo dục Việt Nam, gồm 11 công đoàn bộ phận, đã tổ chức, triển khai hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của công đoàn trong tham gia quản lý và thực hiện công tác chuyên môn, động viên thi đua, tổ chức xây dựng đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người lao động. Các hoạt động của công đoàn các cấp (tổ, công đoàn bộ phận, công đoàn cơ sở) như: tham gia quản lý và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch năm học, tích cực tham gia cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tổ chức xây dựng đời sống vật chất, tinh thần tạo thêm việc làm tăng thu nhập, tổ chức tốt công tác nữ cán bộ, viên chức, phong trào văn nghệ, thể thao, xây dựng đời sống và gia đình văn hoá, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, về truyền thống đấu tranh của tỉnh Sơn La, tìm hiểu luật giao thông, luật phòng chống ma tuý...có hiệu quả, chất lượng. Tổ chức sinh hoạt đảm bảo nguyên tắc, thủ tục được quy định theo lịch sinh hoạt hằng tháng [MC2.04.03].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường trực thuộc Tỉnh Đoàn Sơn La, với lực lượng gần 8000 đoàn viên đã phát huy vai trò xung kích trong học tập, rèn luyện, tham gia công tác xã hội, hoạt động hỗ trợ mùa thi, mùa hè xanh tình nguyện... [MC2.04.04].

Hội sinh viên, Hội Chũ thập đồ tổ chức hoạt động thường xuyên đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình, tham gia tích cực, có hiệu quả trong các hoạt động tự quản, hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện nhân đạo [MC2.04.05].

Hằng năm các tổ chức đảng, đoàn thể tổ chức tổng kết, báo cáo kết quả hoạt động, đúc rút kinh nghiệm cho hoạt động các năm sau [MC2.04.06], báo cáo kết quả công tác phát triển Đảng, kết nạp đảng viên, đoàn viên, Hội viên [MC2.04.07].

Công tác Đảng, Đoàn thể đã phát huy tác dụng to lớn trong việc ổn định và phát triển Nhà trường, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, giữ vững khối đoàn kết, thống nhất, tạo sức mạnh và nguồn lực cho sự phát triển của Nhà trường [MC2.04.08], duy trì thực hiện công tác tiếp dân (cán bộ, viên chức) của lãnh đạo cấp uỷ và lãnh đạo Nhà trường [MC2.04.09], [MC2.04.10].

Với những thành tích đạt được, hằng năm Đảng bộ đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh", Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể đạt danh hiệu đơn vị vững mạnh [MC2.04.11], tỷ lệ các đơn vị trong Nhà trường được đánh giá xếp loại tốt đạt 100% [MC2.04.12]. Được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý của các cấp [MC2.04.13].

## **2. đánh giá điểm mạnh:**

- Đảng bộ luôn luôn giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường, theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tích cực đổi mới và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Chũ thập đồ thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, triển khai tổ chức hoạt động phong trào sôi nổi, có hiệu quả, chất lượng. Thực hiện tốt công tác dân chủ cơ sở, dân chủ học đường, công khai, minh bạch, đoàn kết, thống nhất.

- Công tác đoàn thể góp phần ổn định và phát triển Nhà trường về mọi mặt, trong thời gian ngắn, vượt mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tạo dựng uy tín của Nhà trường trong khu vực và cả nước.

## **3. Những tồn tại:**

- Sự phối hợp giữa các đoàn thể đôi khi còn chưa nhịp nhàng, đồng bộ.

- Một số hoạt động của các đoàn thể còn chưa đi vào chiều sâu, chất lượng hiệu quả còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Đảng bộ tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của Nhà trường theo định hướng đổi mới, hội nhập, phát triển, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Tăng cường phối hợp các hoạt động đoàn thể, xây dựng phong trào quần chúng rộng rãi, dân chủ, minh bạch, đoàn kết, góp phần cùng Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" bằng các hoạt động thực tiễn.

#### **V. Tiêu chí 2.5:**

*Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

##### **1. Mô tả:**

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công tác đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Tây Bắc đã có Quyết định thành lập bộ phận đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, tạm thời nằm trong cơ cấu tổ chức của phòng Đào tạo, do một đồng chí phó trưởng phòng phụ trách [MC2.05.01]. Bộ phận đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học [MC2.05.02]. Bao gồm các hoạt động đảm bảo, kiểm định, giám sát các hoạt động giảng dạy (kiểm định chương trình đào tạo, giám sát thực hiện chương trình giảng dạy, tiến trình giảng dạy, chất lượng giờ dạy, chuẩn bị giáo án, phương tiện phục vụ giảng dạy...) [MC2.05.03]; kiểm định chất lượng các đề thi, ngân hàng đề thi, kết quả đánh giá chất lượng sinh viên qua các kỳ thi [MC2.05.04]; kiểm định công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, chấp hành đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC2.05.05], kiểm định hiệu quả sử dụng vốn ngân sách trong chi tiêu phục vụ công tác đào tạo và xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thí nghiệm, thực hành, xây dựng cơ bản [MC2.05.06].

Các hoạt động của bộ phận đảm bảo chất lượng của Nhà trường tuy mới và còn thiếu đội ngũ cán bộ chuyên trách, song đã là một động lực quan trọng và có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

##### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Bộ phận đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đã tích cực, chủ động, sớm tiếp cận với những yêu cầu của nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, tư vấn cho Ban Giám hiệu Nhà trường và tổ chức triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục có hiệu quả.

Tác dụng và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đã góp phần thúc đẩy các hoạt động của Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch các năm học, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, góp phần đưa Nhà trường tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xây dựng và phát triển.

##### **3. Những tồn tại:**

Bộ phận đảm bảo chất lượng chưa trở thành một bộ phận độc lập, biên chế còn thiếu, phải sử dụng nhiều lực lượng cán bộ kiêm nhiệm.

Các nghiệp vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học còn mới mẻ, do đó chất lượng công tác đảm bảo chất lượng giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

##### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong thời gian tới, từ năm học 2009 - 2010 Nhà trường khẩn trương củng cố, hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, nhân lực để xây dựng phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học lớn mạnh về mọi mặt.

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học cho các viên chức thực hiện nhiệm vụ này và cho cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy, viên chức trong Nhà trường, nâng cao nhận thức và chất lượng về công tác đảm



bảo chất lượng giáo dục đại học.

## **VI. Tiêu chí 2.6:**

***Có chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.***

### **1. Mô tả:**

Hằng năm, từ tháng 4 (bước vào kỳ II của năm học) các đơn vị trong Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình [MC2.06.01] đến [MC2.06.20], báo cáo Nhà trường và được Ban Thẩm định kế hoạch Nhà trường xem xét, thẩm định qua 3 bước, Ban Thẩm định tổng hợp và xây dựng kế hoạch của Nhà trường [MC2.06.21]. Kế hoạch năm học được trình tại Hội nghị kế hoạch và Hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm học, được đưa vào nghị quyết và ký kết thoả ước lao động giữa Nhà trường và Công đoàn trường [MC2.06.22] Các kế hoạch ngắn hạn (năm học) tương đối phù hợp với các văn bản định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương và khu vực (Tây Bắc) nơi trường đóng [MC2.06.23] đến [MC2.06.26]. Ngoài ra, các kế hoạch ngắn hạn của các đơn vị và Nhà trường còn được công bố trên website [MC2.06.27], [MC2.06.28].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn (5 năm), kế hoạch chiến lược dài hạn (10 -15 năm) tầm nhìn đến năm 2020, phù hợp và gắn với định hướng ưu tiên phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Sơn La và 4 tỉnh miền núi phía Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Yên Bái) gắn với định hướng ưu tiên phát triển kinh tế xã hội của cả nước, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, phục vụ nhu cầu phát triển, nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá địa phương và đất nước [MC2.06.29], [MC2.06.30], [MC2.06.31], [MC2.06.32].

Các kế hoạch chiến lược trung hạn, dài hạn của Nhà trường được cụ thể hoá bằng các kế hoạch chiến lược trung hạn, dài hạn của các đơn vị nhằm triển khai có hiệu quả kế hoạch chiến lược của Nhà trường [MC2.06.33] đến [MC2.06.36]. Các kế hoạch trên đều được công bố trên website của Nhà trường [MC2.06.37].

Các kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường phù hợp và gắn với định hướng phát triển của địa phương và cả nước là những định hướng phát triển quan trọng của Nhà trường, được bàn bạc, thảo luận rộng rãi, dân chủ từ các đơn vị, được trình trước các hội nghị, hội thảo cấp trường. Năm 2001 Nhà trường chỉ mới đào tạo 2 ngành đại học Sư phạm Ngữ văn và Toán học, đến nay (2009) Nhà trường đã đào tạo 24 ngành trình độ đại học, trong đó có 8 ngành ngoài sư phạm, 18 ngành trình độ cao đẳng sư phạm (xem các minh chứng của tiêu chí 2).

Bảng 2.2 dưới đây cho thấy hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong thời gian qua gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La và các tỉnh miền núi phía Tây Bắc và cả nước.

**Bảng 2.6.1: Các hoạt động gắn kết sứ mạng Trường Đại học Tây Bắc với chiến lược phát triển của các tỉnh miền núi Tây Bắc và cả nước.**

<b>Chiến lược phát triển KT - XH của các địa phương miền núi Tây Bắc</b>	<b>Đáp ứng của trường Đại học Tây Bắc</b>
Phát triển thế mạnh Lâm nghiệp, Nông nghiệp, chăn nuôi đại gia súc	Đào tạo các ngành Lâm sinh, Nông học, Chăn nuôi - thú y, Bảo vệ thực vật
Phát triển du lịch, dịch vụ	Đào tạo các ngành QTKD, Ngoại ngữ
Phát triển văn hoá, giáo dục	Đào tạo các ngành sư phạm (ĐH, CĐ)
<b>Chiến lược quốc gia</b>	<b>Đáp ứng của trường Đại học Tây Bắc</b>

Phát triển nguồn nhân lực cho Sự nghiệp Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo (chính quy, chuyên tu, tại chức, đào tạo theo địa chỉ)</li> <li>- Mở ngành đào tạo mới (Lâm sinh, Nông học, CNTT, QTKD, Tin học, Ngoại ngữ, Chăn nuôi-thú y, Tài chính-ngân hàng, Bảo vệ thực vật)</li> <li>- Đào tạo theo địa chỉ, đào tạo cử tuyển</li> </ul>
Phát triển Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ	Tham gia đề tài cấp Bộ, Tỉnh, thành lập trung tâm NCKH-CGCN
Phát triển Công nghệ Thông tin	Mở ngành CNTT, thành lập TTTH-NN

## 2. Đánh giá điểm mạnh:

- Công tác xây dựng kế hoạch chiến lược được lãnh đạo Đảng uỷ, lãnh đạo Nhà Trường quan tâm đầu tư, các kế hoạch chiến lược đã có tác dụng to lớn, quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà Trường.

- Kế hoạch chiến lược của Nhà trường luôn bám sát, gắn bó và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La, các tỉnh miền núi Tây Bắc và cả nước.

- Nhà trường đã đóng góp có ý nghĩa quan trọng cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá khu vực Tây Bắc .

## 3. Những tồn tại:

- Tuy đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của khu vực, song vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của xã hội, một số công việc trong chiến lược trung hạn chưa thực hiện được (chưa mở được ngành Y - Dược, Xây dựng, phát triển nông thôn...)

- Công tác điều tra, dự báo và xây dựng kế hoạch chiến lược chưa kịp thời với sự phát triển và nhu cầu đòi hỏi của xã hội.

- Việc công bố các kế hoạch chiến lược của các đơn vị và Nhà trường trên website chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

## 4. Kế hoạch hành động

- Năm 2010 Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá, tổng kết, hội thảo cấp khu vực việc thực hiện kế hoạch trung hạn (2001 - 2010), đánh giá hiệu quả những đáp ứng của Nhà trường về đào tạo nguồn nhân lực, NCKH, CGCN đối với khu vực miền núi Tây Bắc, khảo sát nhu cầu của khu vực trong giai đoạn tới nhằm xây dựng kế hoạch chiến lược sát thực, phù hợp với định hướng phát triển của các tỉnh và khu vực.

- Tiếp tục thực hiện các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đã xây dựng và đẩy mạnh xây dựng kế hoạch chiến lược tầm nhìn đến năm 2020, 2025.

## VII. Tiêu chí 2.7

**Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.**

### 1. Mô tả:

Trường Đại học Tây Bắc luôn thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết, báo cáo kế hoạch năm học và các báo cáo chuyên môn khác đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban cán sự Đảng - Đoàn Bộ Giáo dục và đào tạo [MC2.07.01], các báo cáo đối với các bộ ngành có liên quan [MC2.07.02], báo cáo định kỳ và báo cáo hằng năm đối với Tỉnh uỷ Sơn La [MC2.07.03], báo cáo định kỳ và báo cáo hằng năm đối với Công đoàn Giáo dục Việt Nam [MC2.07.04], Hội sinh viên Việt Nam [MC2.07.05], Hội Thanh niên Việt Nam [MC2.07.06], Báo cáo định kỳ và báo cáo hằng năm đối với Tỉnh đoàn Sơn La [MC2.07.07],

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Sơn La [MC2.07.08], Hội Chữ thập đỏ Sơn La [MC2.07.09].

Các báo cáo định kỳ, báo cáo hằng năm đã đánh giá khách quan những thành tựu, thành tích Nhà trường đạt được với chiều hướng ngày càng phát triển hoàn thiện, đạt chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội, an ninh, quốc phòng trong khu vực Tây Bắc và tỉnh Sơn La. Đồng thời đánh giá thẳng thắn những tồn tại, hạn chế để nhanh chóng khắc phục, sửa chữa, hạn chế những yếu kém nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển đảm bảo chất lượng, đảm bảo và nâng cao uy tín đào tạo của Nhà trường.

Hệ thống các báo cáo được lưu trữ, bảo quản đầy đủ, đảm bảo chất lượng các văn bản.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Chế độ định kỳ báo cáo đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý khác được thực hiện đều, chất lượng các báo cáo đều phản ánh khách quan tình hình thực hiện các nhiệm vụ và kết quả các hoạt động của Nhà trường.

Các báo cáo đều đánh giá khách quan những thành tích Nhà trường đạt được và chỉ rõ những mặt còn hạn chế, tìm nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích.

## **3. Những tồn tại:**

Nhiều báo cáo còn chậm so với thời gian quy định.

Một số báo cáo của các mảng công tác (riêng rẽ) còn ngắn gọn, chưa báo cáo được đầy đủ những hạn chế và những thành tích đạt được.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Quán triệt các bộ phận thực hiện nghiêm chỉnh, đúng thời hạn, đúng định kỳ các báo cáo.

Tăng cường việc thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, đẩy mạnh việc đề ra các giải pháp thực hiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

## **KẾT LUẬN:**

Công tác tổ chức và quản lý của Trường Đại học Tây Bắc với kết quả tự đánh giá khách quan thì hầu hết các tiêu chí đều đạt mức khá trở lên. Nhà trường đã thực hiện khá tốt các yêu cầu, quy định của Nhà nước về công tác tổ chức và quản lý cơ cấu bộ máy, nhân sự và các hoạt động của Nhà trường. Tuy nhiên, một số tiêu chí còn thiếu các minh chứng, cho nên công tác trong thời gian tới là cần củng cố, bổ sung, hoàn thiện các minh chứng, để các tiêu chí đạt chất lượng cao hơn.

## **TIÊU CHUẨN 3**

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Đến nay, Trường đã có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của Trường. Trên cơ sở các chương trình đào tạo đó, Trường đã tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc từng chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc tương đối mềm dẻo hợp lý, đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo, yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

#### **I. Tiêu chí 3.1:**

*Chương trình giáo dục của trường đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự*

***tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.***

### **1. Mô tả:**

Trường Đại học Tây Bắc mới được thành lập cho nên việc xây dựng chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của lãnh đạo và toàn thể cán bộ, giảng viên nhà trường. Chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC3.01.01]. Hiện nay, tất cả các ngành, bậc, hệ đào tạo của trường đều có đầy đủ chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy đến từng học kỳ của toàn khoá học [MC3.01.02]. Các chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy này đều được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức. Tuy nhiên, chưa có sự tham gia của hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định. Các chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy này đều được xây dựng, thông qua Hội đồng khoa học của Khoa, Hội đồng khoa học của Trường và được phê duyệt của Ban Giám hiệu nhà trường trước khi đưa vào sử dụng [MC3.01.03]. Kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của trường được in thành quyển gửi cho các khoa vào đầu khoá học [MC3.01.04].

Hiện nay, nhà trường đã biên soạn đầy đủ chương trình chi tiết và kế hoạch giảng dạy cho các ngành học bao gồm:

- Chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy cho hệ cao đẳng sư phạm: Toán, Vật lý, tin học, Hoá học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Địa lý, Toán - Lý, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Văn - Sử, Văn - Giáo dục công dân, Văn - Công tác Đoàn Đội, Sử - Địa, Tiểu học, Mầm non, Ngoại ngữ [MC3.01.05] đến [MC3.01.22].

- Chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy cho hệ đại học: Toán, Vật lý, Tin học, Hoá học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Địa lý, Toán - Lý, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Văn - Sử, Văn - Giáo dục công dân, Sử - Địa, Tiểu học, Mầm non, Ngoại ngữ, Giáo dục chính trị, Nông học, Lâm sinh, Chăn nuôi, Thú y, Bảo vệ thực vật, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng [MC3.01.23] đến [MC3.01.49].

Nhà trường đang xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy theo học chế tín chỉ, bắt đầu áp dụng cho K50 (Khóa tuyển sinh 2009) [MC3.01.50]. Các chương trình đào tạo này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham gia của cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý do Hiệu trưởng trực tiếp làm Chủ tịch Hội đồng. Khi xây dựng chương trình có sự tham khảo chương trình của các trường có kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ.

Trường đã biên soạn đầy đủ các chương trình chi tiết các học phần và đang tiến hành biên soạn, hoặc mua tài liệu tham khảo của từng học phần cụ thể. Cán bộ giảng dạy trực tiếp hướng dẫn sinh viên sử dụng các tài liệu cho từng môn học do mình phụ trách.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Lãnh đạo nhà trường rất quan tâm đến việc xây dựng chương trình đào tạo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thể hiện ở sự chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho hoạt động này.

Chương trình đào tạo của trường được định hướng từ khi có dự án mở ngành và khi biên soạn là dựa trên yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của người học và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương trình được xây dựng bởi một đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, tâm huyết với nghề nghiệp cho nên kiến thức khoa học thường xuyên được cập nhật, phương pháp giảng dạy được đổi mới.

Hiện nay, phòng đào tạo và các khoa không ngừng rà soát, điều chỉnh, cân đối lại để xây dựng chương trình ngày càng hoàn thiện hơn

### **3. Những tồn tại:**

Hầu hết các tài liệu tham khảo chủ yếu là biên soạn trong nước do trình độ ngoại ngữ

của cán bộ giảng viên và sinh viên còn yếu, khả năng đọc tài liệu nước ngoài còn nhiều hạn chế.

Chưa khảo sát lấy ý kiến của người học sau khi ra trường để thấy được điểm yếu, điểm mạnh của chương trình từ đó có biện pháp chỉnh sửa hoặc bổ sung.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

Tăng cường khả năng ngoại ngữ của giáo viên và sinh viên. Đối với giáo viên, Trường sẽ cử tham dự các lớp bồi dưỡng trong và ngoài nước. Đối với sinh viên, Trường sẽ có kế hoạch phân loại theo trình độ ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy theo trình độ. Đồng thời, Trường sẽ tiếp tục đổi mới chương trình chi tiết các môn ngoại ngữ, đặc biệt là ngoại ngữ chuyên ngành.

Mạnh dạn tìm kiếm và đưa tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài vào chương trình giảng dạy.

Có những quy định cụ thể việc các khoa cung cấp tài liệu về đề cương chi tiết và tài liệu tham khảo đến từng sinh viên, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên chủ động hơn trong quá trình tìm kiếm tài liệu học tập.

Thành lập và đưa vào hoạt động bộ phận thu thập, khảo sát ý kiến của người học, đặc biệt là những sinh viên tốt nghiệp có việc làm về chương trình đào tạo.

## **II. Tiêu chí 3.2:**

*Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.*

### **1. Mô tả:**

Các chương trình giáo dục của trường đã được xác định rõ mục tiêu đào tạo là cơ sở để xây dựng thành văn bản trong đó có mô tả đầy đủ khối lượng kiến thức chuyên môn cần thiết theo từng ngành nghề đào tạo đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đủ trình độ đáp ứng được yêu cầu hiện tại của thị trường lao động ở địa phương và khu vực Tây Bắc [MC3.02.01].

Mỗi chương trình giáo dục được xây dựng bởi các giảng viên chuyên ngành, sau khi đã học tập nghiên cứu và tham khảo các chương trình giáo dục của các trường chuyên ngành, dựa vào chương trình khung của Bộ và tìm hiểu thực tế địa phương. Sau đó chương trình được đưa ra góp ý ở tổ chuyên môn, Hội đồng khoa học của khoa, trường. Trước khi đi vào các kiến thức cụ thể, chi tiết thì người xây dựng chương trình phải xác định cho được mục tiêu cụ thể: Sau khi hoàn thành chương trình, người học cần được bồi dưỡng những kiến thức và kỹ năng gì. Những mục tiêu này cần phù hợp với yêu cầu của ngành nghề đào tạo, sát với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội ở địa phương [MC3.02.02].

Tất cả các chương trình giáo dục đều đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương có 80 đơn vị học trình (chưa kể các nội dung bắt buộc về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu là 130 đơn vị học trình [MC3.02.03].

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, cùng với việc mở thêm các ngành mới, Trường còn điều chỉnh mục tiêu đào tạo của một vài ngành, như đại học sư phạm hai môn: Toán - Lý, Toán - Tin, Sinh - Hoá, Văn - Sử, Văn - Giáo dục công dân, Sử - Địa [MC3.02.04].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Các chương trình giáo dục của Trường có đầy đủ các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, kết cấu đảm bảo đáp ứng nhu cầu hiện tại về thị trường lao động của địa phương và đảm bảo cho người học tích lũy đủ vốn kiến thức cần thiết để làm việc sau khi ra trường.

Nhà trường có đầy đủ chương trình chi tiết cho các ngành đào tạo, được xây dựng đáp ứng chuẩn kiến thức. Hằng năm, chương trình được rà soát, điều chỉnh, cập nhật kiến thức

### **3. Những tồn tại:**

Chưa tổ chức được việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng và các cựu sinh viên của trường về kiến thức và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế.

Trong chương trình đào tạo của trường hiện nay, nhiều kiến thức còn mang nặng tính hàn lâm, đặc biệt là khối kiến thức giáo dục đại cương.

Trường chưa đủ điều kiện để chủ động cải cách mạnh mẽ chương trình đào tạo vì chưa tiến hành điều tra tổng thể về nhu cầu của thị trường lao động và chưa thực hiện kiểm định chương trình đào tạo đại học.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong những năm tới, Nhà trường cần mở rộng quan hệ với các chuyên gia, các viện nghiên cứu, các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực để liên kết xây dựng chương trình đào tạo. Đồng thời từng bước rà soát các chương trình hiện có để chỉnh sửa, nếu cần thiết phải chuyển đổi mục tiêu đào tạo để hội nhập với giáo dục thế giới.

Lập kế hoạch định kỳ việc khảo sát thực tế các nhà tuyển dụng và các tổ chức đào tạo khác, các cựu sinh viên của Trường để lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo.

## **III. Tiêu chí 3.3:**

*Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.*

### **1. Mô tả:**

Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo những quy định về xây dựng chương trình của Bộ Giáo dục và đào tạo.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

### **3. Những tồn tại:**

### **4. Kế hoạch hành động:**

## **IV. Tiêu chí 3.4:**

*Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.*

### **1. Mô tả:**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát chương trình, có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước. Các chương trình đào tạo cũng được bổ sung, điều chỉnh kịp thời nếu trong quá trình thực hiện có các vấn đề phát sinh hoặc có những bất cập so với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Những chương trình này, sau khi được xây dựng mới, đều tổ chức đánh giá, nghiệm thu ở Bộ môn, hội đồng khoa học cấp khoa, cấp trường, được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [MC3.04.01].

Sự thay đổi chủ yếu ở việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Ngay từ những ngày đầu nâng cấp lên đại học, Nhà trường đã phát động trong cán bộ giảng viên phong trào đổi mới phương pháp dạy và học, thực hiện cuộc vận động của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo dục, tuyên truyền, quán triệt nhận thức cho toàn trường về sự cần thiết phải đổi mới phương pháp dạy và học. Cử cán bộ giảng viên tham dự các lớp tập huấn, mời chuyên gia tư vấn, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, đầu tư nhân lực và kinh phí mua giáo trình, tài liệu, các trang thiết bị... nhằm phục vụ đổi mới phương pháp dạy học. Với những nỗ lực trên đây, việc đổi mới phương pháp dạy và học đã thu được những kết quả tốt đẹp. Những kết quả này đã được điều chỉnh, bổ sung kịp thời vào các chương trình đào tạo [MC3.04.02].

Phòng Đào tạo không ngừng phối hợp cùng các khoa rà soát, điều chỉnh một số môn học do khoa đề nghị thay đổi hoặc tách riêng từng phần và đưa vào áp dụng [MC3.04.03].

Một số khoa đã chủ động tổ chức các buổi hội thảo góp ý về chương trình đào tạo chuyên ngành [MC3.04.04].

Năm học 2009 - 2010 nhà trường sẽ áp dụng đào tạo theo tín chỉ đối với K50 cho nên ngay từ cuối năm học trước, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo Phòng Đào tạo phối hợp cùng các khoa xây dựng chương trình đào tạo theo tín chỉ ở tất cả các ngành học. Trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, đưa ra được định hướng cho xây dựng chương trình. Hiện nay, chương trình đào tạo theo tín chỉ đã xây dựng xong, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng [MC3.04.05].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo định kỳ được bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở các văn bản hướng dẫn điều chỉnh chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chương trình khung mới được ban hành; được cập nhật các kiến thức mới, hiện đại từ các giáo trình, tài liệu mới, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình được thực hiện đúng quy trình: bộ môn đề xuất những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung; thông qua hội đồng khoa học của khoa góp ý; Hội đồng khoa học và đào tạo của trường đưa ra kết luận.

## **3. Những tồn tại:**

Trường chưa có kế hoạch định kỳ và cụ thể về tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Trong những năm học tới, trường sẽ có kế hoạch thực hiện 2 năm một lần tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo.

## **V. Tiêu chí 3.5:**

*Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.*

### **1. Mô tả:**

Trường Đại học Tây Bắc chính thức tiến hành đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học từ khi có Quyết định 06/2008/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học. Ngoài việc tổ chức đào tạo liên thông tại trường, trường còn liên kết tổ chức đào tạo ở các địa phương và có văn bản quy định cụ thể [MC3.05.01].

Những năm học trước đó, Trường tổ chức đào tạo chuyên tu các ngành sư phạm và hệ tại chức. Về phương thức tổ chức đào tạo, hệ chính quy học tập trung tại trường còn hệ chuyên tu học tập trung tại địa phương nhưng cùng chung một chương trình đào tạo [MC3.05.02].

Hàng năm, vào mỗi kỳ tuyển sinh, Trường soạn thảo tài liệu thông tin về tuyển sinh nêu rõ những điều kiện thí sinh cần phải đạt khi thi tuyển vào trường đối với tất cả các hệ đào tạo, công bố rộng rãi trong những đợt đi tư vấn tuyển sinh, đưa thông tin lên trang Web trường [MC3.05.03].

Nhìn chung việc triển khai đào tạo liên thông đạt theo kế hoạch đề ra [MC3.05.04]. Thực hiện nghiêm túc các quy định về tuyển sinh và tổ chức quản lý quá trình đào tạo, quản lý sinh viên, tạo được mối hợp tác chặt chẽ với các đối tác. Sự phối hợp giữa nhà trường với cơ sở liên kết trong công tác quản lý sinh viên trong thời gian qua khá đồng bộ, hiệu quả. Cả hai bên đều có sự quan tâm đúng mức từ khâu tuyển sinh, khai giảng, tổ chức quản lý sinh viên trong quá trình đào tạo đến khi bế giảng cấp bằng tốt nghiệp [MC3.05.05].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo việc đào tạo liên thông, tạo điều kiện cho phát triển phương thức đào tạo này. Khi chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường đã chỉ đạo phải đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo và với các chương trình giáo dục khác.

Nguồn tuyển sinh khá phong phú do tạo cơ hội cho người học nâng cao trình độ, đáp ứng được chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

Trước khi thực hiện đào tạo liên thông trường đã tổ chức khảo sát các điều kiện đảm bảo: đội ngũ giảng viên, nhu cầu đào tạo của địa phương, phòng học, phương tiện dạy học từ đó mới quyết định mở ngành đào tạo.

### **3. Những tồn tại:**

Kế hoạch giảng dạy thường bị điều chỉnh do các yếu tố như phụ thuộc vào lực lượng giảng viên, kế hoạch công tác của địa phương.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các biện pháp: Đi đôi với mở rộng quy mô đào tạo cần chú trọng chất lượng đào tạo, lấy hiệu quả phát huy tác dụng trong thực tiễn công tác làm thước đo chính để đánh giá chất lượng đào tạo.

Chú trọng hơn nữa công tác quảng cáo, tư vấn tuyển sinh để thu hút càng nhiều càng tốt số lượng đăng ký dự thi, từ đó có thể tuyển chọn được đầu vào có chất lượng hơn.

## **VI. Tiêu chí 3.6:**

*Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.*

### **1. Mô tả:**

#### **KẾT LUẬN:**

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường có đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập, chương trình chi tiết và tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo của trường. Tất cả các chương trình đào tạo của trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các khoa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông và trường triển khai đào tạo liên thông đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chưa triển khai được việc lấy các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác.

## **TIÊU CHUẨN 4**

### **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

Các hoạt động đào tạo của Trường được tổ chức đa ngành, theo các phương thức và bậc học đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động. Phương pháp giảng dạy của các giảng viên ngày càng được đa dạng, tiếp cận được với các phương pháp giảng dạy tiên tiến và được đánh giá hiệu quả thông qua đánh giá của Bộ môn và người học, từ đó rút kinh nghiệm để cải tiến và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp. Nhà trường từng bước áp dụng một chuẩn mực về chương trình đào tạo và kiểm tra đánh giá cho các hình thức đào tạo chính quy và phi chính quy nhằm đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng cho mọi đối tượng người học. Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học rõ ràng, đầy đủ và chính xác; văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định.

### **I. Tiêu chí 4.1:**

*Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.*



### **1. Mô tả:**

Công tác đào tạo của trường được tổ chức thực hiện theo các phương thức đào tạo chính quy và không chính quy [MC4.01.01]. Để đáp ứng nhu cầu học tập của người học, trường phối hợp với đơn vị liên kết tổ chức các đợt khảo sát thực tế tại địa phương và ký kết hợp đồng đào tạo với các địa phương đó [MC4.01.02].

Hiện nay, nhà trường đang chỉ đạo áp dụng dần dần một chuẩn mực về chương trình đào tạo và kiểm tra đánh giá cho các phương thức đào tạo tập trung và không tập trung. Chương trình đào tạo được xây dựng và áp dụng chung cho cả hai phương thức đào tạo trên. Ngoài ra, trường còn có các quy định chung về chương trình đào tạo như: quy định về khối lượng kiến thức chuyên ngành và kế hoạch đào tạo từng học kỳ [MC4.01.03]. Có các quy định chung về hình thức thi kết thúc học phần cho các phương thức đào tạo tập trung và không tập trung của trường như: thi viết, vấn đáp và thi thực hành [MC4.01.04]. Nhà trường đã và đang chỉ đạo xây dựng bộ đề thi học phần, theo hướng trắc nghiệm [MC4.01.05].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Tổ chức thường xuyên các hoạt động thi kiểm tra, đánh giá của trường trong các kỳ thi cuối học kỳ.

Nhà trường tích cực thực hiện đa dạng hoá các hình thức đào tạo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hình thức đào tạo này đã đáp ứng nhu cầu học tập của người học và phần nào giúp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao của địa phương.

### **3. Những tồn tại:**

Chưa tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ giảng viên về hiệu quả của các phương thức đào tạo.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong những năm tới, trường sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học, khảo sát cán bộ giảng viên về các phương thức đào tạo, thời gian thực hiện 2 năm một lần. Rút kinh nghiệm những khiếm khuyết nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo

## **II. Tiêu chí 4.2:**

*Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.*

### **1. Mô tả:**

Từ k50 trở về trước, nhà trường thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần, theo "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy", ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC4.02.01]. Đầu năm học, Quy chế này được phổ biến đến sinh viên trong đợt sinh hoạt công dân. Sau nhiều năm, việc thực hiện Quy chế này đã đi vào ổn định, kế hoạch giảng dạy từng học kỳ thực hiện đúng thời gian quy định [MC4.02.02].

Năm học 2009 - 2010, trường bắt đầu áp dụng Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho khoá 50 (tuyển sinh năm 2009) [MC4.02.03]. Vào đầu năm học, ngoài những môn học cứng theo kế hoạch đào tạo, sinh viên được quyền đăng ký các môn học mới, các môn học muốn cải thiện và các môn học còn nợ. Ngoài ra tận dụng tính mềm dẻo của học chế tín chỉ, sinh viên được phép học vượt để rút ngắn thời gian học. Đây cũng là ưu điểm trong việc đào tạo theo tín chỉ [MC4.02.04]. Vào đầu khoá học, trường phát cho mỗi sinh viên mới vào cuốn sổ "Quy định về công tác học vụ", trong đó có hướng dẫn thực hiện quy chế, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên trong suốt khoá học [MC4.02.05].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Trường thực hiện khá tốt việc công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần, đến nay, kế hoạch đào tạo đã đi vào ổn định.

Nhà trường cũng chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện đào tạo theo tín chỉ, tổ chức nghiên cứu Quy chế, tham quan học tập kinh nghiệm các trường đi trước, nhiều lần hội thảo, xây dựng chương trình...

### **3. Những tồn tại:**

Kế hoạch triển khai đào tạo theo tín chỉ chậm so với lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chưa áp dụng học chế tín chỉ triệt để.

Đội ngũ, cơ sở vật chất chưa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo theo tín chỉ

### **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục thực hiện tốt đào tạo theo niên chế kết hợp với học phần cho các khoá 47,48 và 49.

Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm, từng bước áp dụng triệt để hơn đào tạo theo tín chỉ.

### **III. Tiêu chí 4.3:**

*Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.*

#### **1. Mô tả:**

Hiện nay, trường đã thực hiện đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy: thảo luận theo nhóm, làm thí nghiệm. Ngoài ra, trường còn ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy như soạn bài giảng trên Power Point, với hình thức này, sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian vẽ và viết trên lớp, kết hợp với phần mềm hỗ trợ, các hình minh hoạ làm bài giảng trở nên sinh động hơn, sinh viên sẽ tập trung vào bài giảng nhiều hơn [MC4.03.01]. Đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy là một trong những mục tiêu lớn của trường, đã có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, tổ chức nhiều cuộc hội thảo về đổi mới các phương pháp giảng dạy [MC4.03.02].

Lãnh đạo nhà trường có những buổi gặp gỡ sinh viên để qua đó ghi nhận ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên, từ đó rút kinh nghiệm, chỉnh sửa [MC4.03.03].

Các khoa thường xuyên tổ chức dự giờ các giảng viên trong khoa nhằm đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng trở thành một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại giờ dạy [MC4.03.04].

#### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Nhà trường rất chú trọng, đầu tư và khuyến khích việc đổi mới các phương pháp giảng dạy.

Trường đã tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho các giảng viên ngoài sư phạm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **3. Những tồn tại:**

Chưa có văn bản quy định chung về tổ chức thực hiện đổi mới và đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy.

Tổ chức đánh giá hiệu quả của phương pháp giảng dạy mới chỉ thực hiện riêng lẻ từng khoa. Tổng kết triển khai đánh giá còn yếu.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

Ban hành văn bản quy định về đổi mới và đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy, hàng năm cần đặt chỉ tiêu yêu cầu về đổi mới và đa dạng hoá phương pháp giảng dạy.

Có kế hoạch tổ chức định kỳ việc khảo sát đồng nghiệp và người học về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy, tiến hành thực hiện hai năm một lần.

### **IV. Tiêu chí 4.4:**

*Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.*

### **1. Mô tả:**

Trong những năm qua, trường đã thực hiện đa dạng hoá phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên như thi tự luận, thi trắc nghiệm, làm bài tập, khoá luận tốt nghiệp...[MC4.04.01]. Việc quy định hoặc thay đổi các hình thức thi là theo đề nghị của Trường bộ môn và được xem xét phù hợp với chương trình của từng môn học [MC4.04.02].

Trường chỉ đạo và là đề tài nghiên cứu khoa học việc xây dựng hệ thống kiến thức chuẩn và ngân hàng đề thi học phần cho các môn. Ngân hàng đề thi này đã được sử dụng trong các kỳ thi học phần và có hiệu quả [MC4.04.03]

Để đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác công bằng trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trường xử lý nghiêm khắc, đúng Quy chế những cán bộ coi thi không nghiêm túc, xử lý sinh viên vi phạm quy chế thi [MC4.04.04]. Trước mỗi kỳ thi, buổi thi, phòng Đào tạo phổ biến lại Quy chế, nhắc nhở thái độ nghiêm túc trong thi cử cho cán bộ coi thi và sinh viên tham gia thi [MC4.04.05].

Đánh giá mức độ tích lũy của sinh viên thông qua các đợt xét lên lớp, nợ học phần, các đề tài nghiên cứu khoa học, khoá luận hàng năm [MC4.04.06].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Nhà trường xử lý rất nghiêm túc, khách quan và kịp thời những trường hợp vi phạm Quy chế thi của giảng viên và sinh viên.

Trường đã thành lập bộ phận thanh tra đào tạo để giám sát các kỳ thi, kế hoạch lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo được tính chính xác, khách quan, công bằng.

### **3. Những tồn tại:**

Nhà trường chưa tổ chức khảo sát quy mô lớn đối với sinh viên về tính sát thực và mức độ tin cậy của các đề thi.

Việc xây dựng ngân hàng đề thi còn quá chậm và chưa áp dụng triệt để ở tất cả các môn học.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Cần tổ chức các cuộc hội thảo về các phương pháp đo lường và đánh giá trong giáo dục đại học.

Tiến hành khảo sát giảng viên về các loại hình thi đang sử dụng, khảo sát sinh viên về tính sát thực của đề thi, thời gian thực hiện hai năm một lần.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ngân hàng đề thi trong những năm học tới.

## **V. Tiêu chí 4.5:**

*Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.*

### **1. Mô tả:**

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, kịp thời sau mỗi kỳ thi bằng bảng điểm từng môn học tại phòng Đào tạo và văn phòng khoa, ghi vào sổ điểm của sinh viên. Việc lưu trữ đầy đủ và chính xác, được phân theo từng khoa, từng ngành và từng học kỳ, dễ dàng sao lục khi cần thiết [MC4.05.01]. Có quy định thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học [MC4.05.02], thông báo dự kiến xét tốt nghiệp và kết quả tốt nghiệp

đến người học [MC4.05.03].

Hệ thống sổ sách lưu trữ kết quả học tập của người học được bố trí một cách khoa học. Hiện nay, phòng Đào tạo quản lý toàn bộ điểm, khối lượng giảng dạy của giáo viên trên Microsoft Excel của máy tính, nối mạng toàn trường [MC4.05.04].

Văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định, chưa để xảy ra sai sót trong quá trình cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Các loại sổ sách, chứng từ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu giữ cẩn thận, đúng quy định [MC4.05.05].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Công tác quản lý điểm của sinh viên được cập nhật song song tại các khoa và phòng Đào tạo. Sau mỗi kỳ thi học kỳ, phòng Đào tạo tiến hành đồng bộ so sánh kết quả, vì vậy đảm bảo được tính chính xác trong khi xử lý kết quả học tập cho người học.

Công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ có nề nếp, không để xảy ra sai sót.

### **3. Những tồn tại:**

Chưa có phần mềm quản lý điểm, đây là một trong những khó khăn lớn của những người trực tiếp xử lý kết quả học tập của người học.

Việc chấm thi ở một số bộ môn đôi khi còn chậm, vì vậy thông báo kết quả chưa đúng thời gian quy định.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong năm học này, trường cần xúc tiến mua phần mềm và đưa vào sử dụng trong quản lý điểm.

Có những quy định xử lý các bộ môn chấm thi chậm, quá thời hạn cho phép.

## **VI. Tiêu chí 4.6:**

*Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.*

### **1. Mô tả:**

Hoạt động chính của nhà trường là đào tạo, cho nên rất chú trọng việc tổ chức lưu trữ các dữ liệu về hoạt động này. Đầu mỗi khoá học, sinh viên được nhập học với đầy đủ các thông tin cần thiết, được biên chế theo lớp, khoa, được cấp thẻ sinh viên có mã số riêng, những thông tin trên được lưu trữ bằng hệ thống sổ sách và trên máy tính [MC4.06.01].

Trong quá trình đào tạo, các kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên cũng được lưu trữ đầy đủ bằng hệ thống sổ sách và các file máy tính của phòng Đào tạo [MC4.06.02].

Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng tốt nghiệp ngay sau lễ Bế giảng. Danh sách sinh viên tốt nghiệp, hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ đầy đủ theo quy định [MC4.06.03]

Nhà trường đã bước đầu tiến hành khảo sát tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của sinh viên, bằng hệ thống phiếu điều tra nhưng kết quả thu được rất hạn chế. Các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động ở địa phương không hợp tác tích cực [MC4.06.04].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Trường rất chú trọng việc lưu trữ các cơ sở dữ liệu về đào tạo, sinh viên tốt nghiệp bằng hệ thống sổ sách và trên máy tính.

### **3. Những tồn tại:**

Chưa có phần mềm chuyên dụng để quản lý cơ sở dữ liệu đào tạo và tình hình sinh viên tốt nghiệp.

Chưa có bộ phận chuyên trách khảo sát tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

Cần có ngay phần mềm chuyên dụng để quản lý cơ sở dữ liệu đào tạo và hồ sơ sinh viên tốt nghiệp.

Thành lập và đi vào hoạt động bộ phận chuyên trách để khảo sát tình hình sinh viên sau khi ra trường. Cũng có thể lập câu lạc bộ cựu sinh viên để có những thông tin cần thiết cho Nhà trường.

#### **VII. Tiêu chí 4.7:**

*Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.*

#### **KẾT LUẬN**

Trường có các phương thức đào tạo tập trung và không tập trung để đáp ứng nhu cầu học tập của người học. Các phương thức áp dụng chung chương trình đào tạo. Trường mới áp dụng quy trình tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2009, cho K50. Trường khuyến khích đổi mới và đa dạng hoá phương pháp dạy và học, tổ chức dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên. Quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp trong điều kiện hiện tại. Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, kịp thời theo quy định, chính xác và an toàn. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định. Tuy nhiên các phương pháp đánh giá chưa đa dạng

### **TIÊU CHUẨN 5**

#### **ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên là lực lượng quan trọng, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, đòi hỏi phải đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao, được đánh giá qua các tiêu chí sau:

#### **I. Tiêu chí 5.1:**

*Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.*

#### **1. Mô tả:**

Từ năm 2001 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng và phân bổ chỉ tiêu từng giai đoạn cho các đơn vị theo Dự án xây dựng Trường Đại học Tây Bắc đã được Chính phủ phê duyệt và theo các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tầm nhìn đến năm 2020 của Nhà trường [MC5.01.01]. Thông báo công khai kế hoạch, chỉ tiêu, thời gian tuyển dụng rộng rãi [MC5.01.02], thông báo công khai quy trình, tiêu chí tuyển dụng theo quy định của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch [MC5.01.03].

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý Nhà trường và các đơn vị được quy định các tiêu chí, quy trình rõ ràng, minh bạch, tuân theo các quy định pháp luật hiện hành, theo kế hoạch chiến lược xây dựng đội ngũ, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Nhà trường, phù hợp với năng lực, trình độ và vị trí công tác đối với cán bộ và được thông báo công khai [MC5.01.04], [MC5.01.05].

Thực hiện quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, Nhà trường tiến hành theo hình thức thi tuyển, xét tuyển đối với công tác tuyển dụng, hình thức giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín và bầu cử bằng phổ thông đầu phiếu đối với công tác bổ nhiệm đảm bảo tính dân chủ, công khai, đảm bảo chất lượng. Hội đồng tuyển dụng thực hiện đầy đủ các văn bản, hồ sơ theo quy

định [MC5.01.06], văn bản triển khai công tác tuyển dụng và bổ nhiệm [MC5.01.07], văn bản kết quả làm việc của hội đồng [MC5.01.08], công khai danh sách những người được tuyển dụng bằng hình thức niêm yết [MC5.01.09].

Chiến lược Quy hoạch và Phát triển đội ngũ của Nhà trường được xây dựng đáp ứng sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường, được bàn bạc, thảo luận rộng rãi tại hội nghị cán bộ, công chức các cấp, được tổ chức hội thảo khoa học đáp ứng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, kế hoạch quy hoạch cán bộ tầm nhìn đến năm 2020 [MC5.01.10] và được tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm hằng năm [MC5.01.11].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ rõ ràng, cụ thể cho từng giai đoạn. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện đúng quy trình, tuân thủ các tiêu chí quy định, đã tuyển dụng, quản lý, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng tương đối đủ theo yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

- Lãnh đạo Nhà trường đã nhận thức đúng và quan tâm, chú trọng đối với công tác cán bộ, đã xây dựng kế hoạch chiến lược dài hạn và kế hoạch cụ thể cho hằng năm, đảm bảo có tương đối đủ đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành thông suốt mọi nhiệm vụ của Nhà trường.

## **3. Những tồn tại:**

- Trình độ, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý của cán bộ, giảng viên, nhân viên chưa đồng đều, còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ, tin học, còn thiếu chuyên gia đầu ngành, thiếu cán bộ giảng dạy ở những ngành mới mở, gây những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý gặp khó khăn về nguồn, chưa đạt chất lượng, hiệu quả như mong muốn.

- Công tác đánh giá cán bộ còn mang tính hình thức, do đó chưa động viên cán bộ, viên chức phấn đấu đạt hiệu quả công tác cao nhất.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục thực hiện, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược về xây dựng đội ngũ đến năm 2020 và những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của trường đại học mang tính vùng.

- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cao (tiến sỹ), trình độ khoa học quản lý Nhà nước, quản lý giáo dục, trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, giảng viên, đặc biệt là cán bộ quản lý, lãnh đạo.

- Điều chỉnh và đổi mới công tác tuyển dụng, công tác đánh giá cán bộ, nâng cáo chất lượng tuyển dụng và hiệu quả công tác của cán bộ, viên chức.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ kế cận cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn đầu ngành.

## **II. Tiêu chí 5.2:**

*Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.*

### **1. Mô tả:**

Trường Đại học Tây Bắc với truyền thống 50 năm xây dựng và phát triển luôn là đơn vị có truyền thống đoàn kết, thống nhất, dân chủ, ổn định tạo thế và lực cho sự nghiệp phát triển vững chắc của Nhà trường, Nhà trường là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và là đơn vị thực hiện tốt "Quy chế dân chủ cơ sở".

Nhà trường đã tổ chức phổ biến, học tập quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, các đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, Nhà nước trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên. Các kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học, quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế đào tạo, quy chế quản lý công

tác nghiên cứu khoa học, quy chế công tác sinh viên đều được lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, giảng viên, nhân viên, được tổ chức hội thảo khoa học, đã phát huy tinh thần làm chủ và huy động trí tuệ tập thể.

Thực hiện quy chế dân chủ và pháp lệnh cán bộ, công chức, Nhà trường và các đơn vị hàng năm tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, Hội nghị sơ kết, tổng kết năm học, tiếp thu các ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên đóng góp cho các chủ trương, kế hoạch của Nhà trường và đơn vị [MC5.02.01], [MC5.02.02]. Ngoài lịch tiếp dân, lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị, trong các hội nghị đã cởi mở, thẳng thắn, đối thoại, giải trình, trả lời đối với cán bộ, viên chức những vấn đề, những vướng mắc được quần chúng trình bày, hoặc phản ánh qua hộp thư góp ý [MC5.02.03], [MC5.02.04], [MC5.02.05]. Hằng tháng Nhà trường tổ chức giao ban đánh giá kết quả công tác, giải quyết những tồn tại, những ý kiến phản ánh, đề nghị của cán bộ, viên chức và đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác cho tháng tới, nội dung được công bố rộng rãi trong toàn trường.

Công tác tiếp nhận ý kiến, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo được quy định lịch, được quy định về quy trình, thời gian xử lý, trả lời cán bộ, viên chức [MC5.02.06], [MC5.02.07].

Hoạt động của bộ phận Thanh tra giáo dục, thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác thanh tra và các quy định của Nhà trường, thường xuyên báo cáo định kỳ về kết quả công tác thanh tra, kết quả xử lý các vụ việc hoặc các vấn đề nổi cộm cần giải quyết với lãnh đạo Nhà trường [MC5.02.08], [MC5.02.09].

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân tuân thủ sự lãnh đạo của Ban Chấp hành công đoàn Nhà trường, thực hiện nhiệm vụ theo luật định, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra công đoàn, Ủy ban Kiểm tra Đoàn thanh niên và ủy ban kiểm tra các đoàn thể khác, tiếp nhận ý kiến, đơn thư trực tiếp qua phòng tiếp dân hoặc qua hộp thư góp ý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng luật các vụ việc, đơn thư, tạo niềm tin đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường. Hồ sơ các vụ việc xử lý, kiểm tra, thanh tra, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy trình và được bảo quản tốt [MC5.02.10], [MC5.02.11], [MC5.02.12].

Nhìn chung mọi hoạt động của Nhà trường đều được công khai, dân chủ bàn bạc, đóng góp ý kiến của rộng rãi cán bộ, viên chức. Các vấn đề cán bộ viên chức được biết, được bàn, được kiểm tra đều được thực hiện dân chủ, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc phát huy dân chủ trong Nhà trường, thực sự đại diện và bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho người lao động và người học, Phong trào "Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm" vẫn được duy trì thường xuyên và có tác dụng tích cực, góp phần duy trì Nhà trường là đơn vị thực hiện quy chế dân chủ tốt, tình hình ổn định, trong lành, mọi hoạt động đều được đẩy mạnh theo hướng phát triển vững chắc.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Quy chế dân chủ cơ sở được triển khai và thực hiện tốt, phát huy được tinh thần làm chủ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong sự nghiệp ổn định, xây dựng và phát triển Nhà trường, mọi hoạt động đều có kế hoạch, được bàn bạc, đóng góp ý kiến của cán bộ, viên chức, công khai, minh bạch.

- Các đơn vị chức năng (Thanh tra, Thanh tra nhân dân, Ủy ban kiểm tra các đoàn thể) thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tư vấn và giúp Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trường học.

- Lãnh đạo Nhà trường thực sự quan tâm đến cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho công tác học tập, hoạt động và sinh hoạt.

## **3. Những tồn tại:**

- Hoạt động của bộ phận Thanh tra giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ (biên chế ít, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ).

- Một số cán bộ, viên chức chưa nhận thức đầy đủ về ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm, mang tư tưởng trung bình chủ nghĩa, đạt hiệu quả công tác thấp.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

- Tăng cường hiệu quả và tiếp tục thực hiện quy chế dân chủ, phát huy tinh thần làm chủ, tinh thần trách nhiệm đối với Nhà trường của cán bộ, giảng viên, nhân viên.
- Củng cố, tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra.
- Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị với cán bộ, viên chức.

### **III. Tiêu chí 5.3:**

*Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.*

#### **1. Mô tả:**

Trên con đường xây dựng và phát triển Nhà trường, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, Nhà trường đã đặc biệt quan tâm, chú trọng tới việc tạo điều kiện về mọi mặt (đặc biệt là thời gian) và xây dựng những quy định, biện pháp khuyến khích đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước [MC5.03.01]. Các hoạt động của cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước được Nhà trường quy định cụ thể, rõ ràng và quản lý, tổ chức thực hiện theo kế hoạch [MC5.03.02], [MC5.03.03].

Ngoài tạo điều kiện về thời gian, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, quy định các biện pháp hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo nâng cao ở trong nước và nước ngoài [MC5.03.04], [MC5.03.05], [MC5.03.06], [MC5.03.07] theo đó cán bộ, giảng viên tùy theo điều kiện, tính chất của bậc đào tạo, ngành đào tạo mà được hỗ trợ 50% đến 100% học phí, kinh phí, hỗ trợ tài liệu và kinh phí bảo vệ luận văn, luận án.

Tính từ thời điểm năm 2001 đến nay, Nhà trường duy trì thường xuyên công tác hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bồi dưỡng tại chỗ (ngoại ngữ, tin học mỗi năm 6 lớp/ 200 lượt người học), đào tạo cao học (200 lượt người), nghiên cứu sinh (30 lượt người), đào tạo ở nước ngoài (02 lượt người), cử đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài (80 lượt người) với hiệu quả nâng cao rõ rệt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên. 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó phòng, ban, khoa) đều tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và được cử đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài. 100% giảng viên thực hiện đầy đủ định mức giảng dạy theo quy định, thực hiện nghiên cứu khoa học và tham gia một số dự án chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục, nông nghiệp, lâm nghiệp cho địa phương và khu vực trường đóng, tham gia một số hội thảo khoa học do các tỉnh, các ngành Trung ương tổ chức, tham gia các lớp tập huấn chuyên ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ có liên quan tổ chức.

Tính đến thời điểm 30.6.2009 Nhà trường đang cử đi đào tạo cao học 90 cán bộ, giảng viên và 25 nghiên cứu sinh trong đó có 01 đào tạo ở nước ngoài.

#### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Nhà trường đã chú trọng, quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ cán bộ, giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài.
- Nhà trường đã xây dựng chủ trương, kế hoạch, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ tài chính có hiệu quả cho cán bộ, giảng viên tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **3. Những điểm tồn tại:**

- Chưa thu hút được nguồn hỗ trợ tài chính ở bên ngoài (trong nước và ngoài nước) phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên.
- Chưa quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ chất lượng, hiệu quả công tác, học tập, bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên.

#### **4. Kế hoạch hành động:**



- Tiếp tục tạo điều kiện với cơ chế mở tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ ở trong nước và nước ngoài.

- Mở rộng và tăng cường công tác hợp tác, hợp tác quốc tế, tìm kiếm nguồn hỗ trợ tài chính từ ngoài trường phục vụ các hoạt động chuyên môn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên.

#### IV. Tiêu chí 5.4:

***Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.***

##### 1. mô tả:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong công tác lãnh đạo, tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Nhà trường, quyết định đến sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, góp phần cùng Nhà trường phấn đấu ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá các tỉnh miền núi Tây Bắc.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường Đại học Tây Bắc là một tập thể có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ cao, gương mẫu, trách nhiệm và tích cực trong mọi hoạt động, hoàn thành tốt công việc được giao. Với đạo đức và tình yêu nghề, họ trưởng thành, phát triển từ đội ngũ cán bộ giảng dạy, gắn bó và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có cơ cấu hợp lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà Trường, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định, được trẻ hoá, nhằm nâng cao năng lực, chất lượng công tác tổ chức, điều hành [MC5.04.01]. Hằng năm Nhà trường tổ chức tổng kết ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên đóng góp ý kiến về năng lực và sự phù hợp với vị trí công tác đang đảm nhiệm của các cá nhân lãnh đạo để bổ sung, rút kinh nghiệm nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành [MC5.04.02].

Hiện tại Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý gồm 102 người, bao gồm:

Ban Giám hiệu: 03

Cấp phòng: 13

Cấp khoa, bộ môn trực thuộc, trung tâm: 30

Cấp bộ môn thuộc khoa: 56

Trong đó: Tiến sỹ: 08, Thạc sỹ: 90, Cử nhân: 04, Cao cấp lý luận: 07. Tỷ lệ cán bộ quản lý/ tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên là 27% (xem bảng 5.1)

#### **Bảng 5.4.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý của Trường Đại học Tây Bắc**

*(Cập nhật đến 30.6.2009 - Nguồn phòng Tổ chức Cán bộ)*

Các chỉ tiêu	Giám hiệu	Phòng	Khoa-Bộ môn -TT	Trung tâm	Bộ môn
<b>Tổng số</b>	03	13	26	04	56
<b>Giới tính</b>					
Nam	03	10	20	04	46
Nữ	00	03	06	00	10
<b>Trình độ</b>					
Tiến sỹ	01	00	07	01	00
Thạc sỹ	02	08	19	02	52
Đại học	00	02	00	00	02

<b>Khác</b>	00	00	00	00	00
<b>Tuổi</b>					
<b>Dưới 35</b>	00	01	00	01	00
<b>Từ 35 - 44</b>	01	08	26	03	56
<b>Từ 45- 54</b>	02	03	00	00	00
<b>Trên 54</b>	00	01	00	00	00
<b>Thâm niên (Năm)</b>					
<b>Dưới 10</b>	00	01	00	00	04
<b>Từ 11 - 20</b>	01	04	16	04	38
<b>Trên 20</b>	02	08	10	00	14

Đội ngũ cán bộ quản lý Nhà trường đã thực hiện tốt công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở đơn vị, làm việc có hiệu quả xây dựng đơn vị vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Nhà trường giao, xây dựng các quy định về quy chế dân chủ, tổng kết ý kiến về cán bộ quản lý thực hiện quy chế dân chủ và hiệu quả làm việc của cán bộ quản lý [MC5.04.03], [MC5.04.04].

Hàng năm Nhà trường và Đảng uỷ thực hiện đánh giá tổng kết về năng lực, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác của cán bộ quản lý [MC5.04.05], [MC5.04.06]. Với hiệu quả công tác tốt, hàng năm Nhà trường, tập thể lãnh đạo các đơn vị và cá nhân các cán bộ quản lý được các cấp tặng thưởng nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam và các tỉnh trong khu vực [MC5.04.07], [MC5.04.08], [MC5.04.09]. Không có cán bộ quản lý vi phạm các quy định về quyền hạn, trách nhiệm, không vi phạm quy chế dân chủ hoặc bị kỷ luật, khiếu nại, tố cáo.

Nhà trường đã và đang hoàn thiện một số quy định về tiêu chuẩn, chính sách, chế độ, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý Nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Nhà trường đã xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có cơ cấu tương đối hợp lý theo đúng các tiêu chuẩn quy định.

- Đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công tác đạt hiệu quả.

## **3. Những tồn tại:**

- Một số cán bộ quản lý trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong thực hiện công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Đa số chưa được đào tạo về khoa học quản lý Nhà nước.

- Số cán bộ quản lý là nữ, là người dân tộc còn ít.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn, chính sách về đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý Nhà nước, lý luận chính trị cho cán bộ quản lý.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng tạo nguồn kế cận, phát triển cán bộ quản lý là nữ và người dân tộc.

## **V. Tiêu chí 5.5:**

***Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/ giảng viên.***

**1. mô tả:**

Trường Đại học Tây Bắc có đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu gồm 290 người, trong đó có: 03 Nhà giáo ưu tú, 01 Phó Giáo sư, 08 Tiến sỹ, 162 thạc sỹ, 64 giảng viên chính, 120 cử nhân. hiện tại Nhà trường đang cử đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài 25 nghiên cứu sinh, 90 cao học (xem bảng 5.2)

**Bảng 5.5.1: cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy**  
(Cập nhật đến 30.6.2009 - nguồn phòng Tổ chức Cán bộ)

Chi tiêu	Giám hiệu	Phòng	khoa TLT	khoa NV	Khoa SH	Khoa SD	Khoa NL	Khoa TH MN	Khoa NN	Khoa KT	Khoa LL CT	Môn chung
<b>Tổng số</b>	03	13	50	28	24	22	25	20	18	11	18	27
<b>Giới tính</b>												
Nam	03	10	30	08	14	11	15	06	04	02	05	20
Nữ	00	03	20	20	10	11	10	14	14	09	13	07
<b>Trình độ</b>												
Tiến sỹ	01	00	01	01	01	01	01	01	00	00	00	01
Thạc sỹ	02	08	39	25	18	19	17	07	13	09	14	13
Đại học	00	05	10	02	05	02	07	12	05	02	04	13
Khác	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00
<b>Tuổi</b>												
Dưới 35	00	00	12	04	10	08	20	08	13	11	05	23
35 -44	01	01	22	12	08	08	05	10	05	00	10	02
45 -54	02	12	16	12	06	06	00	02	00	00	03	02
Trên 54	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00
<b>Thâm niên (Năm)</b>												
Dưới 5	00	00	10	00	06	06	10	03	04	06	06	04
5 - 10	00	02	10	06	06	04	12	10	14	05	04	04
10 - 20	01	04	20	18	08	08	03	04	00	00	06	16

Trên 20	02	07	10	04	04	04	00	03	00	00	02	03
<b>Ngạch</b>												
GVC	03	08	20	16	04	03	00	03	00	00	00	03
GV	00	03	30	12	15	19	19	17	18	11	18	24
GV-TH	00	00	00	00	05	00	06	00	00	00	00	00

Tổng số sinh viên (tính đến 30.6.2009) là 7.000 sinh viên, nếu tính cả phi chính quy là 12.000 sinh viên [MC5.5.01]. Tỷ lệ đã quy đổi là 24sv/1CBGD (40sv/1CBGD nếu tính cả phi chính quy). Nếu tính cả các giảng viên thỉnh giảng (khoảng 80 lượt người/năm) thì tỷ lệ này là 20 sv/1CBGD. Tỷ lệ này chưa đạt yêu cầu tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các bộ môn tương đối hợp lý, có năng lực và chất lượng về chuyên môn, nghiệp vụ và được trẻ hoá [MC5.5.02].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, lâu năm được sử dụng và phát huy vai trò đầu ngành, đội ngũ cán bộ giảng dạy luôn được bổ sung, trẻ hoá với đội ngũ cử nhân có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

- Cơ cấu số lượng, độ tuổi, thâm niên công tác trong các bộ môn là hợp lý và phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy.

## **3. Những tồn tại:**

- Đội ngũ cán bộ đầu ngành ở các bộ môn còn ít, thiếu.

- Khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giảng dạy còn hạn chế.

- Tỷ lệ người học/ cán bộ giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu quy định (15sv/CB).

## **4. Kế hoạch hành động:**

- đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ

- Xây dựng chiến lược, quy mô đào tạo ổn định, tiếp tục tuyển dụng cán bộ giảng dạy đảm bảo tỷ lệ người học/ cán bộ giảng dạy đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **VI. Tiêu chí 5.6:**

***Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.***

### **1. Mô tả:**

Đến thời điểm 30.6.2009, Trường Đại học Tây Bắc có đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu gồm 290 người, trong đó có: 03 Nhà giáo ưu tú, 01 Phó Giáo sư, 08 tiến sỹ, 150 thạc sỹ, 96 giảng viên chính, 132 cử nhân. Hiện tại Nhà trường đang cử đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài 25 nghiên cứu sinh, 84 cao học (xem bảng 5.2) và [MC5.06.01], [MC5.06.02]. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học là tương đối cao (50%) nhưng tỷ lệ tiến sỹ còn quá thấp (2,7%) so với chuẩn quy định, do vậy số lượng cán bộ chuyên môn đầu ngành còn ít, là một khó khăn cần phải giải quyết trong việc đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Đa số cán bộ giảng dạy biết sử dụng hoặc sử dụng thành thạo máy vi tính, các thiết bị trình chiếu và phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác giảng dạy, có khoảng 40% cán bộ giảng dạy thường xuyên sử dụng thiết bị tin học và phần mềm chuyên dụng giảng dạy cho ít nhất 30% bài giảng trong chương trình đảm nhiệm. Tuy nhiên trình độ tin học của đa số giảng viên còn thấp chỉ ở mức trình độ A,B và tin học văn phòng [MC5.06.03]. Việc sử dụng ngoại ngữ còn nhiều hạn chế, tỷ lệ giảng viên sử dụng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài thấp (7%). Hằng năm, Nhà trường đang đẩy mạnh bồi dưỡng tại chỗ tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên (mỗi năm mở 6 lớp tin học, tiếng Anh, tiếng Trung trình độ C, TOEFL, IELTS cho 200 lượt người tham gia học tập, cử đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài) [MC5.06.04].

Nhìn chung đội ngũ cán bộ giảng dạy có đủ năng lực chuyên môn đảm nhiệm nhiệm vụ đào tạo, song trình độ ngoại ngữ, tin học còn nhiều hạn chế cần nhanh chóng khắc phục đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Đội ngũ giảng viên có đủ năng lực đáp ứng nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.
- Nhà trường đã, đang thực hiện nhiều biện pháp nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

## **3. Những tồn tại:**

Trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên còn thấp, khả năng sử dụng, ứng dụng tin học, ngoại ngữ vào công tác giảng dạy còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh bằng nhiều biện pháp, hình thức đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên (bồi dưỡng tại chỗ, gửi đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo có uy tín, đào tạo ở nước ngoài...).
- Phấn đấu đến năm 2015, 2020 đạt tỷ lệ như quy định.

## **VII. tiêu chí 5.7:**

*Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.*

### **1. mô tả:**

Tính đến thời điểm 30.6.2009, bình quân thâm niên công tác chuyên môn của đội ngũ giảng viên Trường đại học Tây Bắc là 10.5 năm [MC5.07.01]. Là trường đại học đa ngành mới thành lập (3/2001) trên cơ sở trường Cao đẳng sư phạm, do đó để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, Nhà trường đã khẩn trương đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và ngành đào tạo, số lượng giảng viên tuổi dưới 35 chiếm 40%, đây là lực lượng cán bộ giảng dạy trẻ có năng lực, có trình độ chuyên môn, có trình độ tin học, ngoại ngữ đủ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và rất hăng hái, tích cực trong việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Số lượng cán bộ giảng dạy trẻ chiếm tỷ lệ cao, năng động, tích cực trong công tác, học tập, là nguồn đào tạo đội ngũ kế cận có trình độ cao.
- Nhà trường quan tâm, chủ động xây dựng và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ.

### **3. Những tồn tại:**

- Các ngành mới mở còn thiếu cán bộ giảng dạy.
- Số giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong công tác chuyên môn.

### **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục công tác tuyển dụng, đảm bảo nhân lực cho các ngành đào tạo.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy.

## **III. Tiêu chí 5.8:**

*Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.*

### **1. Mô tả:**

Đội ngũ cán bộ phục vụ công tác, giảng dạy, học tập và đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Nhà trường có 65 người bao gồm: Các chuyên viên, nhân viên làm việc tại các phòng chức năng, văn phòng

khoa, trung tâm, các cán bộ phụ trách công tác thí nghiệm, thực hành, trạm trại, các thư viện viên, trong đó có 09 thạc sỹ, 36 cử nhân, 20 cao đẳng, trung cấp và trình độ khác. Nhà trường có quy chế quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm của đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ công tác giảng dạy và học tập [MC5.08.01], [MC5.08.02].

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch mở lớp hoặc cử đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ này [MC5.08.03].

Nhìn chung đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đều có trình độ đại học, sử dụng tốt máy tính, sử dụng tốt các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hỗ trợ, giúp việc cho cán bộ quản lý, giảng viên có hiệu quả. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp, phát huy được năng lực chuyên môn, phục vụ tốt cho công tác đào tạo của Nhà trường [MC5.08.04]

**Bảng 5.8.1: Cơ cấu đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên khối hành chính và phục vụ.**

*(Cập nhật đến ngày 30.6.2009. Nguồn phòng Tổ chức Cán bộ)*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Khối phòng</b>	<b>Khoa-Trung tâm</b>	<b>Thư viện</b>
<b>Tổng số</b>	48	18	09
<b>Giới tính</b>			
Nam	28	12	02
Nữ	20	06	07
<b>Trình độ</b>			
Tiến sỹ	00	00	00
Thạc sỹ	08	00	00
Đại học	05	18	09
Khác	00	00	00
<b>Tuổi</b>			
Dưới 35	00	08	00
35 - 44	10	09	07
45 - 54	18	01	02
Trên 54	00	00	00
<b>Thâm niên</b>			
Dưới 5 năm	00	08	00
5 - 10	02	02	02
10 - 20	04	07	05
Trên 20	07	01	02

**2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Đội ngũ chuyên viên, nhân viên kỹ thuật có trình độ, năng lực, số lượng đáp ứng tương đối yêu cầu nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

- Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp, được bồi dưỡng nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt công tác quản lý, phục vụ giảng dạy, học tập.



### **3. Những tồn tại:**

- Nhân viên kỹ thuật ở lĩnh vực quản lý các phương tiện thí nghiệm hiện đại còn thiếu và hạn chế về năng lực sử dụng.

- Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên còn hạn chế về sử dụng ngoại ngữ.

### **4. Kế hoạch hành động:**

- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên.

- Xây dựng quy chế quy định chuẩn về định mức lao động, trình độ cho chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên trong từng lĩnh vực công tác.

### **KẾT LUẬN:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường đại học Tây Bắc so với các tiêu chí quy định, đa số đạt ở mức độ khá trở lên. Nhà trường thực hiện khá tốt các yêu cầu, quy định của Nhà nước về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, đáp ứng tương đối đủ nhu cầu về nhân lực có trình độ cao phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường. Tuy nhiên còn một số tiêu chí đạt mức độ thấp, chưa đầy đủ minh chứng, do đó trong thời gian tới cần củng cố, hoàn thiện và lưu trữ đầy đủ các minh chứng, giúp cho công tác đảm bảo chất lượng đạt kết quả tốt hơn

### **TIÊU CHUẨN 6**

#### **NGƯỜI HỌC**

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, Trường Đại học Tây Bắc luôn xác định "người học" là trung tâm, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo các điều kiện thuận lợi để người học yên tâm học tập, rèn luyện, tu dưỡng để đạt được kết quả xứng đáng.

Người học được hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, được tạo điều kiện thuận lợi để học tập chính khoá, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao ngoại khoá, được giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định.

#### **I. Tiêu chí 6.1:**

*Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

##### **1. Mô tả:**

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm Nhà trường đã tổ chức phổ biến đến sinh viên các chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo và các quy định, yêu cầu kiểm tra, đánh giá: Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT [MC6.01.01].

Phổ biến khung chương trình đào tạo do Nhà trường ban hành theo từng ngành đến sinh viên từ đầu khoá học nhằm giúp sinh viên chủ động nắm bắt yêu cầu của chương trình đào tạo, có kế hoạch cá nhân phù hợp để tham gia thực hiện chương trình một cách hiệu quả [MC3.01.02]

Phổ biến đến sinh viên các văn bản cụ thể hoá, hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC6.01.03]; Kế hoạch thời gian đào tạo của từng khoá, ngành đào tạo do Nhà trường ban hành [MC3.01.04].

Các hình thức phổ biến: thông qua việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên" từng năm học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC6.01.04], thông qua Hội nghị giảng viên chủ nhiệm, Hội nghị cán bộ các lớp sinh viên, sinh hoạt lớp thường kỳ [MC6.01.05]: đảm bảo góp phần giúp sinh viên nhận thức rõ mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá; giúp sinh viên nắm bắt được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội mang tính thời sự của đất nước, địa phương.

Tổ chức Hội nghị giáo viên chủ nhiệm, Hội nghị cán bộ các lớp sinh viên để hướng dẫn sinh viên nội dung, cách đánh giá kết quả rèn luyện, quy định về mức, khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế đào tạo, giải đáp những thắc mắc của sinh viên những vấn đề liên quan đến công tác đào tạo, giao nhiệm vụ cho cán bộ lớp giải đáp thắc mắc cho sinh viên [MC6.01.06].

Tổ chức gặp mặt, đối thoại với đại diện sinh viên, lắng ý kiến phản ánh của cán bộ, giảng viên để nắm bắt được tình hình, mức độ nhận thức của sinh viên về chương trình đào tạo, mục tiêu và quy chế đào tạo, thống kê tỷ lệ sinh viên nắm bắt được mục tiêu [MC6.01.07].

Cập nhật và phổ biến cho sinh viên các văn bản, quy định của Nhà nước, của ngành đến sinh viên thông qua các hình thức khác như: thông báo trên bảng tin sinh viên, bảng tin Nhà trường, bảng tin của các Khoa, thông qua sự hướng dẫn của đội ngũ trợ lý khoa [MC6.01.08].

Kết quả khảo sát đối với sinh viên cho thấy hơn 60% sinh viên nắm bắt được các văn bản, quy định, hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo [MC6.01.09].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Nhà trường đã quan tâm phổ biến đến sinh viên những văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo với nhiều hình thức đảm bảo đa số sinh viên có hiểu biết cơ bản nhằm chấp hành nghiêm túc các quy định về đào tạo.

Cập nhật, phổ biến các văn bản mới của Nhà nước, của ngành đến sinh viên một cách chủ động, thường xuyên.

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa có trách nhiệm cao, quan tâm sâu sát đến sinh viên, tạo điều kiện giúp sinh viên tìm hiểu, nhận thức rõ các quy định về đào tạo.

## **3. Những tồn tại:**

Hình thức phổ biến chưa thật rộng rãi đến tất cả các đối tượng, một số quy định phổ biến thông qua Hội nghị cán bộ lớp, vì vậy khi cán bộ lớp chưa thật sự có trách nhiệm thì thông tin cho sinh viên sẽ không kịp thời.

Chưa chú ý phổ biến văn bản thông qua Website của Trường, chưa thu hút được sự quan tâm của người học trong việc tự tìm hiểu các quy định, các văn bản.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Đưa các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo lên Website nhà trường và khuyến khích sinh viên truy cập.

Tăng cường trách nhiệm của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, của trợ lý các khoa và đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ Hội sinh viên trong việc tìm hiểu, phổ biến các văn bản, quy định về mục tiêu, chương trình đào tạo đến sinh viên.

Tạo điều kiện để sinh viên tự nghiên cứu, tìm hiểu và nắm vững quy chế đào tạo, coi đây là quyền lợi của chính sinh viên nhằm tự mình thực hiện đúng chương trình và tiến độ đào tạo.

Xây dựng và phát hành sổ tay học vụ cho sinh viên trong đó cụ thể hoá các văn bản quy định của Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường để sinh viên nghiên cứu, nắm bắt.

## **II. Tiêu chí 6.2:**

*Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.*

### **1. Mô tả:**

Đầu khoá học Nhà trường đã phổ biến đến sinh viên các văn bản quy định về chế độ chính sách của Nhà nước đối với người học: Chế độ, chính sách trợ cấp xã hội, theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-

BTC-BLĐTĐ&XH ngày 25/08/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên các trường đào tạo công lập; công văn số 9025/CTCT ngày 19/10/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chế độ học bổng mới; Thông tư liên tịch số 09/2000/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 11/4/2000; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập; văn bản về chế độ học bổng khuyến khích ban hành theo Quyết định số 44/QĐ/2007/BGDĐT ngày 15/08/2007; chế độ học bổng chính sách theo Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/08/2007 về học bổng chính sách đối với học sinh sinh viên học tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chế độ miễn giảm học phí theo Thông tư số 54/1998/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 31/8/1998 [MC 6.02.01], văn bản quy định về công tác y tế trường học, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể.

Cập nhật các văn bản, quy định mới để phổ biến đến sinh viên, ban hành thông báo, hướng dẫn sinh viên thực hiện hồ sơ và các thủ tục cần thiết để được xét hưởng các chế độ chính sách [MC6.02.02].

Giao trách nhiệm cho phòng Công tác chính trị là phòng chức năng chịu trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện chế độ chính sách xã hội liên quan đến sinh viên [MC2.02.03].

Hằng năm thành lập các hội đồng xét, duyệt và trợ cấp xã hội, học bổng, miễn, giảm học phí cho sinh viên, triển khai quy trình xét duyệt từ cấp cơ sở trình Hội đồng, Hội đồng tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quyết định và công khai danh sách sinh viên hưởng chế độ chính sách trợ cấp xã hội, sinh viên hưởng học bổng khuyến khích, miễn, giảm học phí đến các đơn vị trực thuộc liên quan, thông báo trên bảng tin Nhà trường, thông báo đến sinh viên các lớp [MC6.02.04].

Sau khi ban hành Quyết định trợ cấp xã hội, học bổng, miễn, giảm học phí, phòng Tài vụ căn cứ quyết định tổ chức cấp phát, miễn giảm cho sinh viên đảm bảo theo quy định của luật ngân sách Nhà nước.

Triển khai thực hiện các quy định về chăm sóc sức khoẻ cho người học, xây dựng kế hoạch và báo cáo về công tác y tế hằng năm, triển khai vận động sinh viên tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm thân thể, phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm cho người học theo quy định của Nhà nước [MC6.02.05].

Cử người phụ trách và phân công nhiệm vụ triển khai công tác văn hoá, văn nghệ, thể thao, ngoại khoá trong Nhà trường, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao theo kế hoạch, gắn với các ngày lễ lớn nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động tập thể, nâng cao tinh thần trách nhiệm, rèn luyện được những kỹ năng cơ bản, thông qua những hoạt động, tạo môi trường rèn luyện lành mạnh, thu hút đông đảo sinh viên tham gia, xây dựng phong trào thi đua sôi nổi trong Nhà trường, cuối các năm học có tổng kết, đánh giá kết quả các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, công bố các giải thưởng trong năm và báo cáo cấp trên [MC6.02.06].

Từ năm 2008, thực hiện quy định của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sơn La, Đảng uỷ Trường Đại học Tây Bắc thường xuyên báo cáo về hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ [MC6.02.07].

Xây dựng các chương trình văn hoá, văn nghệ, thể thao, chương trình ngoại khoá chuyên môn bổ ích đáp ứng cơ bản nhu cầu về đời sống tinh thần của người học. Các chương trình văn hoá, văn nghệ, thể thao theo từng chủ đề gắn với việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, quốc gia, địa phương và của ngành, phục vụ, hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn của các đơn vị đào tạo.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ được tổ chức từ cấp cơ sở đến cấp trường như: hội thi tiếng hát sinh viên được tổ chức từ cấp Khoa đến cấp Trường, hội thi "Rung chuông vàng", hội thi "Bí thư chi

đoàn giới" được tổ chức từ cấp Liên chi đoàn, hội thi "Nữ sinh thanh lịch" của Đoàn trường, "Ga la tiếng hát sinh viên" nhân kỷ niệm ngày sinh viên Việt Nam...[MC6.02.08].

Các hoạt động thể dục, thể thao ngoại khoá được tổ chức thường xuyên, triển khai thi đấu từ cấp Khoa, Phòng đến cấp Trường [MC6.02.09]. Sau khi kết thúc từng năm học có thống kê, tổng hợp số liệu về hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao [MC6.02.10], [MC6.02.11].

Ban hành các quyết định thành lập Ban bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường, thành lập đội cờ đỏ sinh viên, quy định chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, xây dựng kế hoạch hành động nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường. Tổ chức các Hội nghị về công tác an ninh, tổ chức Hội nghị giao ban về công tác sinh viên trong đó có sự tham gia của chính quyền và ban ngành chức năng của địa phương phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh trật tự [MC6.02.12].

Tổ chức lấy ý kiến, nghe người học phản ánh về tình hình thực hiện chế độ chính sách, tác dụng của các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, về hiệu quả của các biện pháp an ninh mà Nhà trường đã thực hiện, tiếp thu ý kiến phản ánh và có biện pháp khắc phục [MC6.02.13].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo công khai, dân chủ, đảm bảo thực hiện đúng quy trình tổ chức và thực hiện. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao đã trở thành phong trào nổi bật trong Nhà trường, được thực hiện theo kế hoạch và có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Có mối quan hệ mật thiết và phối hợp chặt chẽ với chính quyền và cơ quan chức năng của địa phương để triển khai công tác an ninh trật tự, an toàn trong khuôn viên Nhà trường, nơi cư trú của sinh viên.

## **3. Những tồn tại:**

Việc giải quyết chế độ, chính sách đôi khi còn chậm so với yêu cầu, một số chế độ, chính sách chưa cụ thể hoá để phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, một số quy định chưa được xây dựng thành văn bản pháp quy để chỉ đạo thực hiện (quy định về trách nhiệm và báo cáo của đội ngũ bảo vệ trong trường).

## **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục nghiên cứu để xây dựng những quy định rõ hơn nhiệm vụ, trách nhiệm của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm trong công tác quản lý sinh viên. Tăng cường hơn nữa vai trò của đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ đoàn trong việc vận động sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao và hoạt động ngoại khoá hỗ trợ chuyên môn trong nhà trường. Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên gắn với các nội dung hoạt động của nhà trường, phản ánh đúng ý thức tham gia của sinh viên.

## **III. Tiêu chí 6.3:**

*Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.*

### **1. Mô tả:**

Các văn bản về quy chế rèn luyện đối với người học được phổ biến đến sinh viên: Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 42/2002/QĐ-BGDĐT; Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT thay thế Quyết định số 42/2002/QĐ-BGDĐT; Quy định về nội dung giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT; Cụ thể hoá khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên kèm theo Quyết định số 344/QĐ-QLSV ngày tháng năm 2007, cụ thể hoá và ban hành phiếu đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên của nhà trường [MC6.03.01].

Tổ chức phổ biến quy chế đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên ngay từ đầu khoá học thông

qua tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên", theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [MC6.03.02] thông qua hội nghị giáo viên chủ nhiệm, hội nghị cán bộ lớp sinh viên, sinh hoạt lớp thường kỳ [MC6.03.03].

Phát hành đến từng sinh viên Quy chế rèn luyện đối với người học ngay từ đầu khoá, để người học nghiên cứu nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc [MC6.03.04].

Đảm bảo xây dựng hệ thống thư viện, phòng đọc, có các tài liệu, báo chí để người học tiếp cận, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, phục vụ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho sinh viên, cập nhật và phát hành thông tin, tài liệu, mang tính thời sự trong nước và quốc tế nhằm định hướng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học, số lượng báo chí đa dạng với nhiều ấn phẩm, loại hình khác nhau [MC6.03.05].

Tổ chức phân công cán bộ thư viện trực ngoài giờ tại phòng đọc nhằm tạo điều kiện để người học có thể tranh thủ thời gian nghiên cứu thêm tài liệu trong các ngày nghỉ [MC6.03.06]

Xây dựng kế hoạch giao ban công tác học sinh sinh viên trong mỗi học kỳ, có báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá cụ thể về kết quả triển khai công tác học sinh, sinh viên theo kỳ học, năm học, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết, báo cáo các cấp có thẩm quyền về công tác học sinh, sinh viên [MC6.03.07].

Tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đến học sinh sinh viên thông qua "Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên" đầu năm học, khoá học [MC6.01.08], thông qua phát thanh tuyên truyền, thông qua bảng tin sinh viên, bảng tin nhà trường, thông qua hội nghị cán bộ lớp, mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, thông qua sinh hoạt lớp thường kỳ; Tổ chức các cuộc thi cán bộ đoàn giỏi, các cuộc thi do Ban chỉ đạo cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" phát động [MC6.03.09].

Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống ma tuý, ban hành Quy chế hoạt động và xây dựng kế hoạch triển khai công tác phòng, chống ma tuý gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học, chỉ đạo chặt chẽ và kiên quyết công tác phòng, chống ma tuý trong Nhà trường, báo cáo sơ kết và tổng kết công tác phòng, chống ma tuý theo quy định của địa phương [MC6.03.10].

Chú trọng giáo dục cho học sinh sinh viên nâng cao nhận thức về tác hại của ma tuý, các biện pháp phòng, chống ma tuý thông qua các hội thảo, các diễn đàn công tác xã hội, thông qua các chương trình tập huấn cán bộ lớp, cán bộ đoàn, cán bộ hội, tổ chức và tham gia các cuộc thi tìm hiểu luật và tìm hiểu về công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tệ nạn ma tuý [MC6.03.11].

Phối hợp với các cơ quan ban ngành tại địa phương và trung ương tham gia các hoạt động nhân tháng cao điểm phòng, chống ma tuý (tháng 6 hằng năm), tháng cao điểm phòng, chống HIV/AIDS (tháng 12 hằng năm), gắn hoạt động phòng, chống ma tuý, HIV/AIDS với việc phòng, chống tội phạm trong nhà trường nhằm góp phần nâng cao ý thức cảnh giác trong học sinh sinh viên. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, nhà trường và đội cờ đỏ tự quản của sinh viên trong công tác ngăn ngừa vi phạm quy chế, ngăn ngừa tội phạm trong nhà trường. Phổ biến, tổ chức ký kết giao ước thi đua xây dựng trường học không có ma tuý, tích cực chống các biểu hiện tiêu cực trong thi cử, trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, định hướng xây dựng nếp sống, lối sống văn minh, ứng xử văn hoá trong nhà trường [MC6.03.12].

Tổng hợp, thống kê và báo cáo số liệu kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên sau mỗi năm học [MC6.03.13].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Cập nhật và phổ biến, quán triệt đến sinh viên các văn bản, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước, Bộ ngành liên quan đến sinh viên; đa số sinh viên nắm bắt được những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Các hình thức quán triệt, phổ biến phong phú, đa dạng, được thực hiện thường xuyên.

Sơ kết, tổng kết định kỳ về công tác sinh viên được thực hiện nghiêm túc.

Các hoạt động phòng, chống ma túy, tệ nạn xã hội, tội phạm được quan tâm thường xuyên, được tăng cường vào các thời gian cao điểm trong năm học.

### **3. Những tồn tại:**

Chưa có biện pháp hiệu quả trong việc khuyến khích người học tự tìm hiểu về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Hiệu quả của công tác phòng, chống ma túy, phòng, chống tội phạm chưa thực sự đáp ứng yêu cầu xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thực sự lành mạnh.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tiếp tục cải tiến cách thức, biện pháp tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước đến người học đảm bảo hiệu quả thiết thực để sinh viên có hiểu biết, được cập nhật thông tin và có ý thức tham gia thực hiện.

Cải tiến nội dung đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, mở rộng hơn các tiêu chí đánh giá để đảm bảo tính toàn diện và khách quan trong đánh giá.

Phối hợp với địa phương xây dựng quy định cụ thể về nội quy, nề nếp sinh hoạt, về tiêu chuẩn đạo đức, lối sống, phong cách ứng xử của sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường, ở nơi cư trú.

## **IV. Tiêu chí 6.4:**

*Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.*

### **1. Mô tả:**

Trong hệ thống cơ cấu tổ chức của Nhà trường có tổ chức chuyên trách công tác Đoàn: Văn phòng Đoàn trường. Trước năm 2006 có một biên chế chuyên trách, từ năm học 2006 - 2007 có 2 biên chế; năm học 2008 - 2009 có 3 biên chế chuyên trách công tác Đoàn. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ Nhà trường và là tổ chức Đoàn cơ sở trực thuộc Tỉnh đoàn Sơn La [MC6.04.01].

Đoàn trường căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và nhiệm vụ tổ chức đoàn cấp trên giao để xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học, trình Ban chấp hành đảng uỷ phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện. Nhà trường duyệt hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động chủ điểm của tổ chức Đoàn Thanh niên [MC6.04.02].

Đoàn trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Đoàn, tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ. Hệ thống tổ chức đoàn được xây dựng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của Nhà trường gồm: Các Liên chi đoàn sinh viên tổ chức theo Khoa, trong đó có các Chi đoàn sinh viên trực thuộc. Các Chi đoàn khối cán bộ, giảng viên trực thuộc Đoàn trường. Liên chi đoàn sinh viên đồng thời đặt dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng cùng cấp, có kế hoạch triển khai hoạt động theo năm học; triển khai các phong trào thi đua học tập tốt, rèn luyện tốt; phục vụ, hỗ trợ cho toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện của người học [MC6.04.03].

Hội sinh viên Nhà trường đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban chấp hành Đảng bộ Nhà trường và trực thuộc Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Có thành viên ban Thư ký Hội là uỷ viên Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Hội sinh viên không có biên chế chuyên trách, tổ chức hiệp thương đại hội theo nhiệm kỳ. Hội sinh viên xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động, triển khai các phong trào thi đua trong Nhà trường theo quy định của Điều lệ Hội; vận động học sinh sinh viên trong Nhà trường tham gia các hoạt động giáo dục và đào tạo, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế, tổ chức triển khai thực hiện nếp sống, lối sống lành mạnh, phát huy sáng kiến kinh nghiệm để học tập và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao [MC6.04.04].

Căn cứ kế hoạch hoạt động năm học của tổ chức Đoàn, Hội sinh viên, Nhà trường phân bổ kinh phí để tổ chức các hoạt động. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên sử dụng kinh phí được phân bổ phục vụ mục tiêu, tổ chức hoạt động nhằm giáo dục đoàn viên, sinh viên đáp ứng nhu cầu đào tạo [MC6.04.05].

Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành quy chế làm việc trong đó quy định về mối quan hệ, chế độ làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ với Hiệu trưởng trong công tác lãnh đạo, quản lý toàn bộ hoạt động giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường, ban hành Chương trình hành động của đảng bộ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (khoá X) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo đối với công tác Thanh niên; trong đó giao trách nhiệm cho các Ủy viên Ban Chấp hành trong tổ chức, chỉ đạo phong trào Đoàn cơ sở từ cấp Chi đoàn - Liên chi đoàn sinh viên, giao trách nhiệm cho tập thể Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hoạt động Đoàn trường phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, phê duyệt chủ trương tham gia triển khai thực hiện nhiệm vụ đoàn cấp trên và nhiệm vụ chính trị - xã hội do địa phương giao [MC6.04.06].

Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của đảng bộ, đáp ứng yêu cầu trực tiếp của công tác phát triển đảng hàng năm, Đảng uỷ xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ giáo dục lý luận, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các lớp bồi dưỡng lý luận nhằm tuyên truyền, giác ngộ sinh viên nhận thức về Đảng. Chương trình bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Ban Tuyên giáo trung ương và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sơn La [MC6.04.07].

Tổng hợp, thống kê số liệu, danh sách người học tham gia lớp cảm tình Đảng từ năm 2005 đến 2009 [MC6.04.08]:

- Năm 2006: 270
- Năm 2007: 327
- Năm 2008: 330
- Năm 2009 (6 tháng đầu năm ): 199

Kết quả phỏng vấn người học nhận thức về phong trào Đoàn, Hội và tác dụng, hiệu quả của phong trào trong Nhà trường (Bí thư Liên chi, Bí thư Chi đoàn, Đoàn viên - sinh viên) [MC6.04.09].

Kết quả phỏng vấn người học nhận thức về tổ chức Đảng, về trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng [MC6.04.10].

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Tổ chức Đoàn, Hội sinh viên xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ, theo yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường. Phong trào Đoàn, Hội đã góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua sôi nổi trong Nhà trường, tạo môi trường học tập và rèn luyện lành mạnh.

Công tác lãnh đạo của cấp uỷ, sự phối hợp đồng bộ của các đơn vị chính quyền đối với hoạt động của Đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi để người học phấn đấu, trau dồi nhận thức, đạo đức, tác phong trong học tập, rèn luyện, động viên, khuyến khích người học phấn đấu vươn lên, có ý thức tham gia xây dựng Đảng.

Đảng bộ quan tâm bồi dưỡng, giác ngộ nâng cao nhận thức về Đảng, khuyến khích, vận động tích cực người học tham gia xây dựng Đảng.

## **3. Những tồn tại:**

Phong trào hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh đối với đoàn viên, sinh viên.

Hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, giác ngộ người học tham gia xây dựng Đảng chưa cao so với yêu cầu thực tế, chưa đảm bảo chiều sâu về nhận thức.

Các hình thức bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng, về chính trị - xã hội chưa phong phú, chưa

sát với điều kiện cụ thể của Nhà trường.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

Cải tiến hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong Nhà trường theo hướng quan tâm chú trọng giáo dục người học về ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cộng đồng, thái độ chấp hành quy chế, nề nếp.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng đáp ứng nhu cầu tham gia xây dựng Đảng của người học, vừa tăng số lớp, số học viên tham gia đồng thời đảm bảo chất lượng, hiệu quả về mặt nhận thức, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút người học phấn đấu vào Đảng.

#### **V. Tiêu chí 6.5:**

*Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.*

##### **1. Mô tả:**

Tại cơ sở 2 của Nhà trường (Thuận Châu) có sân khấu, hội trường là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, có sân chơi, khu hoạt động thể dục thể thao cho người học trong khuôn viên trường. Tại cơ sở mới ở Sơn La, toàn bộ cơ sở vật chất dành cho hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao trong khuôn viên Nhà trường đang được xây dựng theo quy hoạch của dự án xây dựng trường [MC6.05.01], [MC6.05.02].

Công tác hỗ trợ tìm kiếm nơi ở cho người học được nhà trường chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, phối hợp với chính quyền địa phương triển khai trong kế hoạch hoạt động tình nguyện chủ điểm đầu năm học, khoá học. Người học được giới thiệu, giúp đỡ để tìm chỗ ở cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh [MC6.05.03], [MC6.05.04].

Hệ thống các dịch vụ phục vụ ăn uống, sinh hoạt chưa được tổ chức.

Tuyên truyền, phổ biến và triển khai các hoạt động tín dụng cho sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi, thực hiện các thủ tục cấp giấy xác nhận cho sinh viên để gia đình sinh viên làm thủ tục, chứng từ vay vốn ưu đãi phục vụ học tập [MC6.05.05].

Có chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khoá cho sinh viên từ cấp khoa trở lên, nội dung ngoại khoá gắn với nội dung chuyên môn của từng ngành, có tác dụng thiết thực hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường có hỗ trợ kinh phí theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Xây dựng chương trình đảm bảo nội dung chính khoá, ngoại khoá hài hoà, tổ chức cho sinh viên ngoại khoá ở các địa bàn ngoài trường nhằm mở rộng và đa dạng hình thức học tập và rèn luyện cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên học hỏi, tiếp cận nhiều kinh nghiệm, nắm bắt được cơ hội.

##### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Đã quan tâm thúc đẩy việc xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, tổ chức các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ chuyên môn, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và rèn luyện của sinh viên.

##### **3. Những tồn tại:**

Dự án xây dựng trường chưa hoàn thiện, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động

Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao còn thiếu và chưa đảm bảo chất lượng.

Chưa có các dịch vụ hỗ trợ người học.

##### **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục thúc đẩy dự án xây dựng Trường, hoàn thiện cơ sở vật chất tại cơ sở Thành phố Sơn La, đảm bảo có đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện để sinh viên hoạt động.

Đẩy mạnh hoạt động tình nguyện của sinh viên, Đoàn Thanh niên, hỗ trợ sinh viên tìm chỗ ở.



Thành lập các câu lạc bộ để thu hút sinh viên tham gia các hoạt động lành mạnh.

## **VI. Tiêu chí 6.6:**

*Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.*

### **1. Mô tả:**

Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm cho sinh viên bằng nhiều hình thức: phổ biến các văn bản, quy định về giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh sinh viên, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục phòng, chống tội phạm [MC6.06.01].

Phổ biến nội quy, quy chế của nhà trường, quy định của các tổ chức đoàn thể [MC6.06.02].

Hình thức tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục: thông qua "Tuần sinh hoạt công dân Học sinh sinh viên" [MC6.01.03]; thông qua Hội nghị công tác chủ nhiệm; thông qua sinh hoạt lớp thường kỳ [MC6.01.04]. Tuyên truyền thông qua bảng tin của Nhà trường, Đoàn, Hội [MC6.06.05].

Người học được hướng dẫn, giới thiệu những kiến thức cơ bản về pháp luật, giáo dục ý thức tự tìm hiểu pháp luật thông qua các hội thảo, các hội nghị, các chương trình ngoại khoá [MC 6.06.06], đảm bảo đa số sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, tỷ lệ sinh viên vi phạm pháp luật ít.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức học tập và thi để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho sinh viên có nhu cầu [MC6.06.07]

Triển khai tập huấn cho cán bộ lớp, cán bộ đoàn về luật phòng chống ma túy, phòng chống HIV/AIDS nhân tháng cao điểm phòng, chống ma túy, HIV/AIDS hàng năm [MC6.06.08], [MC6.06.09].

Phát động phong trào tìm hiểu pháp luật trong học sinh sinh viên, lồng ghép nội dung tìm hiểu pháp luật với các chương trình hoạt động chủ điểm của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Nhà trường chú trọng cập nhật, phổ biến các nội dung giáo dục liên qua trực tiếp đến sinh viên thông qua hình thức đa dạng, phong phú.

Tỷ lệ sinh viên vi phạm các quy định của pháp luật ít.

### **3. Những tồn tại:**

Việc cụ thể hoá nội dung chương trình tuyên truyền, giáo dục lối sống, tinh thần trách nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường chưa rõ; chưa xây dựng thành văn bản, kế hoạch, chương trình tuyên truyền gắn với từng thời điểm cụ thể.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa sâu, rộng.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên hướng trọng tâm vào các nội dung ban hành theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo tại Quyết định số 05/2007/QĐ-BGDĐT ngày 29/08/2007.

Cải tiến công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước theo tinh thần khuyến khích, định hướng cho sinh viên tự nghiên cứu, tự tìm hiểu để nâng cao nhận thức, hiểu biết để phục vụ nhiệm vụ học tập và rèn luyện của chính bản thân sinh viên.

Cần phải đánh giá kết quả sau mỗi năm học.

## **VII. Tiêu chí 6.7:**

*Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.*

### **1. Mô tả:**

Triển khai phổ biến quy định, văn bản của Bộ, ngành về công tác tư vấn việc làm; cử người phụ trách công tác tư vấn hướng nghiệp cho người học: giao phòng Công tác Chính trị và Ban Chấp hành Đoàn trường chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp [MC6.07.01].

Cán bộ tư vấn hướng nghiệp chủ động tham mưu cho Ban lãnh đạo nhà trường xây dựng chương trình hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên, liên hệ với các cơ quan, ban, ngành địa phương để phối hợp triển khai công tác tư vấn [MC6.07.02].

Nghiên cứu, tham mưu để xây dựng chương trình, mở ngành đào tạo mới theo chủ đề: "Đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu xã hội". Tư vấn cho sinh viên về kỹ năng nghề nghiệp đang được đào tạo thông qua chương trình học tập chính khoá, thông qua thực tập nghề nghiệp và hoạt động nghiệp vụ.

Thông báo đến sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp nhu cầu tuyển dụng cán bộ của các cơ quan, ban, ngành địa phương [MC6.07.03].

Có chương trình tư vấn, giúp đỡ người học có hoàn cảnh khó khăn tìm kiếm việc làm [MC6.07.04].

Phối hợp với địa phương tổ chức Hội chợ việc làm sinh viên [MC6.07.05].

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Công tác tư vấn, hướng nghiệp được quan tâm chỉ đạo từ cấp uỷ và ban lãnh đạo nhà trường trên quan điểm đảm bảo "chất lượng đào tạo theo nhu cầu xã hội".

Công tác tư vấn, hướng nghiệp được triển khai trong nhà trường thông qua các hoạt động cụ thể, thiết thực đối với sinh viên, góp phần giúp sinh viên am hiểu thực tế về ngành nghề đang theo học.

### **3. Những tồn tại:**

Chưa thành lập đơn vị tư vấn hướng nghiệp và quy chế hoạt động, phối hợp theo quy định ban hành tại Quyết định số 68/2008/QĐ-BGDĐT ngày 09/12/2008.

Các hoạt động tư vấn việc làm triển khai chưa đảm bảo sâu rộng tới tất cả các ngành đào tạo; kế hoạch, chương trình chưa được cụ thể hoá.

Phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động để nắm bắt các thông tin, học hỏi kỹ năng nghề nghiệp chưa thường xuyên.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Các đơn vị chức năng nghiên cứu kỹ Quyết định số 68/2008/QĐ-BGDĐT tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường triển khai thành lập Hội đồng hướng nghiệp, tư vấn việc làm theo đúng quy định, xây dựng các quy định về nhiệm vụ và cơ chế phối hợp hoạt động.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết hướng dẫn công tác tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên gắn với nhiệm vụ năm học, gắn với các ngành đào tạo cụ thể. Liên hệ với các đơn vị, cơ quan sử dụng lao động để nắm bắt về nhu cầu nguồn nhân lực triển khai các hoạt động tư vấn.

Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng ứng xử, giao tiếp cho người học góp phần giúp đỡ người học trang bị hiểu biết cơ bản để thực hiện các chương trình phỏng vấn tìm kiếm việc làm.

## **VIII. Tiêu chí 6.8:**

***Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.***

### **1. Mô tả:**

Nhà trường đã triển khai khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm thông qua các cựu sinh viên, thông qua các cơ quan sử dụng lao động thuộc 29 tỉnh thành có sinh viên đào tạo tại trường nhưng chưa có kết quả cụ thể.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

3. Những tồn tại:

4. Kế hoạch hành động:

Cần có chủ trương và sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu về việc khảo sát tình hình sinh viên ra trường có việc làm phù hợp.

Nhà trường nên có các biện pháp cụ thể đề nghị với các tỉnh thành, địa phương có liên quan phối hợp trong việc triển khai khảo sát nguồn nhân lực, khảo sát số lượng sinh viên học tại trường đại học có việc làm theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các đơn vị chức năng cần tập trung nghiên cứu và tham mưu về cách thức, biện pháp để khảo sát, tìm hiểu về số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường xin được việc làm phù hợp thông qua nhiều kênh khác nhau.

Có kế hoạch tổ chức quán triệt về sự phối hợp, hợp tác của các sinh viên trước khi ra trường (ví dụ: quán triệt đối với sinh viên cuối khoá, thành lập ban liên lạc sinh viên các địa phương hoặc các khoá, cung cấp mẫu thông báo có việc làm đối với sinh viên cuối khoá kèm phong bì đã dán tem ghi địa chỉ của nhà trường để sinh viên chủ động gửi về trường khi đã có việc làm).

#### **IX. Tiêu chí 6.9:**

*Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.*

**1. mô tả:** (chưa triển khai)

**2. Đánh giá điểm mạnh:**

**3. Những tồn tại:**

**4. Kế hoạch hành động:**

Nhà trường cần có chủ trương chỉ đạo bằng văn bản triển khai đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua kênh thông tin từ phía người học.

Phân công cụ thể bộ phận trực tiếp triển khai việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên,

Có kế hoạch và bước đi hợp lý trong công tác thu thập thông tin phản ánh từ phía người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên đảm bảo chính xác, khách quan, vô tư.

#### **KẾT LUẬN**

Đây là mảng công tác được nhà trường đặc biệt quan tâm, các sinh viên khi vào trường được cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác. Khoa, bộ môn và giảng viên chịu trách nhiệm hướng dẫn để sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt Quy chế đào tạo. Trường có phòng Công tác chính trị và sinh viên để chăm lo và đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khoẻ, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo an toàn trong trường học, tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, triển khai các công tác Đảng, Đoàn thể đối với người học: có nhiều sinh viên được kết nạp vào Đảng trong quá trình học tập ở trường. Người học chấp hành tốt các quy chế, quy định trong nhà trường, hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt. Sinh viên trường có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và cố gắng vươn lên trong học tập.

#### **TIÊU CHUẨN 7**

#### **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Trong những năm gần đây, đặc biệt kể từ khi được nâng cấp thành trường đại học, hoạt động khoa học công nghệ đã có những bước phát triển đáng khích lệ góp phần vào việc nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, cán bộ; tăng cường năng lực nghiên cứu. Các nghiên cứu đã tập trung giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục của nhà trường và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hoạt động khoa học công nghệ đã góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị xã hội và nhiệm vụ khoa học của nhà trường.

### **I. Tiêu chí 7.1:**

***Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.***

#### **1. Mô tả:**

Căn cứ vào tuyên ngôn sứ mạng mục tiêu phát triển của Trường Đại học Tây Bắc đến năm 2020, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ dài hạn và trung hạn (MC7.01.01) nhằm giải quyết đòi hỏi của thực tiễn giáo dục và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Kế hoạch hoạt động KHCN được xây dựng trên quy trình:

- Căn cứ vào sứ mạng và định hướng chiến lược phát triển của nhà trường (MC7.01.02), vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học Công nghệ - Môi trường (MC7.01.03) và tình hình thực tiễn của nhà trường, Phòng QLKH&QHQT nghiên cứu đề xuất các kế hoạch hoạt động KHCN dài hạn và ngắn hạn. Kế hoạch hoạt động được tổ chức đóng góp ý kiến của cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường để trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Triển khai phân bổ kinh phí hoạt động KHCN cho các đơn vị trên cơ sở định suất KHCN theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trên cơ sở kế hoạch đã được phê duyệt (MC7.01.04) và định suất KHCN giao cho các đơn vị, phòng QLKH&QHQT chủ động triển khai thực hiện kế hoạch: cụ thể hoá các kế hoạch bằng các văn bản chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn cán bộ giảng viên đăng ký nhiệm vụ khoa học các cấp, triển khai tuyển chọn, ký hợp đồng và giám sát quá trình thực hiện, nghiệm thu đánh giá các nhiệm vụ KHCN theo kế hoạch đã đăng ký.

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch hoạt động KH&CN trên cơ sở quán triệt các văn bản của Nhà nước và của ngành. Đã xây dựng được hệ thống các văn bản hướng dẫn và triển khai kế hoạch hoạt động KHCN khá rõ ràng, phù hợp với thực tiễn của Trường Đại học Tây Bắc. Trong đó các văn bản của nhà trường đã quy định rõ:

- Quy trình thực hiện NCKH (MC7.01.05).

- Tiêu chuẩn xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH, giáo trình, dự án, ngân hàng dữ liệu đề thi,... (MC7.01.06).

- Quy định định mức KHCN đối với giảng viên, kế hoạch thời gian đối với các nhiệm vụ KHCN (MC7.01.07).

Hàng năm đều có tổng kết các hoạt động KHCN trong năm học của giảng viên và sinh viên (MC7.01.08).

#### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Các văn bản khá đầy đủ, cụ thể qua các năm học. Công tác thống kê, đánh giá được thực hiện khá nghiêm túc.

Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ rất cụ thể, công khai, dân chủ.

#### **3. Những tồn tại:**

Công tác cập nhật các quyết định đã ban hành cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới còn chậm.

Việc định hướng các đề tài khoa học công nghệ nhằm thu hút tài chính ngoài nguồn từ sự nghiệp khoa học và công nghệ của nhà trường còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục duy trì hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng đã xác định.

Chú trọng nghiên cứu cập nhật tình hình thực tiễn và các văn bản mới của các cấp nhằm hoàn thiện các văn bản chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cho phù hợp.

Tiến hành kiểm tra thường xuyên, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động KHCN của các đơn vị. Thường xuyên có văn bản nhắc nhở, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng kế hoạch hoạt động KHCN của nhà trường. Khuyến khích, động viên đơn vị, cá nhân thực hiện tốt kế hoạch KHCN và có những hình thức xử lý thích hợp đối với những trường hợp không thực hiện đúng kế hoạch KHCN mà không có lý do chính đáng.

## II. Tiêu chí 7.2:

*Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.*

### 1. Mô tả:

Công tác tổng kết các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án do Trường Đại học Tây Bắc làm cơ quan chủ quản được thực hiện thường xuyên. Các đề tài thực hiện tại Trường Đại học Tây Bắc chỉ là các đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp cơ sở, chưa có đề tài, dự án cấp nhà nước.

Các đề tài cấp cơ sở được thực hiện trong những năm qua dưới dạng các đề tài nghiên cứu khoa học, các ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần.

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tỉnh do Trường Đại học Tây Bắc chủ trì từ năm học 2005 - 2009 là 19 đề tài [MC7.02.01]

**Bảng 7.2.1: Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Tỉnh, Thành**  
(nguồn Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế)

Năm học	Nhóm ngành	Thời hạn nghiệm thu (NT)			Tỷ lệ đề tài/GV
		Đúng hạn	Sai hạn	Không thể NT	
2005-2006	KHCB, NLN, KT	1			
	SP, YD, KT, XHNV	2			
	CHUNG	3			
2006-2007	KHCB, NLN, KT	2			
	SP, YD, KT, XHNV	1			
	CHUNG	3			
2007-2008	KHCB, NLN, KT	6			
	SP, YD, KT, XHNV	2			
	CHUNG	8			
2008-2009	KHCB, NLN, KT	5			
	SP, YD, KT, XHNV	0			
	CHUNG	5			

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (bao gồm đề tài nghiên cứu khoa học và ngân hàng đề thi học phần) từ năm học 2005 - 2009 là 283 đề tài [MC7.02.02]

**Bảng 7.2.2: Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở**  
(nguồn Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế)

Năm học	Nhóm ngành	Thời hạn nghiệm thu (NT)			Tỷ lệ đề tài/GV
		Đúng hạn	Sai hạn	Không thể NT	
2005-2006	KHCB, NLN, KT	6	3	1	
	SP, YD, KT, XHNV	19	1	5	
	CHUNG	<b>25</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>1/8</b>
2006-2007	KHCB, NLN, KT	6	0	1	
	SP, YD, KT, XHNV	82	5	4	
	CHUNG	<b>88</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>1/3,5</b>
2007-2008	KHCB, NLN, KT	5	0	2	
	SP, YD, KT, XHNV	85	2	1	
	CHUNG	<b>90</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1/3,5</b>
2008 -2009	KHCB, NLN, KT	5	0	0	
	SP, YD, KT, XHNV	61	0	0	
	CHUNG	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1/5</b>

Phòng QLKH&QHQT là bộ phận quản lý hồ sơ nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN. Các biên bản nghiệm thu và họp các Hội đồng nghiệm thu đề tài dự án đều được lưu một cách cẩn thận (MC7.02.03) Phần lớn các nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu theo kế hoạch và đạt yêu cầu (MC7.02.04). Một số nhiệm vụ nghiệm thu không đúng kế hoạch là do các nguyên nhân:

- Do chương trình đào tạo có sự điều chỉnh tạo nên biến động trong kế hoạch năm học. Một số nhiệm vụ KHCN phục vụ công tác đào tạo đã đăng ký nhưng không thích hợp với chương trình đào tạo mới nên đã xin phép không triển khai. Lý do này đã dần được khắc phục trong những năm sau.

- Một số do chủ nhiệm đề tài chuyển công tác, xin phép được dừng việc nghiên cứu đề tài trong thời hạn cho phép.

Số lượng các nhiệm vụ KHCN trong những năm 2006-2009 tăng cao là do nhà trường khuyến khích thực hiện xây dựng các bộ đề tạo thành ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần.

Chưa có đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, đề tài cấp Nhà nước.

Số lượng đề tài KHCB, NLN, KT còn ít.

## 2. Đánh giá điểm mạnh:

Phần lớn các đề tài nghiên cứu đã đăng ký đều nghiệm thu đúng tiến độ.

Công tác kiểm tra tiến độ thực hiện các đề tài nghiên cứu được tiến hành thường xuyên. Trên cơ sở đó mà việc triển khai đúng kế hoạch đã đề ra.

## 3. Những tồn tại:

Sự điều chuyển cán bộ: cử đi đào tạo dài hạn, thuyên chuyển công tác ít nhiều ảnh hưởng đến tính kế hoạch trong hoạt động KHCN.

#### 4. Kế hoạch hành động:

Trong kế hoạch những năm học tới cần tập trung:

- Tiếp tục duy trì hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng đã xác định.
- Mở rộng các hướng nghiên cứu, chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường, quản lý chất lượng môi trường, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, sinh thái, cải tạo đất đai, phát triển nông nghiệp bền vững; nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn bền vững. Nghiên cứu những vấn đề lịch sử, văn hoá, văn học và dân tộc học của vùng Tây Bắc, những vấn đề xã hội nảy sinh trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài khoa học giáo dục, nhất là các đề tài về đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học, xây dựng và biên soạn giáo trình, tài liệu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.
- Chú trọng hoạt động chuyên giao công nghệ trong vùng Tây Bắc.
- Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, đầu tư trang thiết bị, máy móc, đào tạo nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên.
- Cần chú trọng khâu tuyển chọn cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN để đảm bảo các nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu theo đúng kế hoạch.

#### III. Tiêu chí 7.3:

**Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.**

##### 1. Mô tả:

Việc đăng tải các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành được xác định là cách công bố kết quả nghiên cứu, giám định chất lượng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đồng thời đây cũng là cách để trao đổi khoa học giữa đội ngũ khoa học của nhà trường với các đơn vị khác. Chính vì vậy, hoạt động này được giảng viên trong trường rất quan tâm. Ngoài các bài viết trên Bản tin thông tin khoa học của Trường (MC7.03.01), giảng viên, cán bộ đã chủ động gửi bài viết cho các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế để công bố kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã có những quy định để khuyến khích giảng viên thực hiện nhiệm vụ này, coi đó như là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN của giảng viên trong năm học (MC7.03.02). Bảng dưới đây thống kê các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

**Bảng 7.3.1: Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành**

(nguồn Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế)

Năm học	Bài báo		Số lượng GV	Tỉ lệ BB/GV
	Trong nước	Quốc tế		
2005-2006	8	2	245	1/24
2006-2007	15	0	264	1/17
2007-2008	14	0	300	1/21
2008-2009	8	1	345	1/38

Nhìn chung tỉ lệ các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành của cán bộ, giảng viên của nhà trường còn ở mức độ thấp. Thực tế cho thấy, trường Đại học Tây Bắc là trường mới thành lập, vì vậy nhiệm vụ giảng dạy còn chiếm đa số trong hoạt động của giảng viên, thời gian dành cho các hoạt động nghiên cứu chưa nhiều đã ảnh hưởng đến số lượng các bài báo được đăng trên các tạp chí.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Tây Bắc còn khá trẻ, nhiệt tình và đam mê khoa học.

Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, là trường đại học duy nhất đóng trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Mảnh đất có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống, có nền văn hoá lâu đời, là vùng chiến lược về văn hoá, an ninh quốc phòng tạo nên hướng đa dạng cho nghiên cứu khoa học. Nhiều lĩnh vực nảy sinh từ thực tiễn đòi hỏi cần phải được nghiên cứu, tháo gỡ. Trong khi đó các nghiên cứu cơ bản, các bài viết khoa học về vùng Tây Bắc còn rất ít.

## **3. Những tồn tại:**

Thời gian dành cho nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

Trường chưa có tạp chí riêng nên hoạt động đăng tải các công trình nghiên cứu trên các tạp chí được tính điểm còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Cần có chính sách khuyến khích cán bộ giảng viên trong việc viết bài.

Trong những năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch để tăng cường chất lượng các bài viết, đề nghị đề nâng cấp Bản tin Thông tin khoa học công nghệ thành Tạp chí Khoa học & Công nghệ nhằm tạo diễn đàn công bố các công trình nghiên cứu của các tác giả về các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn của vùng Tây bắc.

## **IV. Tiêu chí 7.4:**

*Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.*

### **1. mô tả:**

Phần lớn các đề tài NCKH do nhà trường chủ trì là đề tài về KHGD, nhằm giải quyết vấn đề đặt ra của thực tiễn giáo dục, dạy học trong trường đại học và các trường phổ thông; một số nghiên cứu nhằm giải quyết nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó có một số ít đề tài nghiên cứu cơ bản.

Một số đề tài nghiên cứu về sư phạm đã được vận dụng thử nghiệm trong trường Đại học Tây Bắc và các trường phổ thông tại tỉnh Sơn La (MC7.04.01). Một số nghiên cứu đã được nghiệm thu chuyển thành giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo trong nhà trường.

Một số đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực Nông Lâm Ngư đã được triển khai ứng dụng tại địa phương (MC7.04.02).

Một công trình nghiên cứu đạt giải thưởng sáng tạo KHCN Việt Nam Vifotex 2008

Một số lượng nhỏ các đề tài nghiên cứu thuộc loại hình nghiên cứu cơ bản. Các đề tài loại này đã có những đóng góp mới về mặt khoa học cho các chuyên ngành khác nhau. Trong đó một số đề tài đã được in thành Giáo giáo trình, một số đề tài đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế (MC7.04.03).

Phòng QLKH&QHQT lưu giữ các báo cáo kết quả nghiệm thu, đánh giá của các Hội đồng khoa học đối với các đề tài, dự án do Trường Đại học Tây Bắc chủ trì (MC7.04.04). Thống kê các đề tài nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào thực tiễn dưới dạng hợp đồng tư vấn chuyển giao công



nghe, các giáo trình tài liệu tham khảo, chương trình đào tạo dựa trên kết quả nghiên cứu (MC7.04.05). Danh sách các công trình nghiên cứu đạt giải thưởng, đạt bằng phát minh sáng chế (MC7.04.06).

Tuy nhiên, so sánh với tình hình chung thì số lượng các công trình nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế hàng năm tại trường Đại học Tây Bắc còn thấp.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Đã có các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

## **3. Những tồn tại:**

Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản còn hạn chế.

Các hợp đồng chuyển giao công nghệ, ứng dụng thành quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn còn ít.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Liên kết với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước và nước ngoài để tăng cường năng lực nghiên cứu.

Liên hệ với địa phương để quảng bá kết quả nghiên cứu, đề xuất nghiệm thu ứng dụng vào thực tế của địa phương.

Bổ sung tiêu chí tính ứng dụng vào quy trình tuyển chọn cá nhân, tập thể chủ trì các đề tài NCKH các cấp.

## **V. Tiêu chí 7.5:**

***Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.***

### **1. Mô tả:**

Kinh phí là một trong những nhân tố thúc đẩy hoạt động KHCN của một trường đại học. Trong những năm qua, kinh phí cho hoạt động KHCN của nhà trường chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước cấp. Có một số đề tài hợp đồng với các tỉnh, một số hợp đồng chuyển giao công nghệ với địa phương là hoạt động có thu.

Để có thể quản lý tốt kinh phí hoạt động KHCN, Trường có thống kê hàng năm về nguồn kinh phí dành cho các hoạt động KHCN, các nguồn kinh phí thu được từ hoạt động KHCN, chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật (MC7.05.01). Thống kê các nguồn kinh phí ngoài kinh phí từ ngân sách dành cho KHCN. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh thích hợp với thực tiễn của nhà trường. Đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo việc quản lý việc sử dụng kinh phí và các nguồn thu từ các đề tài, dự án KHCN đối với các tổ chức, cá nhân trong trường.

### **Bảng 7.5.1 Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động KHCN**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

*(nguồn Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế)*

Năm	Ngân sách SN KHCN	Ngân sách ngoài SN KHCN	Tỉ lệ NS KHCN/ Kinh phí ngoài NS
2005	315	297	1.06
2006	590	272,56	2.16
2007	465	247,47	1.88
2008	497	272,4	1.825

2009	664	318	2.088
------	-----	-----	-------

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Bước đầu đã có các hợp đồng nghiên cứu, các hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ đem lại nguồn thu từ hoạt động KHCN.

## **3. Những tồn tại**

Tuy nhiên các hoạt động KHCN có thu là chưa lớn. Các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

- Trong những năm tới, cần tiếp cận với địa phương để đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài, dự án có khả năng áp dụng vào thực tế, có thể chuyển giao kỹ thuật đến người sử dụng dịch vụ khoa học.
- Tăng cường trang thiết bị, năng lực nghiên cứu của giảng viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Mở rộng quan hệ hợp tác, tìm kiếm nguồn hợp tác quốc tế để tăng cường khả năng nghiên cứu ứng dụng.

## **VI. Tiêu chí 7.6:**

*Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.*

### **1. mô tả:**

Các hoạt động khoa học công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo được thực hiện dưới các hình thức

- Một số đề tài nghiên cứu khoa học gắn với việc xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, đánh giá quá trình đào tạo, nghiên cứu để viết giáo trình tài liệu tham khảo của nhà trường (MC7.06.01)
- Gắn các đề tài nghiên cứu với quá trình đào tạo nghiên cứu sinh (MC7.06.02).
- Liên kết với các trường đại học khác, các viện nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu (MC7.06.03).
- Một số đề tài nghiên cứu gắn liền với quá trình đào tạo thạc sỹ, nghiên cứu sinh của nhà trường (MC7.06.04).

Nhìn chung các đề tài nghiên cứu khoa học đã tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên nhà trường có điều kiện nghiên cứu khoa học, tăng cường năng lực nghiên cứu, chuyển giao KHCN, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Điều đó đã góp phần vào việc phát triển nguồn nhân lực cho nhà trường trong những năm qua và các năm tiếp theo.

Trường cũng đã xúc tiến tìm kiếm các sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, hình thành các dự án giúp giảng viên, cán bộ tăng cường năng lực đào tạo, phát triển cộng đồng, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp theo từng chuyên ngành khác nhau (MC7.06.05).

Một số định hướng nghiên cứu của sinh viên đã được thực hiện theo hướng nghiên cứu đề tài của giảng viên. Điều đó góp phần vào quá trình đào tạo sinh viên của nhà trường, đặc biệt là các kỹ năng làm việc độc lập của sinh viên (MC7.06.06).

Nhìn chung các đề tài nghiên cứu đều có những giá trị trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho cán bộ, giảng viên ở những mức độ khác nhau. Trong đó có một số đề tài phục vụ trực tiếp cho quá trình đào tạo của nhà trường. Có thể kể đến:

- Các đề tài NCKH gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo của nhà trường, nhiều đề tài có kết quả ứng dụng vào quá trình đào tạo, như: “Nghiên cứu định hướng xây dựng và thử nghiệm ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Tây Bắc”. Kết quả của đề tài này đã định hình xây

dựng khoảng 200 bộ dữ liệu ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Trong đó gần 100 bộ dữ liệu đã được đưa vào sử dụng (MC7.06.07).

- 60% số giảng viên đang theo học các chương trình thạc sỹ, nghiên cứu sinh được tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

- Hàng năm có khoảng 100 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được triển khai, thu hút khoảng gần 200 sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học (chiếm khoảng 3,5%) (MC7.06.08).

- Một số công trình nghiên cứu là sự tham gia phối hợp giữa giảng viên Trường Đại học Tây Bắc với cán bộ các viện nghiên cứu, giảng viên các trường đại học khác, với các cơ sở giáo dục, cơ sở kinh tế, doanh nghiệp tại địa phương (MC7.06.09).

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Là trường mới thành lập, nên việc xác định định hướng phát triển, xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo, nghiên cứu để viết giáo trình, tài liệu; nghiên cứu cải tiến phương pháp dạy học, đánh giá kết quả đào tạo sinh viên ... được quan tâm chú ý. Nhiều đề tài nghiên cứu đã hướng vào mục tiêu này.

Chú trọng liên kết với các trường đại học khác, các viện nghiên cứu nhằm học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu, triển khai các hoạt động khoa học công nghệ.

## **3. Những tồn tại:**

Các nghiên cứu gắn liền với việc đào tạo Nghiên cứu sinh, đào tạo thạc sỹ còn ít.

Chất lượng các công trình nghiên cứu chưa cao, hàm lượng khoa học trong các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Cần chú trọng vào những nghiên cứu có tính tổng thể để định hướng cho hoạt động KHCN của nhà trường vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh các nghiên cứu nhằm hoàn thiện quá trình đào tạo: đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện của sinh viên, đổi mới hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo vừa đảm bảo tính hiện đại, vừa phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Gắn kết các đề tài nghiên cứu của giảng viên với chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ. Gắn nghiên cứu khoa học của sinh viên với định hướng nghiên cứu của giảng viên, tăng dần số người học được thực hiện nghiên cứu khoa học, tạo đà phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao cho Trường Đại học Tây Bắc.

## **VII. Tiêu chí 7.7:**

*Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.*

### **1. Mô tả:**

Nhà trường thường xuyên phổ biến, cập nhật các văn bản quy định pháp luật về hoạt động nghiên cứu khoa học, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hoạt động KHCN của giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng (MC7.07.01).

Trường cũng đã có những văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn đối với giảng viên là chủ nhiệm các đề tài, dự án (MC7.07.02). Trong đó quy định cụ thể về:

- Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp đối với việc tham gia chủ trì đề tài dự án các cấp

- Quy định về số lượng các đề tài nghiên cứu mà một cán bộ, giảng viên có thể tham gia.

- Quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ là thành viên trong các Hội đồng khoa học (tuyển chọn, kiểm tra đánh giá tiến độ, đánh giá nghiệm thu...).

- Quy định về tiêu chuẩn hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
- Quy định về quản lý các sản phẩm nghiên cứu khoa học, quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Ngoài việc quán triệt các văn bản chỉ đạo của cấp trên, trường có 02 văn bản quy định hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên và sinh viên. Trong đó quy định cụ thể về tiêu chuẩn phẩm chất, chuyên môn, nghiệp vụ một cách rõ ràng, công khai để cán bộ, giảng viên và sinh viên thực hiện. Các văn bản này đã được hội thảo khoa học, lấy ý kiến thảo luận dân chủ trong nhà trường trước khi ban hành để vận dụng.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Hệ thống văn bản quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ thực hiện các hoạt động KHCN là rõ ràng, minh bạch.

Các sản phẩm nghiên cứu được bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, được nhà trường quản lý chặt chẽ.

## **3. Những tồn tại:**

Số lượng các đề tài nghiên cứu không đáp ứng được tiêu chuẩn nghiên cứu của cán bộ trong nhà trường.

Chưa có những tiêu chuẩn cần thiết để nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu, gắn các đề tài nghiên cứu vào việc ứng dụng trong thực tế và những tiêu chuẩn khuyến khích hoạt động nghiên cứu.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Trong thời gian tới, cần thay đổi, cải tiến một số tiêu chuẩn về trình độ, đạo đức của người nghiên cứu nhằm tăng cường tính trách nhiệm đối với các nghiên cứu của cá nhân. Tăng cường các tiêu chí nhằm nâng cao tính ứng dụng của đề tài nghiên cứu, có thể áp dụng được vào thực tiễn phục vụ công tác đào tạo, phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động KHCN nhằm nâng cao giá trị khoa học và giá trị ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu.

Tạo điều kiện để chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu có thể đăng ký quyền tác giả, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của người nghiên cứu.

## **KẾT LUẬN**

Là trường đại học đa ngành mới được thành lập nhằm phục vụ sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc Tổ quốc, hoạt động nghiên cứu, chuyển giao KHCN của Trường Đại học Tây Bắc đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Các đề tài nghiên cứu thuộc nhiều chuyên ngành đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá giáo dục của các tỉnh vùng Tây Bắc. Với đội ngũ cán bộ hiện có, nhà trường đã tổ chức được các đề tài nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư, nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục,...

Nhu cầu nghiên cứu khoa học của cán bộ trong nhà trường là rất lớn. Tuy nhiên có sự bất cập giữa nhu cầu nghiên cứu và khả năng đáp ứng của thực tại. Lý do dẫn đến tình trạng này một phần là giảng viên phải tham gia quá trình giảng dạy nhiều ảnh hưởng đến thời gian dành cho nghiên cứu khoa học, mặt khác là do kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ít, chế độ chính sách đãi ngộ nói chung chưa tương xứng với công sức dành cho nghiên cứu khoa học.

Trong thời gian sắp tới bên cạnh việc tìm các nguồn ngân sách hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, nhà trường sẽ chú trọng việc nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu, gắn chặt hoạt động nghiên cứu với việc công bố các kết quả nghiên cứu thông qua các hội nghị, hội thảo và đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

## HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Là Trường Đại học duy nhất đóng trên vùng Tây Bắc Tổ quốc, để phát triển nhanh chóng trong xu thế hội nhập, Trường Đại học Tây Bắc xác định: Hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ chiến lược Nhà trường. Cùng với các hoạt động khác, hợp tác quốc tế nhằm đào tạo đội ngũ giảng viên, sinh viên, đội ngũ các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý tạo thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị, thông tin, tài liệu về khoa học kỹ thuật, khoa học giáo dục; trao đổi kinh nghiệm với các Trường đại học tiên tiến từ đó khẳng định vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục. Trong những năm qua, trường đã mở rộng các mối quan hệ với các tổ chức, các trường đại học của nhiều nước trên thế giới. Từ năm 2008 trường đào tạo cán bộ cho nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Ngày càng có nhiều tổ chức, các trường đại học của các nước trên thế giới đến thăm và làm việc với nhà trường. Trường đã có mối quan hệ với các tổ chức quốc tế như: JICA (Nhật bản), AUF (Cộng hoà Pháp), Fulbright (Hoa kỳ)...

Công tác hợp tác quốc tế của nhà trường được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật nhà nước, quy định, hướng dẫn của ngành, địa phương và bước đầu đã có những kết quả đáng khích lệ.

### **I. Tiêu chí 8.1:**

***Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.***

#### **1. Mô tả:**

Tăng cường các mối quan hệ hợp tác quốc tế là một trong những định hướng phát triển của nhà trường. Một số tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài đã đến thăm, làm việc và ký kết thoả ước với Trường Đại học Tây Bắc.

Nhìn chung, các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Tây Bắc được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước. Hàng năm, trường đều có văn bản báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động hợp tác quốc tế (MC8.01.01). Bên cạnh đó trường đều có công văn thông báo cho chính quyền và cơ quan an ninh địa phương biết về hoạt động của các đoàn khách quốc tế tại Trường Đại học Tây Bắc (TC8.01.02), phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân trong trường với các tổ chức quốc tế.

Phòng Quản lý khoa học & Quan hệ quốc tế luôn theo dõi và nắm vững các đoàn ra, đoàn vào một cách cụ thể, chi tiết. Các hoạt động của tổ chức, cá nhân với người nước ngoài (qua các hội thảo, tập huấn) được quản lý chặt chẽ.

Hiện nay, trường Đại học Tây Bắc đang hoàn thiện quy định về công tác hợp tác quốc tế tại trường Đại học Tây Bắc nhằm thể chế hoá quy định trong công tác quản lý đối với các hoạt động có yếu tố nước ngoài. Văn bản này đã được hội thảo lần 1 và sẽ hội thảo lần 2 để hoàn thiện và ký quyết định phê duyệt. Trong đó có quy định về đón tiếp khách nước ngoài đến nhà trường, cử đoàn cán bộ của trường đi học tập, công tác nước ngoài, quy định về sinh viên nước ngoài lưu trú tại Trường Đại học Tây Bắc (MC8.01.03)

Tính từ năm 2005, có 12 chuyến công tác với 64 lượt cán bộ, giảng viên Trường Đại học Tây Bắc đi công tác, học tập dài hạn và ngắn hạn ở nước ngoài. 15 sinh viên được ra nước ngoài học tập (chưa tính năm 2008 – 2009). Tiếp 17 đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại Trường Đại học Tây Bắc.

Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng nghi lễ ngoại giao, đúng quy định của pháp luật, tuân thủ quy định tại địa phương. Các đoàn khách đến thăm và làm việc tại Trường Đại học Tây Bắc đều được thông báo đến các cơ quan hữu trách của địa phương. Trường hợp đoàn nước ngoài muốn đến thăm các cơ sở ngoài Trường Đại học Tây Bắc đều được phép của chính quyền địa phương.

Nội dung các hoạt động hợp tác quốc tế, các biên bản cuộc họp, biên bản ghi nhớ,... được lưu giữ theo đúng quy định (MC8.01.04).

Hàng năm, trường có tổng kết, báo cáo về hoạt động hợp tác quốc tế gửi Bộ Giáo dục & Đào tạo

(qua vụ Hợp tác Quốc tế), báo cáo các cơ quan địa phương khi có yêu cầu (MC8.01.05).

Có báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế 3 năm liền theo quy định của nhà nước (TC8.1.6).

Việc cử cán bộ ra nước ngoài công tác cũng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về xét cán bộ, đảng viên, xuất nhập cảnh,...

Chưa có vi phạm về hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường Đại học Tây Bắc

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện khá nề nếp, đúng quy định của pháp luật Nhà nước, đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như các quy định của địa phương.

Nhà trường luôn cập nhật, phổ biến các quy định hiện hành về công tác hợp tác quốc tế đối với cán bộ giảng viên, có ý thức cụ thể hoá các văn bản của nhà nước đối với hoạt động của nhà trường.

## **3. Những tồn tại:**

Việc tìm hiểu các thông tin về các đối tác đôi lúc còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Hầu hết các dự án, hoạt động hợp tác quốc tế là do các tổ chức giới thiệu. Trường chưa chủ động trong việc tìm đối tác trong các hoạt động hợp tác.

Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chưa phát triển.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Cần chú trọng nâng cao trình độ đặc biệt là trình độ tiếng Anh cho cán bộ giảng viên.

Sớm hoàn thiện quy định về hoạt động hợp tác quốc tế, phân cấp trách nhiệm để nâng cao tính tự chủ, sáng tạo của các cá nhân, đơn vị trong quá trình tìm kiếm đối tác hợp tác quốc tế.

## **.II. Tiêu chí 8.2:**

*Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.*

### **1. Mô tả:**

Chương trình hợp tác đào tạo bao gồm (MC8.02.01):

Hầu hết các chương trình hợp tác đào tạo với các trường đại học của nước ngoài là dựa trên cơ sở hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với các nước. Theo chương trình này, Trường Đại học Tây Bắc đã nhận được sự đào tạo ở trình độ cử nhân tại các nước Nga, Ucraina, Mông cổ, Cu ba. (đến năm 2007-2008 là 15 sinh viên).

Ngoài chương trình đào tạo theo hiệp định, Trường thường xuyên phổ biến các chương trình học bổng của Chính phủ các nước tới các tập thể, cá nhân trong trường. Qua đó, một số cán bộ, sinh viên của Trường đã được du học theo con đường này: 01 cán bộ được nhận học bổng đào tạo tiến sĩ tại viện năng lượng hạt nhân của Thụy sỹ, 01 cán bộ được nhận học bổng đào tạo thạc sỹ tại trường đại học của Australia

Trong khuôn khổ của một số dự án phát triển Giáo dục của Bộ Giáo dục Đào tạo, nhiều cán bộ của trường được đi đào tạo Sau đại học, tập huấn ngắn hạn: Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc cử 20 giảng viên tham gia lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục tại các nước Austraylia, Canada, Newzeland. Trong khuôn khổ dự án quản lý giáo dục trường đã cử 03 giảng viên tham gia lớp quản lý.

Ngoài ra Trường cũng đã cử các đoàn công tác tới các trường đại học để học hỏi kinh nghiệm quản lý, đào tạo. Đã cử 05 đoàn tham quan (39 người tham dự) đến các nước Thailand, Singapore, Malaixia, Trung Quốc nhằm tham quan, khảo sát quản lý của các trường đại học.

Đang đào tạo 02 sinh viên nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ngành kinh tế (TC8.2.2).

Chuẩn bị điều kiện đón 20 sinh viên nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào để đào tạo trong năm 2010.

Các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đào tạo của nhà trường chủ yếu được thực hiện qua các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở các chỉ tiêu phân bổ từ Bộ, nhà trường cử cán bộ, giảng viên, sinh viên tham dự. Mọi quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài còn khá hạn chế.

Một số cán bộ liên hệ với đối tác nước ngoài thông qua đại sứ quán tại Việt Nam, qua phỏng vấn nhận được học bổng du học nước ngoài.

Trường Đại học Tây Bắc chưa có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học và các cơ sở giáo dục nước ngoài.

Hàng năm, nhà trường có thống kê (danh sách) về các đợt tham quan học tập phát triển, quản lý trường đại học tại nước ngoài.

Trong chương trình hợp tác với nước ngoài hiện nay có dự án Hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh, sinh viên thiết thời của trường Đại học Tây Bắc do quỹ FORD của Hoa kỳ tài trợ. Trường cũng đang xây dựng chi tiết dự án “tăng cường năng lực cho giảng viên Trường Đại học Tây Bắc góp phần phát triển nông thôn bền vững” do chính phủ Nhật Bản tài trợ. Đây là dự án hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu, giảng dạy cho cán bộ giảng viên và cung cấp trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo và nghiên cứu.

Việc thống kê các hoạt động và dự án tài trợ; thống kê số sinh viên và cán bộ giảng viên được thụ hưởng từ dự án; thống kê số sinh viên nước ngoài học tập tại trường, cơ sở vật chất được hỗ trợ từ dự án được thực hiện nghiêm túc.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Là trường mới thành lập, được Bộ giáo dục và đào tạo quan tâm trong vấn đề phát triển nguồn nhân lực.

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của nhà trường là khá lớn, hợp tác phát triển mở ra cơ hội cho cán bộ của nhà trường được đào tạo ở trình độ cao.

## **3. Những tồn tại:**

Trình độ ngoại ngữ của giảng viên còn nhiều hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu đối với việc học tập và nghiên cứu tại các cơ sở nước ngoài.

Chưa có mối quan hệ song phương trong trao đổi cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu và sinh viên với các trường đại học quốc tế.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Vấn đề trọng tâm là phải nâng cao trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) cho giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ trong nhà trường, tạo điều kiện cần thiết để có thể tham dự việc học tập, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo của nước ngoài qua các chương trình học bổng hoặc qua trao đổi đào tạo, liên kết đào tạo.

Tích cực xây dựng mối quan hệ với các cơ sở đào tạo nước ngoài, gửi sinh viên, giảng viên đi đào tạo tại các cơ sở nước ngoài, từng bước tham gia hội nhập các hoạt động khoa học, đào tạo ở mức độ phù hợp: Tham gia hội thảo, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm...

## **III. Tiêu chí 8.3:**

*Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.*

### **1. Mô tả:**

Hiện nay, Trường Đại học Tây Bắc có các dự án quốc tế sử dụng vốn nước ngoài:

- Dự án Hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo cho học sinh, sinh viên thiết thời của trường Đại học Tây Bắc do quỹ FORD của Hoa kỳ tài trợ (MC8.03.01)

- Dự án: “Sử dụng nắm rừng một cách an toàn” Do Worlbank tài trợ (MC8.03.02)

- Dự án “tăng cường năng lực nghiên cứu cho giảng viên trường Đại học Tây Bắc” đã được chính phủ Nhật Bản đồng ý tài trợ (theo thông báo của Bộ Kế hoạch đầu tư) (MC8.03.03). Trường Đại học Tây Bắc đang cùng Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức nghiên cứu hình thành dự án chi tiết trình Chính phủ Nhật Bản phê duyệt thực hiện vào năm 2010.

Trường cũng tiến hành tổ chức phối hợp với các tổ chức nước ngoài phổ biến kiến thức tới cộng đồng.

Một số giảng viên đã có những liên kết với các trường đại học trong nước và nước ngoài tiến hành nghiên cứu các đề tài khoa học cơ bản. Kết quả của các công trình nghiên cứu đã được đăng tải trên một số tạp chí của nước ngoài.

Cùng các chương trình, dự án của Bộ Giáo dục - Đào tạo, trường đã cử cán bộ sinh viên đi học tập, nghiên cứu tại các trường đại học của nước ngoài.

Mặc dù đã có những nỗ lực, cố gắng, song khả năng tham gia các chương trình dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào thực tiễn còn hạn chế, số lượng chưa nhiều.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Là trường đại học đa ngành, nên lĩnh vực hợp tác quốc tế là rất đa dạng.

Ngày càng có nhiều giảng viên tham gia vào các dự án, hoạt động nghiên cứu quốc tế.

## **3. Những tồn tại:**

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ giảng viên còn hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác quốc tế.

Thiếu đội ngũ cán bộ đầu ngành có thể đảm đương được nhiệm vụ hợp tác.

Nguồn thông tin hạn chế, tính chủ động tìm kiếm sự hợp tác chưa cao.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Trong những năm trước mắt, cần nhanh chóng liên kết với các trường đại học trong nước, các cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo trình độ giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho cán bộ giảng viên trong trường, xây dựng được đội ngũ cán bộ đầu ngành đủ sức đảm đương được các hoạt động hợp tác quốc tế trong các ngành mà nhà trường đang có.

Mở rộng các hình thức đào tạo, gắn quá trình đào tạo với quá trình nghiên cứu, hợp tác quốc tế giúp cho cán bộ, giảng viên trong trường nhanh chóng có những kinh nghiệm trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Chú trọng việc đào tạo ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh cho cán bộ, giảng viên. Chú trọng đào tạo khoa học cơ bản và ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ nguồn, cán bộ cốt cán.

Xây dựng và hoàn thiện website để quảng bá hình ảnh nhà trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác.

## **KẾT LUẬN:**

Công tác hợp tác quốc tế trong những năm qua tại trường Đại học đã đi vào nề nếp. Trường đã mở rộng được mối quan hệ với một số tổ chức, các trường đại học để hợp tác nhằm phát triển trình độ chuyên môn, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, học hỏi kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm xây dựng nội dung chương trình đào tạo, tăng cường trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo nghiên cứu khoa học.

Hoạt động hợp tác quốc tế tuân thủ tốt các quy định của pháp luật nhà nước, các hướng dẫn của



ngành giáo dục và các quy định của địa phương. Trường cũng đã có những văn bản pháp chế hoá hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ nội bộ. Vì vậy, cho đến nay chưa có vi phạm pháp luật trong hoạt động hợp tác quốc tế.

Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, hình ảnh của trường ngày càng được khẳng định. Nhiều tổ chức quốc tế, các trường đại học của các nước đã đến thăm và tìm cơ hội hợp tác với nhà trường. Đã có sinh viên nước ngoài tìm đến trường Đại học Tây Bắc để học tập, nghiên cứu. Giảng viên và sinh viên của nhà trường đã có những hoạt động khoa học mang tính quốc tế, có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế.

Tuy nhiên, công tác hợp tác quốc tế cần phải được đẩy mạnh hơn nữa trong bước đường xây dựng và phát triển của nhà trường nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho cán bộ, giảng viên của nhà trường có điều kiện tiếp cận với kinh nghiệm giáo dục tiên tiến của thế giới.

## TIÊU CHUẨN 9

### THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Trường Đại học Tây Bắc đảm bảo các điều kiện về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

#### I. Tiêu chí 9.1:

*Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.*

##### 1. Mô tả:

Có thư viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tính đến ngày 8/4/2009 vốn tài liệu của thư viện đã được 1.044 giáo trình, 1.044 sách chuyên môn, 4.450 sách tham khảo và 7.077 tạp chí.

- Trong công tác xây dựng vốn tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu bạn đọc, thư viện đã tăng cường bổ sung sách tham khảo, giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

- Để khuyến khích người đọc khai thác hiệu quả các tài liệu, thư viện đã tăng cường phục vụ giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên với cách thức lưu thông tài liệu; kho sách luôn mở cửa để sinh viên đọc tại chỗ không hạn chế về số lượng...

##### 2. Đánh giá điểm mạnh:

- Thư viện đã có cơ cấu tổ chức ổn định.

- Đội ngũ nhân sự có chuyên môn, năng động; cán bộ phục vụ có sáng kiến cải tiến trong nghiệp vụ, có năng lực phục vụ.

- Vốn tài liệu phong phú, đa dạng về loại hình;

##### 3. Những tồn tại:

Hiện nay, cơ sở hạ tầng của thư viện trường chưa đạt chuẩn kiến trúc của một thư viện hiện đại.

##### 4. Kế hoạch hành động:

Trường đã có dự án xây dựng Trung tâm Thông tin Thư viện với 03 tầng cấp 03 diện tích công trình: 588,5 m<sup>2</sup> sàn, 4325 m<sup>2</sup> diện tích sử dụng, 3800 m<sup>2</sup> diện tích làm việc

#### II. Tiêu chí 9.2:

*Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.*

##### 1. Mô tả:

Có các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết, có mặt bằng để người học thực hành, làm thí nghiệm cơ bản đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo

Hiện nay Trường đã có 21 phòng thí nghiệm thực hành với tổng diện tích 1240m<sup>2</sup> [MC9.02.01], đủ mặt bằng để người học tiến hành các giờ thực hành và thí nghiệm theo yêu cầu của ngành đào tạo.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Thời gian qua, Trường đã rất quan tâm trong việc xây dựng và đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập theo từng ngành đào tạo.

### **3. Những tồn tại:**

Trường chưa bổ sung kịp thời phòng thí nghiệm cho một số ngành học mới.

Chưa có các phòng thí nghiệm lớn phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục xây dựng mới và bổ sung thiết bị các phòng thí nghiệm cho các ngành đào tạo mới và các phòng thí nghiệm phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

## **III. Tiêu chí 9.3:**

***Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.***

### **1. Mô tả:**

Đảm bảo có đủ các chủng loại trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo.

Các trang thiết bị đảm bảo về chất lượng và đa dạng, được sử dụng tối đa cho các hoạt động dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo.

Tuỳ theo nhu cầu của từng ngành đào tạo, trường đã trang bị khá đầy đủ các loại trang thiết bị và phương tiện dạy học cho các khoa.

Trong những năm gần đây, Trường đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy học. Trong việc đầu tư rất chú trọng đến tính đa dạng của trang thiết bị, các chủng loại thiết bị được trang bị theo yêu cầu bộ môn và từng khoa. Vì vậy, chất lượng của chúng thoả mãn được nhu cầu của tất cả các ngành đào tạo trong nhà trường.

Để đảm bảo chất lượng và đa dạng các loại trang thiết bị, trường đã thành lập tổ nghiệm thu tất cả các dự án đầu tư trang thiết bị và đảm bảo qui trình đấu thầu của Bộ Tài chính.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Trang thiết bị Trường hầu hết là hiện đại, chất lượng, tính năng hoạt động tốt và đáp ứng mục tiêu đào tạo.

### **3. Những tồn tại:**

Đối với trường hiện nay, việc giảng dạy và học tập được coi là trọng tâm; do vậy các loại trang thiết bị phục vụ chủ yếu cho dạy và học, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu NCKH, dự án và đề án vẫn còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch hành động:**

Nhà trường sẽ đầu tư mới, nâng cấp phòng máy chuyên ngành ở các khoa

## **IV. Tiêu chí 9.4:**

***Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.***

### **1. Mô tả:**

Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành.

Có đủ máy tính để phục vụ cho giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Có mạng máy tính nội bộ, được kết nối với internet, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Trường đặc biệt chú ý đến việc đầu tư những phương tiện cá nhân như máy tính và các thiết bị văn phòng. Số máy tính đã được trang bị đến các phòng, khoa và Bộ môn với số lượng là 419, trong đó dùng cho văn phòng 127, dùng cho sinh viên học tập 292.

Năm 2007, đã nâng cấp mạng LAN đầu tư trị giá 200.000.000 đồng. Với tốc độ kênh truyền hiện nay là 54 Mbps đảm bảo cho giảng viên và sinh viên có thể khai thác tài liệu trên mạng phục vụ cho việc giảng dạy và NCKH.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Tất cả máy tính của trường đều hoạt động tốt, mạng hoạt động ổn định, người đọc lên mạng một cách dễ dàng.

Mặc dù số lượng máy tính chưa nhiều nhưng vẫn có thể đáp ứng một phần cho giảng dạy, học tập và NCKH.

### **3. Những tồn tại:**

Số lượng thiết bị tin học còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Trình độ tin học của cán bộ giảng viên còn hạn chế, chưa khai thác được hiệu quả tối đa các thiết bị tin học.

### **4. Kế hoạch và hành động**

Trường sẽ tiếp tục nâng cao trình độ tin học cho cán bộ giảng viên bằng việc mở các lớp tin học ngoài giờ, có chính sách thu hút và bắt buộc đi học.

### **V. Tiêu chí 9.5:**

*Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.*

### **1. Mô tả:**

Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học. Có ký túc xá cho người học và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, thể thao.

Hiện nay Nhà trường có 107 phòng học ở cả 2 cơ sở với tổng diện tích là 18.465,7 m<sup>2</sup>. Các phòng học được thiết kế nhiều loại khác nhau về số chỗ ngồi: 40, 50, 100.

Trường có 5 ký túc xá có sức chứa hơn 2000 SV, với diện tích xây dựng là: 14420 m<sup>2</sup>. Hệ thống ký túc xá được phục vụ điện, nước, và các tiện nghi sinh hoạt khá đầy đủ 100% phòng ở được xây dựng công trình phụ theo hệ thống khép kín; có lực lượng bảo vệ 24/24.

Trường còn có nhiều sân bãi rộng rãi phục vụ các hoạt động thể thao, hoạt động ngoại khoá.

### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Nhà trường có hệ thống phòng học, ký túc xá SV, sân bãi phục vụ TĐTT đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

### **3. Những tồn tại:**

Việc xây dựng theo quy hoạch tổng thể chưa hoàn tất nên hệ thống phòng học, ký túc xá, sân TDTT chưa thật hợp lý, còn có sự đan xen giữa các khu vực. Số nhà ký túc xá chưa đủ để đáp ứng yêu cầu nhà ở của sinh viên.

#### **4. Kế hoạch và hành động:**

- Triển khai tiếp các dự án về xây dựng phòng học, trước mắt xây dựng khu nhà học dành cho các khoa Kinh tế, Nông - Lâm.

- Xây dựng tiếp 03 nhà ký túc xá đã được phê duyệt.

- Quy hoạch khu làm việc, khu ký túc, khu thể thao giải trí để quản lý được tốt hơn.

#### **VI. Tiêu chí 9.6:**

*Có đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.*

##### **1. Mô tả:**

Trường có 53 phòng làm việc ở cơ sở chính, 15 phòng làm việc ở cơ sở Thuận Châu với tổng diện tích gần 8000 m<sup>2</sup>. Đã bố trí đủ chỗ làm việc cho 3 đồng chí trong Ban Giám hiệu; 6 phòng: Tổ chức cán bộ, Hành chính Tổng hợp, Công tác Chính trị, Quản lý Khoa học và Quan hệ quốc tế, Tài vụ, Đào tạo; 9 khoa: Toán - Lý - Tin, Ngữ Văn, Sử- Địa, Sinh - Hoá, Nông - Lâm, Kinh tế, Ngoại ngữ, Lý luận chính trị, Tiểu học - Mầm non; 2 trung tâm: Tin học - Ngoại ngữ, Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; 2 bộ môn trực thuộc: Tâm lý - Giáo dục, Giáo dục thể chất và quốc phòng; các bộ môn thuộc khoa; 1 Trạm xá; 1 Ban Quản lý khu nội trú; các Văn phòng của các tổ chức đoàn thể: Đảng uỷ, Đoàn trường, Công đoàn cơ sở, Hội sinh viên.

##### **2.đánh giá điểm mạnh:**

Diện tích tương đối đủ, chất lượng các phòng làm việc tại cơ sở chính đảm bảo.

##### **3. Những tồn tại:**

Một số phòng làm việc tại cơ sở Thuận Châu xuống cấp do đã quá cũ.

##### **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục xây dựng mới các khoa, Trung tâm thư viện và nhà học Kinh tế, Nông – Lâm, giảng đường ở cơ sở mới, cải tạo và đề nghị Bộ cho xây mới các phòng làm việc tại cơ sở Thuận châu đồng thời duy tu bảo dưỡng các phòng làm việc đã có ở cơ sở chính.

#### **VII. Tiêu chí 9.7:**

*Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.*

##### **1. Mô tả:**

Tổng diện tích được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt cấp cho Trường ở cả 2 cơ sở là 102,5 ha. Tuy nhiên, ở cơ sở chính, đất đã được giải phóng mặt bằng để xây dựng Trường mới được 23 ha/95 ha. Trên thực tế, Nhà trường mới quản lý 23 ha ở cơ sở chính và 7,5 ha ở cơ sở Thuận Châu.

##### **2. Điểm mạnh:**

Đủ diện tích mặt bằng cho triển khai xây dựng phòng học, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, nơi làm việc, đường giao thông, cây xanh phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường.

##### **3. Những tồn tại:**

Khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng để tiếp tục xây dựng các công trình tiếp theo như khu thể thao, nhà công vụ và các công trình khác để hoàn thành Dự án xây dựng và hoàn thiện Trường đại học Tây Bắc đã được phê duyệt.

##### **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Sơn La, thành phố Sơn La để giải phóng mặt bằng và triển khai các công trình xây dựng theo Dự án xây dựng và hoàn thiện Trường đại học Tây Bắc đã được phê duyệt.

#### **VIII. Tiêu chí 9.8:**

***Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.***

##### **1. Mô tả:**

Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

Có kế hoạch bổ sung, phát triển cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ có hiệu quả hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

Năm 2007 Nhà trường tiếp quản cơ sở mới tại Thành phố Sơn La ( 23 ha) cũng là cơ sở chính của Trường với cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tối đa 15.000 người học. Sau 50 năm xây dựng và phát triển, đến nay Nhà trường đã có cơ sở phục vụ đào tạo cho trên 9000 người học đạt tiêu chuẩn. Ngoài cơ sở chính tại Thành Phố Sơn La, cơ sở II tại Thuận Châu trường tu sửa, bảo dưỡng thường xuyên.

Cơ sở vật chất của Trường nhìn chung được phát triển theo quy hoạch tổng thể được thể hiện qua chiến lược phát triển từ năm 2000 đến 2010. Trong những năm gần đây, việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH đã được chú trọng rất nhiều. Ngoài ra hàng năm trường đều có những điều chỉnh về kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất để hỗ trợ có hiệu quả công tác đào tạo, NCKH, và các hoạt động chung của trường.

##### **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, dài hạn và kế hoạch cụ thể cho mỗi giai đoạn.

- Hàng năm triển khai từng bước theo quy hoạch được duyệt với nguồn lực ngày càng tăng.

##### **3. Những tồn tại:**

Do nguồn kinh phí có hạn nên việc đầu tư trong xây dựng, mua sắm còn dàn trải, thiếu tập trung.

##### **4. Kế hoạch hành động:**

Trong những năm tới nhà Trường tập trung kinh phí để mua sắm trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm.

#### **IV. Tiêu chí 9.9:**

***Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.***

##### **1. Mô tả:**

Có bộ phận làm công tác bảo vệ, đủ về số lượng và được bồi dưỡng về nghiệp vụ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Công tác bảo vệ, trật tự, an toàn, an ninh được bảo đảm.

Lực lượng bảo vệ chuyên trách đủ về số lượng để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh. Bộ phận này thường trực 24 giờ trong ngày và được phân bổ cụ thể về các đơn vị trực thuộc.

**Bảng 9.9.9: Phân bố lực lượng bảo vệ ở các đơn vị**

*(Cập nhật đến 30.6.2009)*

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Bảo vệ</b>
-----------	------------	------------------	---------------

1	Cơ sở chính của Trường	23 ha	9
2	Cơ sở II của Trường	7,5 ha	7

Hai cơ sở này chưa có hàng rào bảo vệ vòng quanh Trường, nên có thêm lực lượng bảo vệ của sinh viên thường trực.

Lực lượng bảo vệ được trang bị hệ thống liên lạc; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và được cập nhật thường xuyên tình hình an toàn, an ninh nơi Trường đóng. Ngoài bộ phận chuyên trách bảo vệ trên, Nhà trường còn lắp đặt các hệ thống chữa cháy ở những khu vực quan trọng của Trường.

Để đảm bảo an toàn cho CBGD và SV, tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng hướng dẫn sử dụng thiết bị cũng như các quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy.

Trường có những quy định rõ ràng về các yêu cầu đối với Đội bảo vệ của Trường, thường xuyên liên hệ và kết hợp với Công an các phường lân cận, công an thành phố Sơn La để phối hợp công tác; định kỳ tổ chức họp giao ban giữa các đơn vị, để đánh giá tình hình và rút kinh nghiệm. Trường cũng có các quy định và giải pháp để xử lý các tình huống phát sinh về an toàn, an ninh trong Trường. Theo báo cáo của Đội bảo vệ, năm 2008 đã phát hiện 01 vụ mất trộm ổ cứng và đã bắt bồi hoàn.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

- Đã xây dựng được đội ngũ bảo vệ chuyên nghiệp, thực hiện tốt theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Trong những năm gần đây, tình hình an toàn, an ninh trong Nhà trường được đảm bảo.

## **3. Những tồn tại:**

Do địa bàn rộng và phức tạp (tại cơ sở chính trên 23 ha, nhiều công trình đang khởi công, tiếp giáp nhiều khu dân cư) và nhiều nơi chưa có rào chắn nên công tác bảo vệ gặp khó khăn trong việc tuần tra, canh gác.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Từng bước triển khai quy hoạch, khoanh vùng các khu vực và xây dựng rào chắn để thực hiện tốt hơn công tác bảo vệ.

## **KẾT LUẬN:**

Hệ thống thư viện, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành, ký túc xá, sân bãi cho TĐTT,.. của Trường Đại học Tây Bắc không ngừng phát triển trong thời gian qua. Bên cạnh đó, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động đào tạo và NCKH cũng không ngừng được bổ sung, nâng cấp.

Tuy vậy, do sự phát triển nhanh của các ngành nghề được đào tạo, của các yêu cầu NCKH, và sự vận dụng tích cực các công nghệ mới vào hoạt động giảng dạy, Nhà trường cần phải tiếp tục tìm kiếm các nguồn ngân sách để đáp ứng được nhu cầu mua sắm các trang thiết bị mới phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH.

## **TIÊU CHUẨN 10 TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Nguồn tài chính của trường chủ yếu từ ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp khác. Trường có giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà nước; sử dụng tài chính công khai, minh bạch và hiệu quả.

### **I. Tiêu chí 10.1:**

***Trường đại học có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường***

Các nguồn tài chính của trường phải hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

Có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động của trường và tái đầu tư phát triển.

**1. Mô tả:**

Các nguồn tài chính của trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Các nguồn tài chính của trường bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: thông qua quyết định giao dự toán hàng năm.
- Nguồn thu sự nghiệp: Bao gồm học phí chính quy và phi chính quy; lệ phí tuyển sinh, thu từ hợp đồng liên kết đào tạo.
- Nguồn thu khác

Các khoản thu trên đều được nhập vào tài khoản đúng theo quy định và được sử dụng đúng mục đích như phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Nguồn kinh phí cấp cho hoạt động khoa học được theo dõi riêng, phục vụ cho các nhiệm vụ và đề tài khoa học cấp Bộ và cấp cơ sở. Ngoài ra trường còn trích từ nguồn thu học phí để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã có chiến lược khai thác các nguồn tài chính khác nhau để đáp ứng có hiệu quả các hoạt động của trường và tái đầu tư phát triển. Ngoài nguồn thu chủ yếu từ học phí phi chính quy, trường đã thành lập "Trung tâm tin học, ngoại ngữ" và "Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ" để khai thác tiềm năng cơ sở vật chất sẵn có và tăng nguồn thu cho trường. Các nguồn thu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả. Trường đã trích lập các quỹ từ việc tiết kiệm chi tiêu để chi phúc lợi, tăng thu nhập cho cán bộ công chức và đầu tư cơ sở vật chất.

**2. Đánh giá điểm mạnh:**

Các nguồn tài chính của trường được khai thác một cách hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích và quản lý hiệu quả. Việc khai thác nguồn thu ngày càng được nhà trường chú trọng để có thể tự chủ hơn nữa trong sử dụng tài chính cho các hoạt động của trường.

**3. Tồn tại:**

Chưa khai thác hết các tiềm năng đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để đáp ứng nhu cầu xã hội.

**4. Kế hoạch hành động:**

Tăng cường mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, liên kết đào tạo với các tổ chức, các trường đại học trong nước để mở rộng quy mô, khai thác các nguồn thu và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

**II. Tiêu chí 10.2.**

***Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định.***

Kế hoạch tài chính hàng năm rõ ràng, sát thực tế đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

Công tác quản lý tài chính được chuẩn hoá, minh bạch theo đúng quy định và trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đánh giá không vi phạm các quy định về quản lý tài chính.

**1. Mô tả:**

Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm được coi trọng và là một bộ phận công việc của trường. Kế hoạch tài chính được lập dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, chiến lược phát triển của trường, nhiệm vụ được giao, chế độ, quy định, định mức của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Kế hoạch tài chính hàng năm được tính toán, cân đối giữa nhiệm vụ chi và phạm vi ngân sách được giao, có kế hoạch chủ động cho các nhiệm vụ phát sinh. Hàng năm trường đều tổ chức hội nghị kế hoạch tài chính và có báo cáo tài chính công khai bằng văn bản.

Trường đã được Bộ chủ quản giao quyền tự chủ tài chính theo quyết định số 915/QĐ-BGD&ĐT-KHTC ngày 28/2/2003, đến nay trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và hàng năm chỉnh sửa quy chế cho sát với thực tiễn và cân đối thu chi.

Công tác quản lý tài chính được thực hiện đúng chế độ quy định và đang từng bước chuẩn hoá. Trường đã thành lập bộ phận kiểm tra tài chính nội bộ để đánh giá công tác quản lý tài chính hàng năm. Kết quả kiểm tra tài chính nội bộ và biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán hàng năm cho thấy việc quản lý tài chính của trường là minh bạch, công khai các nguồn thu chi và phân bổ tài chính.

## **2. Đánh giá điểm mạnh:**

Công tác lập kế hoạch tài chính rõ ràng, sát thực tế và yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Công tác quản lý tài chính được công khai, minh bạch, đúng quy định của Nhà nước và trong vòng 3 năm không vi phạm các quy định về quản lý tài chính.

## **3. Tồn tại:**

Công tác quản lý tài chính chưa được chuẩn hoá, việc áp dụng tin học và sự hỗ trợ của phần mềm vào quản lý tài chính chưa thống nhất, đồng bộ. Chưa có phần mềm quản lý tài chính được liên kết với nhau bởi mạng nội bộ để lãnh đạo phòng dễ dàng kiểm soát.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục thực hiện công tác kế hoạch tài chính hàng năm sát thực tế và phù hợp yêu cầu hoạt động, nhiệm vụ của trường. Tin học hoá quản lý tài chính với việc tăng cường sự hỗ trợ các phần mềm quản lý tài chính, kế toán. Hoàn thiện hệ thống thông tin được liên kết với nhau để dễ dàng kiểm soát.

## **III. Tiêu chí 10.3:**

***Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc và các hoạt động của trường.***

Tài chính được phân bổ hợp lý, có trọng tâm phục vụ cho chiến lược ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục.

Đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định và có hiệu quả và trong vòng 3 năm đến thời điểm đánh giá không vi phạm các quy định về tài chính.

### **1. Mô tả:**

Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển của trường, nguồn tài chính được phân bổ đáp ứng nhu cầu phát triển của trường, có trọng tâm ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục. Hàng năm trên 50% kinh phí được phân bổ cho đào tạo đại học, cao đẳng. Ngân sách và nguồn thu hàng năm tăng phù hợp việc tăng quy mô và phát triển của trường. Việc phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý đã góp phần nâng cao đời sống của cán bộ viên chức, đầu tư cơ sở vật chất và phục vụ tốt công tác đào tạo của trường. Cơ sở giảng dạy, đào tạo của trường khang trang, đẹp đẽ, thu hút đối với sinh viên.

Các chế độ chi tiêu đều được ghi rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy trình dân chủ, công khai hoá, có ý kiến đóng góp của tổ chức đoàn thể và được sự nhất trí cao của cán bộ công chức viên chức. Các khoản chi đều được phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác, rõ ràng vào sổ sách, chứng từ kế toán theo quy định và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

Trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đánh giá, trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí đúng quy định, có hiệu quả.



## **2. Đánh giá mặt mạnh:**

Việc phân bổ và sử dụng tài chính hiệu quả góp phần nâng cao đời sống của cán bộ viên chức trong trường; chiến lược ưu tiên kinh phí cho phát triển giáo dục góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới trang thiết bị, đáp ứng nhu cầu của người học. Việc phân bổ kinh phí sát với yêu cầu thực tế đào tạo và đảm bảo đúng quy định, có hiệu quả.

## **3. Tồn tại:**

Chưa có chế độ tài chính, kế toán hướng dẫn tới các đơn vị trực thuộc.

## **4. Kế hoạch hành động:**

Tiếp tục nghiên cứu và ban hành các quy định về quản lý tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán cho đơn vị trực thuộc. Đẩy mạnh công tác kiểm soát tài chính theo hướng tăng cường tính chủ động, tiếp tục khảo sát nhu cầu chi làm cơ sở khoán kinh phí cho các đơn vị. Sửa đổi và hoàn chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ cho sát với thực tế và cân đối giữa nguồn thu và nhiệm vụ đào tạo.

## **KẾT LUẬN:**

Nguồn thu của trường đều hợp pháp và sử dụng tài chính đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động của trường. Nguồn thu của trường được quản lý tập trung, phân bổ tài chính hợp lý đảm bảo tăng thêm thu nhập cho cán bộ viên chức. Công tác quản lý được thực hiện công khai, minh bạch và đang có nhiều giải pháp tích cực để công tác quản lý tài chính được chuẩn hoá.

## **C. KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ việc tự đánh giá thực trạng về các hoạt động của Trường và xem xét các mức độ đánh giá theo từng tiêu chí, Trường Đại học Tây Bắc đã đạt được một số thành tựu nhất định, có thể tham gia vào hoạt động đảm bảo chất lượng các trường Đại học.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng các hoạt động đảm bảo chất lượng còn nhiều yếu tố chưa bền vững, các hoạt động đảm bảo chất lượng đã được triển khai nhưng chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống và nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng trong trường chưa được hiểu, chưa triển khai rộng khắp đến các cán bộ viên chức nhà trường.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của trường đi vào nề nếp.

Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng tổng thể của trường trong những năm tiếp theo có thể hình dung như sau:

1. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng 4 cấp : Trường - khoa - bộ môn - giáo viên.

2. Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ thực tế về các nguồn lực hiện có và xu hướng phát triển chung xác định chủ trương, xây dựng chính sách, triển khai các hoạt động hướng tới nội dung đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo ở các cấp.

3. Kết hợp với việc triển khai hoạt động quản lý của nhà trường theo các quy trình đã có, triển khai các yêu cầu, các nội dung, các hoạt động về công tác đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo.

### **Nơi nhân:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Ban Giám Hiệu

- Lưu HC-TH, Đào tạo

*Sơn La, ngày tháng năm 2013*

**HIỆU TRƯỞNG**

